N° 51 Septembre 1921

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

« Có đồng-đẳng mới bình đẳng được.
« Hãy ở quốc-trung, gió xôi đến cùng
« quốc-sinh cùng. »

ROOSEVELT.

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en chef PHẠM QUỲNH

Mỗi tháng xuất-bản một kỳ

YẾU-MỤC

Số trang

1. — *Không-tử đồ-địa-lịch của Âu-châu* 179
2. — *Mấy bài trung của các quân-tử nhà nho* 189
3. — *Thanh-niên cách-mệnh II* 200
4. — *Thế-giới tiến-bộ sử I* 215
5. — *Sử-học nhân-vật IV* 224
6. — *Tạp-trước. — Tuồng nghĩa hai cô Khuyên-hiền. — Viếng cụ Nguyễn Bá-Học* 229
7. — *Đông-tây văn-minh-thuyết. — Giới-tế bất-nghĩa. — Người-dân ba điều* 243
8. — *Tâm-học tâm-nguyên. — V.* 249
9. — *Văn-uyển* 261
10. — *Thi-đàm* 267
11. — *Tạp-Ký-uyển của hội Khai-trí Tiến-đức* 275

Kỳ này có hai cái ảnh quan Phó Toàn-quyền và lăng đức Cao-hoàng Gia-long ở Huế

Giá mỗi số : 0$ 40

C
44

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
14-16, Rue du Coton, Hanoi

1921

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

Người sáng-lập

FONDATEURS

PHẠM QUỲNH	LOUIS MARTY	NGUYỄN BÁ-TRÁC
Hàn-lâm-viện trước-tác	*Trưởng tòa Chánh-trị phủ Toàn-quyền*	*Cử-nhân Hồng-lô tự-khanh*

Sở PHÁT-HÀNH *Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Rue du Coton, Hanoi*

Ai mua báo, trả tiền báo, hoặc thư từ gì về việc gửi báo bán báo, đăng cáo-bạch, v.v., xin viết cho *ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh Imprimerie Tonkinoise, 14-16 Phố hàng Bông Rue du Coton*; gửi *mandat* trả tiền cũng xin để tên ông Lê Văn-Phúc thâu nhận.

Bắt đầu từ 1er Novembre 1919, tòa soạn báo dời ra số 124 phố hàng Bông (124 Rue du Coton)

Còn gửi bài vào báo hoặc thư từ gì về các việc khác xin viết cho ông Phạm Quỳnh, chủ-bút kiêm quản-lý, *124 Rue du Coton* (Phố Hàng Bông Hanoi).

Chủ-bút kiêm quản-lý
Directeur Rédacteur en Chef } PHẠM QUỲNH

Ân-nhân của báo-quán

Đức KHẢI-ĐỊNH *Hoàng-đế*	*Quan Toàn-quyền* SARRAUT
Quan Khâm-sứ Kinh	Quan Công-sứ Thanh-hoa
Quan Công-sứ Vĩnh-long	Quan Cố Ân-sĩ NGUYỄN PHONG.

(Các ngài ân-nhân của báo quán là những ngài mua 5 phần báo một lúc giúp cho báo-quán từ 100 đồng trở lên. Các ngài được quyền-lợi nhận báo mãi mãi. Sau này ngài nào giúp báo như vậy cũng sẽ lần-lượt ghi tên vào bia này.)

Mục-đích báo Nam-phong

Mục-đích báo *Nam-phong* là thể cái chủ-nghĩa khai-hóa của Nhà-nước, biên-tập những bài bằng quốc-văn, hán-văn, pháp-văn, để giúp sự mở-mang tri-thức, giữ-gìn đạo-đức trong quốc-dân An-nam, truyền-bá các khoa-học của Thái-tây, nhất là học-thuật tư-tưởng Đại-Pháp, bảo-tồn cái quốc-túy của nước Việt-Nam ta, cùng bênh-vực quyền-lợi người Pháp người Nam trong trường kinh-tế.

Báo *Nam-phong* lại chú-ý riêng về sự tập-luyện văn quốc-ngữ cho thành một thứ quốc-văn An-nam.

Các ngài có bụng yêu nước-nhà, muốn tác-thành cái mục-đích trên kia, ra công giúp cho hoặc giúp về đường lý-tài, hoặc giúp về đường ngôn-luận, bản-báo xin cảm-ơn.

Báo *Nam-phong* nhận cả các bài nghị-luận, văn-chương, khảo-cứu, bằng quốc-văn, hán-văn và pháp-văn. Bài nào tòa soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng không có lẽ trả lại bản-thảo.

Giá bán :

Mỗi năm..... 4$00 *Nửa năm*..... 2$00 *Mỗi số*..... 0$40

1o Xin các ngài mua báo dòng-niên nhân được vài ba số thời gửi tiền về trả cho. Cứ *mandat* xin để tên ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận.

2o Ngài nào mua từ số 43-44, xin kịp gửi tiền trả, kẻo chúng tôi phải phiền nhà giấy thép đòi thời phí tổn các ngài chịu.

3o Ngài nào thôi mua báo xin viết thư cho nhà Đông-kinh ấn-quán biết để thôi không gửi nữa.

4o Giá báo nhất-luật là 4$ một năm, 2$00 nửa năm, không có giá 0$30 nửa.

Le Directeur-Gérant : PHẠM QUỲNH.

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ DIỄN-KỊCH

(*Lối diễn-kịch của Âu-châu*)

Mấy số trước bản-chí đã có bài khảo về tiểu-thuyết và diễn-thuyết (1), trong các bạn đọc báo nhiều ông cũng cho là khảo-cứu kỹ-lưỡng, đọc có ích-lợi. Nay lại xin làm một bài khảo về diễn-kịch, vì diễn-kịch cũng như là tiểu-thuyết, diễn-thuyết, là những lối văn-chương mới ngày nay nhiều người ưa, nhưng ít người hiểu phép tắc ra thế nào. Từ ngày hội « Khai-trí-tiến-đức » khai-diễn bài *Bình tướng* là một bài bi-kịch trong cổ-bản nước Pháp, quốc-dân đã thấy khuynh-hướng về lối văn mới, người xem kịch đã nhiều, và người soạn kịch cũng có. Sự nhiệt-thành ấy là hay, nhưng mà lệ thường ở nước ta, những người bắt-chước có ý-thức thời ít, những kẻ bắt-chước để a-dua thời nhiều ; cho nên thấy nhiều người cổ-võ về tân-kịch, vị tất đã chứng rằng nhiều người đã hiểu hết tinh-thần của kịch mới vậy.

Diễn-kịch là gì ? Diễn-kịch tiếng Pháp là *drame* (*genre dramatique*), do chữ Hi-lạp mà ra, nghĩa đen là « hoạt-động ». Diễn-kịch là một lối văn-chương bày-diễn ra một việc gì hoặc có thực, hoặc đặt ra, bằng những vai người hành-động và nói-năng hiển-nhiên như thực. Diễn-kịch có ba lối chính : một là bi-kịch (*tragédie*), hai là hi-kịch (*comédie*), ba là nhạc-kịch (*opéra*).

Nói diễn-kịch là « bày diễn », vì trong diễn-kịch toàn là thực-hành, hoạt-động cả, không phải là kể-thuật như trong lối tiểu-thuyết, lối sử-ký. Trong một bài kịch, người soạn kịch không có lộ ra, chỉ có các vai nói-năng hành-động trước mặt ta.

Lại nói diễn-kịch là việc có thực hay việc đặt ra, vì trong diễn-kịch không tất-nhiên phải là việc đã có xảy ra thực, miễn là việc có thể xảy ra được. Song, cứ trong cổ-kịch của Âu-châu, thời thường là những việc cũ trong lịch-sử, hoặc những truyện truyền-kỳ cổ-tích, sửa-sang xếp-đặt lại cho thành bài kịch : tuồng ta tuồng tàu cũng thế, không mấy khi là truyện bịa đặt ra hẳn, thường là những tích cũ trong sử. Có khi là mượn hẳn tích cũ mà tô-điểm thêm vào ; có khi là phỏng ở truyện cũ mà đặt ra việc mới ; gần về đời nay thời phần nhiều là người với việc bịa đặt ra hết.

Lại nói rằng những vai trong kịch phải hành-động nói-năng hiển-nhiên như thực ; đó là điều quan-trọng lắm, vì là phần cốt-yếu trong diễn-kịch : diễn-kịch cốt là phải mô-phỏng cho hệt như sự thực ở đời. Người ta xem diễn-kịch sở-dĩ lấy làm hứng lắm thú là thấy các việc bày ra hiển-nhiên như thực ; như vậy thời việc phải cho hợp với lẽ thường ở đời. Ông Boileau là người làm luật cho các lối văn-chương của nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, đã nói

(1) Xem *Nam-Phong* số 43 (Bàn về tiểu-thuyết), trang 1-15 ; số 45 (Bàn về diễn-thuyết), trang 169-182.

rằng : « Truyện kỳ-khôi thế nào mà vô-lý cũng không làm cho tôi có hứng-thú được » (*Une merveille absurde est pour moi sans appas*).

Người soạn kịch muốn giữ cho những việc mình bịa-đặt ra có cái vẻ thực, khiến người ta tin được, thời bao giờ cũng phải tự hỏi : việc này có thể xảy ra sự thực được không, việc kia có hợp với lẽ thường không ; nếu là tích lấy trong sử, không khỏi có chỗ hoang-đường, vì không thể lấy thuật tài - khéo làm được cho những việc hoang - đường ấy phảng-phất như có cái vẻ thực, để người xem cũng mơ-màng tưởng là thực, thời nên bỏ đi còn hơn. Song cũng lại phải nhớ rằng có khi có việc thực mà nó hơi ra ngoài lẽ thường, khiến người ta ngờ là không thực ; nhà soạn kịch giỏi phải biết khéo xếp đặt thế nào cho rõ là việc phi-thường mà vẫn ở trong sự-thực.

Nghề diễn-kịch ở Âu-châu, phát-nguyên tự Hi-lạp. Nguyên ở Hi-lạp vẫn có một ngày hội tế ông Thần Rượu (*Bacchus*), trong khi tế có đọc một bài chầu-văn tán-tụng công-đức ông. Có một người tên là EPIGÈNES ở đất Si-yone mới nghĩ ra đương khi đọc chầu-văn đem bày hình ông thần ra và diễn về sự-tích ông. Một người nữa về sau tên là THESPIS, người Hi-lạp đời sau tôn là thánh-sư nghề tuồng, mới lợi-dụng sự cải-cách ấy, bôi nhọ mặt làm hề, rồi đi múa-máy khắp cả phố-phường. Đến ông ESCHYLE, là một người trong ba người soạn kịch có tiếng ở Hi-lạp đời xưa (hai ông kia là SOPHOCLE và EURIPIDE), lại đặt thêm một vai nữa, thành ra trong tuồng trước chỉ có một người nói một mình, bấy giờ hóa hai người đối-thoại nhau, và chế ra cái mặt nạ, cái áo dài, thứ giầy ủng ; lại sửa lời cho trang-nghiêm hơn trước, bỏ bớt khúc ca-vãn, để vào một người hát gọi là « ca-viên » (*le chœur*), vai ca-viên này rút đi nhiều và không thành một vai chính trong tuồng như xưa nữa.— Thế là lối bi-kịch (tức là lối tuồng) của Hi-lạp đời xưa là duyên-do tự những bài chầu-văn ông thần Rượu vậy.

Lại trong khi rước ông thần Rượu đi quanh các làng các xóm, nhân-dân theo sau đông lắm, có kẻ làm hề vừa đi vừa pha trò cho thiên-hạ buồn cười. Những câu pha trò ấy là khởi-điểm lối hi-kịch đó (tức là lối chèo).

Xem thế thời ra nghề diễn-kịch từ lúc mới đầu đã chia ra hai lối khác nhau : một lối bi-kịch, tức như bên ta gọi là lối tuồng, và một lối hi-kịch, tức ta gọi là lối chèo vậy.

Sau này sẽ nói riêng về hai lối ấy ; đây hãng xét chung về mục-đích diễn-kịch là thế nào. Mục-đích diễn-kịch là bày ra một cái đại-công-đức, đại-sự-nghiệp gì để cho người ta cảm động mà muốn theo (như trong tuồng), hay là vẽ ra những thói hư tính xấu của người đời để cho người ta buồn cười mà muốn chừa (như trong chèo), cốt là khiến cho người ta sinh ra cái lòng mến điều thiện và ghét sự ác. Mục-đích ấy, tuy về sau này cũng có nhiều nhà soạn kịch làm sai đi, những nguyên là có quan-hệ với luân-lý, với đạo-đức lắm.

Nay xét đến cách soạn kịch, đại-khái cũng giống như cách soạn tiểu-thuyết, có ba phần cốt - yếu : một là sáng-ý hay là lập-ý (*invention*), hai là bố-cục (*disposition*), ba là lập - từ (*élocution*).

1. — *Nói về lập-ý.* — Lập-ý tức là đặt truyện, nghĩa là nghĩ ra người ra việc. Những người những việc trong bản kịch, cũng phải bày phải vẽ ra cho hệt cho khéo như trong tiểu-thuyết, mà lại phải linh-hoạt hơn, vì tiểu-thuyết là tự-sự, diễn-kịch là hoạt-động.

Trong một bài kịch bao giờ cũng phải có một vai chính, các vai khác là

phụ vào cho nổi vai chính lên ; cái tính-cách người đứng vai chính phải vẽ ra cho rõ-rệt, và cả bài kịch chỉ là phát-siển cái tính-cách ấy ra mà thôi. Không nên đặt những vai vô-ích hay là trùng-điệp. Các vai phải mỗi vai một tính-cách và thường tính cách lại phản-đối nhau, như vai trung lại có vai nịnh, vai thật-thà lại có vai quỉ-quái, tính-ý việc làm trái nhau, đến khi ra đối-đáp mới mạnh mẽ và có thú-vị.

Những bản kịch về truyện cổ thường khi có những tích hoang-đường kỳ-dị, nên bỏ bớt đi, vì khó lòng diễn cho hệt như sự thực được. Nhưng nếu có người bày cảnh khéo thời cũng có thể diễn được ; như thế trong nghề diễn-kịch gọi là « dùng máy » (*machine dramatique*). « Dùng máy » là vừa nhà soạn kịch, vừa người bày cảnh, phải hiệp-lực nhau mà kết-cấu thế nào cho người xem có cái cảm-giác như là sự-thực.

Vả lại nhiều khi những việc hoang-đường cũng không cần phải diễn ra sân khấu. Nhà soạn kịch có thể cho là chuyện xảy ra ở ngoài, rồi để cho một vai thuật lại, theo như ông BOILEAU đã dạy, nói rằng : « Những việc không thể diễn ra cho mắt trông thấy, nên thuật lại cho người ta nghe cũng được. » Như những chuyện thần giáng, chuyện báo mộng, v. v.

Trong lối cổ-kịch Âu-châu, trọng-yếu nhất là phép « tam duy-nhất » (*règle des trois unités*) : thứ nhất là « hành-động duy-nhất » (*unité d'action*), thứ nhì là « trường-sở duy-nhất » (*unité de lieu*), thứ ba là « thời-gian duy-nhất » (*unité de temps*); phép ấy ông BOILEAU đã tóm lại một câu như sau này : « Phàm diễn-kịch phải chủ về *một việc*, xảy ra *ở một nơi*, chỉ trong khoảng *một ngày* mà thôi. »

« Một việc », ấy tức là hành-động duy-nhất, nghĩa là phải kết-cấu thế nào cho các phần trong bài kịch đều khuynh-hướng cả về một việc chính, gọi là cái then-chốt trong bài kịch. Như thế thời việc phải tóm lại ở một người chủ-động trong kịch, nhóm lên từ đầu bài kịch, rồi cứ nở dần ra, cho đến cuối thời kết lại. Như trong bi-kịch, người chủ-động thường mắc phải một sự nguy-hiểm gì, vậy từ đầu bài kịch cho đến cuối phải cứ một việc ấy, tả người chủ-động đối với sự nguy-hiểm thế nào, rồi đến sau thoát hay là bị thế nào. Đến lúc sự nguy-hiểm đã hết thời việc cũng phải hết ; nếu người chủ-động lại mắc phải một sự nguy-hiểm khác nữa thời thành ra việc khác rồi, không thể dính liền với việc trên được. Ấy phép « duy-nhất » thứ nhất là trong một bài kịch từ đầu chí cuối phải chỉ thuộc về một việc, trước nhỏ, sau to, rồi đến kết-cục, chớ không thể đương việc nọ chuyển sang việc kia, hay là hai ba việc lẫn-lộn với nhau được.

« Một nơi », ấy tức là trường-sở duy-nhất, nghĩa là việc phải xảy ra ở một chỗ nhất-định, hoặc là việc ở trong một nhà ở, một trại lính, hay là một tỉnh-thành nào, thời từ đầu chí cuối cứ phải ở chỗ ấy, đương ở nhà mà ra trại, hay đương ở tỉnh này chuyển sang tỉnh khác, làm cho người bày cảnh phải đổi cảnh luôn, người ngồi xem đến nỗi loạn trí, thời việc hay đến đâu cũng giảm thú đi nhiều. Nếu trong các vai có một vai nào phải làm việc gì ở xa chỗ kịch-trường, thời phải dùng cách tự-sự để thuật lại đầu đuôi việc ấy, chớ không phải đem việc mà diễn vào một cảnh mới.

« Một ngày », ấy tức là thời-gian duy-nhất, nghĩa là diễn một việc gì phải thu vào trong khoảng thời-giờ như việc ấy xảy ra thực, khoảng ấy theo các nhà làm sách đời xưa không được quá một ngày là hai-mươi-bốn giờ. Vì diễn-kịch là bắt chước hệt như

sự thực, không thể trong vài ba giờ đồng-hồ diễn được những việc lâu-dài tới hàng tuần hàng tháng, kể hạn một ngày nhiều khi cũng đã là quá. Vả lại việc mà đem ra diễn-kịch được là những việc hoạt-động, nhà soạn kịch lại phải chọn việc ấy vào lúc nào là lúc hoạt-động hơn nhất mới diễn ra, như thế thời cái thời-kỳ hoạt-động nhiều khi chỉ gồm trong mấy giờ đồng-hồ, còn việc tạo-nhân về trước thế nào, kết-quả về sau thế nào, thời dùng cách gián-tiếp để vào các vai phụ nói qua cho đủ hiểu mà thôi.

Các nhà soạn kịch ở Âu-châu đời xưa lấy ba phép « duy-nhất » ấy làm trọng-yếu lắm. Người nào phạm phép ấy thời bản kịch hay thế nào cũng bị giảm giá. Bởi thế nên những bản kịch cổ như của CORNEILLE, RACINE, MOLIÈRE nước Pháp, xem cách kết-cấu chặt-chẽ và thể-tài nghiêm-trang lắm, các tân-kịch đời nay không sao bằng được. Những nhà soạn kịch mới đối với ba phép duy-nhất, thường không giữ được đúng, nhiều khi chỉ giữ được một phép hành-động-duy-nhất, còn trường-sở hay thay đổi, thời-gian quá một ngày là thường, nhưng cũng là sai in-ít mà thôi, chớ không đến nỗi vùn-vụt đương chỗ này sang chỗ khác, hay là ngoang-ngoảng cách đến mấy mươi năm, như trong tuồng ta.

Song cứ bình-tình mà xét thời ba phép duy-nhất như trên kia đã giải kể cũng quá nghiêm thật. Cho nên từ xưa đến nay các nhà soạn kịch vẫn cố tìm cách mở rộng ra, nhất là hai phép duy-nhất về trường-sở và thời-gian. Kể cũng không khó gì, vì các bài kịch đều có chia ra hồi, hết mỗi hồi lại nghỉ diễn (*entr'acte*); trong khi nghỉ diễn muốn thay đổi cảnh hay là cho là việc đã qua đi ít lâu rồi cũng có thể được, duy không nên làm quá, như lời ông BOILEAU nói rằng trong một bài kịch kia có vai hồi thứ nhất còn là trẻ con, đến hồi cuối cùng đã thành ông lão già đầu râu tóc bạc, thời không thể dung được. Nhưng đến phép hành-động duy-nhất thời các nhà soạn kịch cổ kim đều cho là cần cả, không hề dám sai; đến các nhà văn-sĩ về phái « lãng-mạn » (*les romantiques*) là phái nhất-thiết muốn phản-lối hết các lề-lối văn-chương của cổ-nhân, cũng phải công-nhận phép ấy.

Nói tóm lại, soạn kịch phải chủ lấy cho hệt, cho đúng như sự thực, khéo châm-chước biến-báo mà được hệt được đúng thời dầu có sai lề-lối một ít cũng không hại gì, còn như chỉ biết giữ cho đúng lề-lối mà truyền đặt ra không được hệt sự thực, thời bài kịch cũng không có giá-trị gì.

Còn như cốt truyện trong bài kịch, cách đặt có hai lối: một là lối bình-giản (*fable simple*), hai là lối phiền-phức (*fable complexe*). Lối bình-giản là truyện từ đầu đến cuối cứ đều-đặn tuần-tự, không có những việc phi-thường, không có những sự trắc-trở, hình như cái máy động là ở trong tâm-tình các vai tuồng, hơn là ở những công việc xảy ra ngoài; lối này dễ mà khó, dễ là ít việc, không phải biến-báo lắm, khó là bởi ít việc nên lại phải tả tâm-tình người cho khéo, vì truyện là thu cả lại ở trong tinh-ý người ta. Lối phiền-phức là lối đặt ra nhiều việc nghiêu-khê trắc-trở, kỳ-ngộ tình-cờ, tựa-hồ như làm ra rắc-rối, không có mạnh-mối gì, nhưng đến sau mới gỡ dần dần mà rõ cái chủ-ý ra; trong lối này, cái động-cơ thường là ở việc, không phải ở người, việc xảy đến, việc nọ dắt việc kia, người ta chẳng qua là tùy việc mà đối phó mà thôi. Lối này thời phải dụng trí biến-báo nhiều, dễ làm cho vui trò, nhưng cũng không nên lộng-xảo mà bày đặt ra những việc lôi-thôi quá, khiến người xem rối trí, không lấy làm thú nữa.

Sau hết, dù truyện đặt ra là thuộc về lối bình-giản hay là lối phiền-phức, theo

phép diễn-kịch cổ bao giờ cũng phải có cái ngụ-ý hoặc xa hoặc gần về đạo-đức, bao giờ cũng phải có chủ-ý hoặc phát-minh, hoặc phù-trợ cho luân-lý. Tuy các nhà soạn kịch đời nay hay có ý phóng-túng, chỉ chủ làm vui trò, không cần gì khuyên răn, nhưng mà về đời văn-chương cổ-điển đương thịnh, ở Âu-châu cũng như ở Đông-phương ta, phàm tuồng hay chèo đều có ngụ-ý khuyên điều thiện, răn điều ác cả. Cho nên trong các sách cổ dạy về nghề diễn-kịch, có khuyên bốn điều như sau này :

1° Trong bài kịch, không nên từ đầu chí cuối chỉ phô bày những chuyện gian-ác độc-địa ; có việc ác lại phải có việc thiện đối lại mới được.

2° Tả người thiện với người ác, dẫu người ác khôn-ngoan tài-giỏi thế nào, cũng không nên ra ý thiên-vị mà làm cho giảm giá người thiện đi.

3° Tả về chuyện tình, không nên dùng những lời khêu-động, những bỡ lả-lơi quá, để giục cái lòng dâm của người đến xem.

4° Dù chuyện dật phân-vân trắc-trở thế nào, đến lúc kết cũng phải bày rõ cái ngụ-ý khuyên-răn ra, cho người xem biết cái [illegible] chuyện là ở đó.

Xem bốn điều như trên thời biết rằng diễn-kịch ở Âu-châu ngày xưa không phải là một lối văn-chương bại-hoại phong-tục, cũng không phải là một cái trạt-nghề của bọn xướng ca vô-loài. Cái tôn-chỉ của diễn-kịch chính là để phù-trì cho đạo-đức, làm sáng cho luân-lý. Đó là cái thời-kỳ thứ nhất trong nghề diễn-kịch, cũng như trong các lối văn-chương khác, thời-kỳ ấy tức là thời-kỳ văn-chương còn phụ-thuộc với luân-lý. Nhưng mà xã-hội càng tiến-hóa, văn-minh càng cao lên, thời văn-chương dần dần thoát-ly ra ngoài luân-lý và khuynh-hướng về đường mĩ-thuật, tức là thời-kỳ thứ hai Âu-châu về đường văn-học đã qua thời-kỳ thứ nhất trên kia mà đến thời-kỳ thứ hai sau này, cho nên các tiểu-thuyết cùng các kịch-bản mới bây giờ không thiên về đạo-đức luân-lý, chỉ cốt lấy mĩ-lệ tinh-xảo mà thôi ; nhưng mà cho được tới ngày nay, trung-gian đã phải kinh-qua biết bao nhiêu sự biến-cách trong mấy trăm năm mới đến trình-độ như bây giờ. Nước ta ngày nay, nhất-thiết mọi đường, còn kém Âu-châu xa lắm : như về đường văn-học, ta còn đương ở về thời-kỳ văn-chương còn phải phụ-thuộc với luân-lý, chưa đến thời-kỳ văn-chương đã khuynh-hướng về mĩ-thuật, ta có muốn bắt chước Âu-châu là còn phải bắt chước Âu-châu vào ba bốn trăm năm về trước, nếu nay đã vội-vàng vượt trình-độ mà mờ-phỏng ngay những lối tiểu-thuyết cùng diễn-kịch tối-tân bây giờ, thời không khéo ra đến sai-lầm hết cả, và không khỏi mang tiếng là làm những văn-chương tổn-hại đạo-đức, bại-hoại phong-tục vậy.

2. — *Nói về bố-cục.* — Một bài kịch phải chia ra hồi (*actes*), hồi chia ra kịch (*scènes*). Mỗi một hồi là một đoạn lớn trong bài kịch ; còn các kịch là các phần trong một hồi, hễ khi nào có một vai ra hay một vai vào là phải chuyển kịch này sang kịch khác. Hết mỗi hồi nghỉ gọi là *entr'acte*, trong khi nghỉ mà có đàn-nhạc hay nói bông-lơn gọi là *intermède*.

Cứ theo sách « Thi-nghệ » của HORACE thời ấn-định mỗi bài kịch phải có năm hồi. Nhưng các nhà soạn kịch nhiều khi làm bốn hồi, ba hồi, hai hồi hay một hồi cũng có. Năm hồi là nhiều nhất, vì người xem ngồi được hết năm hồi cũng mất ba bốn giờ đồng hồ, tưởng cũng đã nhọc.

Còn số các kịch trong mỗi hồi không có nhất-định. Nhưng lệ thường là trên sân khấu bao giờ cũng phải có người,

không nên để không lúc nào. Nếu cả các vai đều vào hết để cho những vai khác ra thay, thời người đi vào phải báo người sắp đến hay là đợi đến nói mấy câu rồi hẳng lùi vào. Nghĩa là phải làm thế nào cho các kịch liên-tiếp nhau, không có gián-đoạn, và mỗi vai bước ra sân khấu hay là lùi vào phải có nói rõ cái lý-do cho người xem biết.

Trong các bản kịch cổ, cách bố-cục trước nhất phải có một đoạn bày giải cái đầu đề của bài kịch, gọi là đoạn « giải-đề » (*protase*), nghĩa là nói qua cái chủ-ý bài kịch ra thế nào, để cho người xem biết đường mà nhận các việc sắp xảy ra. Giải-đề phải bắt đầu ngay từ kịch thứ nhất, và cách bày giải phải cho khéo lắm, nói vừa đủ cho người ta hiểu cái đại-ý trong bài kịch, nhưng không nên nói rõ lắm, còn để hơi mập-mờ cho không biết sau kết ra làm sao, để giục cái hứng-thú của người xem. Trong lối bi-kịch, phần «giải đề » thường để vào một vai tôn-trọng, và nói bằng những lời trang-nghiêm. Các vai nhỏ không nên đặt vào phần này.

Các cổ-kịch thường trên đầu lại có một đoạn « khai mào » (*prologue*) nữa, tức như bài tựa của tác-giả đem đọc ở sân khấu. Trong bài khai-mào là tóm lược tích truyện, nói xuất-xứ ở đâu, cũng có khi là lời tác-giả cảm ơn những người đến xem, thanh-thở về nông-nỗi mình, hay là tán-dương công-đức bậc vua chúa hoặc kẻ quyền-quí đã có ơn giúp mình. Lối « khai-mào » như thế ngày nay không thường dùng nữa. Bây giờ « khai-mào » thường là cả một hồi thứ nhất bày giải nghĩa chuyện và trình các vai chính trong trò.

Trong bản kịch cũng như trong tiểu-thuyết, cốt-yếu là chỗ « thắt nút » (*nœud dramatique*), nghĩa là đấu cả những sự khó-khăn ngăn-trở vào một chỗ, để rồi gỡ ra dần-dần. Thắt phải cho chặt, rồi gỡ ra mới thú, nhưng cũng không nên lộn-xảo mà làm rắc-rối quá, khiến người xem phải khó-nhọc mới hiểu thời không sướng nữa.

Thắt rồi phải cởi ra (*dénouement*). Cởi hay là gỡ phải cho tự-nhiên, lại phải có ý đột-ngột, và có ngụ khuyên-răn. Tự-nhiên, nghĩa là không dùng đến những kế kỳ-quặc, ra ngoài lẽ thường ; tự-nhiên lại là làm thế nào cho người xem có cái cảm-giác rằng việc đã thắt như thế, phải gỡ như thế, không còn cách nào hơn nữa. Nhưng lại phải có ý đột-ngột, nghĩa là tuy là tự nhiên mà tưa-hồ như không ai nghĩ đến, mới trông ai cũng cho là lạ, có nghĩ mới biết là tự-nhiên ; ấy cách gỡ khó nhất là ở đấy, vừa phải tự-nhiên mà vừa phải đột-ngột. Còn gỡ phải cho hợp luân lý và có ý khuyên-răn thời diễn-kịch mới có ích cho phong-hóa, trên kia đã nói rồi.

Gỡ có nhiều lối : hoặc lúc thắt lại là các vai chưa biết nhau, thời đến lúc gỡ ra phải cho các vai nhận biết nhau ; thế gọi là « gỡ bằng lối nhận nhau » (*dénouement par reconnaissance*), như cha con, anh em, vợ chồng, vì xa-xôi cách-trở hay vì hoạn-nạn lìa nhau, gặp nhau không biết, coi nhau như người dưng nước lã, kẻ nghịch người thù, thắt đã như thế, thời gỡ phải cho vợ nhận chồng, anh nhận em, cha nhận con, v. v. ; — hoặc « gỡ bằng sự biến-cách » (*dénouement par révolution*), nghĩa là người chủ-động tự-dưng gặp một sự bất-kỳ, làm điên-đảo cả cục-diện ; nếu biến mà hay ấy thời gọi là « hảo-biến » (*péripétie*), nếu biến mà dở hay không may thời gọi là « tai-biến » (*catastrophe*).

Diễn-kịch toàn là những lời vấn-đáp của các vai nói với nhau ; vậy cốt nhất là ở lời đối-thoại (*dialogue*). Đối-thoại thường chỉ hai người, đến ba người là cùng, bốn người thời nhiều quá, vì câu chuyện lẩn ra nhiều người thành câu chuyện vô-vị. Vậy nói trên

sân khấu thường chỉ vài ba người nói với nhau, còn người khác là đứng nghe, thỉnh-thoảng điểm một vài câu, chớ không phải đối-đáp hẳn.

Đối-thoại phải tự-nhiên như nói chuyện thường, phải liên-tiếp cho thành câu chuyện, phải hoạt-bát mới có lý-thú, lại phải cắt khúc cho khéo, không nên để một người nói dài quá như diễn-thuyết. Những câu đáp lại phải cho mau cho nhanh, như nhân một câu một tiếng người ta nói, khéo đón lấy mà đối lại, hễ đối được chọi, nói gọn-gàng và có ý-tứ, thế là hay.

Trong kịch có khi có vai đứng nói một mình, thường là bộc-bạch tâm-sự mình hay là bàn-tính một mình trước khi quyết-định một việc gì quan-trọng; thế gọi là « độc-thoại » (*monologue*). Trừ khi nào trong lòng bối-rối, cần phải nói cho hả-dạ, còn thời độc-thoại nên ngắn thôi; dài lắm không khỏi làm cho người nghe chán.

3. — *Nói về lập-từ.* — Văn diễn-kịch phải thế nào? Văn diễn-kịch thứ nhất phải tự-nhiên, như lời nói chuyện, nhưng là một cách nói chuyện cao-thượng, dù trong hí-kịch cũng vậy. Còn trong một bài kịch, giọng phải tùy từng hạng người, người đài-các phải ra giọng đài-các, người tầm-thường phải ra giọng tầm-thường; lại phải tùy mỗi lúc, lúc bình-thường, lúc giận-dữ, lúc vui-vẻ, lúc buồn-rầu.

Trong tiểu-thuyết, lúc tả-cảnh, tả-tình, tự sự, tác-giả thường lộ ra luôn; trong diễn-kịch thời tác-giả không được xuất-lộ ra một chút nào, hình như đã sáp-nhập mình vào các vai trong chuyện rồi. Vậy những giọng ngâm nga, những lời văn-vẻ quá, cùng là những câu tỉ-dụ, những lời phán-đoán, rõ là nhà văn-sĩ mượn vai tuồng để tự phô-trương ra, phải nên bỏ đi hết. Nói tóm lại, những lời ăn tiếng nói của các vai tuồng phải cho rất mực tự-nhiên, không được cầu-kỳ kiểu-sức một tí nào. Song cũng phải tùy những tình-tiết cùng cái ý-nghĩa chuyện, có khi phải dùng đến những lời cao-đại cùng những giọng hùng-hồn, miễn là dùng cho phải lúc thời thôi.

Kịch phải viết bằng vận-văn hay tản-văn? Phải phân ra bi-kịch và hí-kịch. Hí-kịch thời muốn viết bằng văn hay viết bằng thơ cũng được. Ngày nay lệ thường là viết bằng văn hết cả, nhưng nhiều bản hí-kịch có giá-trị đời xưa (như hí-kịch của MOLIÈRE) hay viết bằng thơ, vì ngày xưa cho thơ là sang-trọng hơn văn. Còn bi-kịch tất phải viết bằng thơ, vì bi-kịch là lấy ở các chuyện cổ ra, người xa, đời xa, tình-cảnh bi-tráng, nói bằng lời thơ mới có cái vẻ trang-nghiêm trịnh-trọng. Tức cũng như tuồng ta phải dùng lối « nói lối ». Nhưng ngày nay lối bi-kịch ở bên Âu-châu suy đã lâu rồi, và sinh ra một lối nửa bi nửa hí gọi là « bi-hí-kịch » (*tragi-comédie*) hay là kịch (*drame*) không. Lối tản-kịch này cũng thường viết bằng tản-văn; kịch bằng vận-văn bây giờ ít lắm.

* * *

Trước khi xét về phương-pháp riêng của hai lối bi-kịch và hí-kịch, nên giải qua *bi* với *hí* (*le tragique et le comique*) khác nhau thế nào. Trên kia đã nói *bi* với *hí* tức là *tuồng* với *chèo* của ta. Bi với hí khác nhau bởi mục-đích, bởi phạm-vi, bởi công-hiệu.

Mục-đích của sự « bi » là khiến cho người ta hâm-mộ cảm-phục những cái tài-đức lớn, cùng là ghê-sợ ghét-kỵ những cái tội ác to. Mục-đích của sự « hí » là để chữa sửa những thói hư tật xấu trong xã-hội.

Phạm-vi của sự « bi » là những công-nghiệp lớn, tài-đức lớn, tội ác

lớn, tai-nạn lớn, toàn là những việc thuộc về truyền-kỳ, về lịch-sử, không phải là việc hằng ngày trông thấy. Phạm-vi của sự « bi » là những phong-thói cùng công việc thường của người ta trong xã-hội, công việc hủ-lậu, phong-thói buồn cười.

Công-hiệu của sự « bi » là hoặc sợ, hoặc thương, sợ vì trông thấy tội ác bày ra một cách ghê-gớm, kẻ gian mắc phải những sự nguy-nàn ; thương vì trông thấy người hiền phải khốn-khổ, kẻ ngay chịu hiểm-nghèo ; bi là làm cho người ta hoặc run sợ, hoặc thương khóc. Công-hiệu của sự « hi » thời lại khác: hi là làm cho trông người mà tức cười cho người, nghĩ mình có khi lại thẹn riêng cho mình.

Song sự « bi » tuy ghê tuy thảm, mà có một cái phong-thú cao-thượng làm cho người ta mê được. Nhà tâm-lý-học đã giải cái thú riêng của người xem bi-kịch như thế này : mắt trông những sự bi-thảm, lòng cũng có thấy cảm-động, nhưng biết là những việc của cổ-nhân đời trước, không có xảy đâu đến mình, nên có cái khoái-lạc là được cảm-giác những nông-nỗi khốn-nạn của người ta mà tự mình không phải chịu những nông-nỗi ấy ; tức như cái khoái-lạc duy-kỷ của người kia ngồi trên bờ biển mà trông chiếc thuyền đương nghiêng-ngửa trên mặt sóng. Nhưng trong sự khoái-lạc ấy hình như có một cái dư-vị đắng-cay, bởi thế nên lại càng thú.

1. — *Nói về bi-kịch*. — Bi-kịch là gì ? Bi-kịch là diễn một việc gì quảng-đại anh-hùng, đủ khiến cho người ta sợ, người ta thương, người ta hâm-mộ cảm-phục. Muốn gây ra cái cảm-giác bi-tráng, không tất-nhiên phải có người chết, phải đến lưu-huyết ; miễn là việc diễn ra phải là việc to-tát, người trong chuyện phải là bậc cao-sang, và những tình-ý cảm-động trong lòng phải là những tình-ý cao-thượng hết cả. Nói tóm lại, cái khí-vị của bi-kịch phải như lời sách tây nói là một cái khí-vị hùng-tráng bi-thương (*cette tristesse majestueuse qui fait le charme d'une tragédie*).

Thế nào gọi là việc anh-hùng quảng-đại ? Việc anh-hùng quảng-đại, là những việc hoặc to-tát, hoặc kịch-liệt, bởi những tay anh-kiệt, hoặc những tay gian-hùng làm nên, như lập công với nước, trả thù cho cha, v. v. Nhưng cũng có khi cái to-tát kịch-liệt ấy không xuất-lộ ra ngoài một cách rực-rỡ, mà ẩn ở trong một cách thâm-trầm, thí-dụ như hai sự cảm-động cùng mạnh cả xung-đột nhau ở trong lòng, hiếu với tình, nghĩa với lợi, danh-dự với ái-tình, v.v., làm cho người ta quằn-quại đau-đớn, rồi cái nào mạnh hơn mới thắng được.

Trong những sự cảm-động lòng người mà có đủ mãnh-lực làm nên bi-kịch, xét ra có ba cái là mạnh nhất : một là lòng tham-vọng, hai là sự báo-thù, ba là ái-tình. Lòng tham-vọng là lòng ham muốn những sự-nghiệp to lớn, như muốn lập công to danh lớn với đời, muốn được vinh-hiển, được danh-dự. Sự báo-thù thời phải vì một cái lẽ cao-thượng đích-đáng mới nên đem vào bi-kịch, như báo-thù cho cha bị nhục, báo-thù kẻ làm mất danh-dự mình. Còn đến ái-tình thời phải thế nào mới đáng vào bi-kịch ? Ái-tình vào bi-kịch thời phải là thảm-tình. Ông VOLTAIRE nói rằng : « Phải là một cái tình bi-thảm ; coi như một sự lầm-lỗi, mắc phải thời phải hối-hận ăn-năn ». Tình ấy phải khiến cho người ta khổ-sở khốn-nạn, sinh ra tội-lỗi ác-nghiệp ; tình ấy phải tả như một sự nguy-hiểm vô-cùng, hãm-hại người ta một cách rất độc-ác ; nhưng kết-cục phải để cho đạo-đức thắng-đoạt được.

Trên kia đã nói rằng cái hiệu-quả của bi-kịch là sinh ra sợ-hãi và

thương-xót. Sợ-hãi là trong lòng cảm-động về một sự nguy-hiểm tới nơi; thương xót là lòng cảm-động vì trông thấy người bị khổ. Làm thế nào kích-thích được cái lòng sợ-hãi thương-xót ấy? Phải đặt vai chủ-động trong kịch vào một cái cảnh-ngộ nguy-hiểm cho sinh-mệnh hay cho danh-dự người ấy, tả những sự khốn-khổ long-đong người ấy phải chịu, rồi xếp đặt làm sao cho việc càng tiến lên thời sự nguy-hiểm lại càng to, cho đến sau cùng phải truy-lạc hay hãm-hại hẳn. Khéo là phải làm thế nào cho việc cứ tuần-tự mà lên, dần-dần mà tới, để cho người xem mơ-màng như việc là việc xảy đến mình, người chủ-động tức là mình, thời sự cảm-động mới sâu và mạnh.

Muốn làm cho cảm-kích mạnh, tác-giả thường bày ra những sự đột-khởi biến-cách, những việc không ngờ mà xảy đến, mạnh-bạo làm cho người hốt-hoảng kinh-sợ; thế gọi là dùng những « miếng kịch » (*coups de théâtre*). Các nhà soạn kịch về phái lãng-man thường hay dùng những « miếng kịch » dữ-dội lắm, như đâm giết, đầu độc, v.v.; song cũng không nên lạm-dụng những cách bạo-động ấy, vì làm cho người ta hốt-hoảng không phải là gây ra cái cảm bi-tráng.

2. — *Nói về hí-kịch.* — Hí-kịch là diễn một việc thường xảy ra trong xã-hội mà khiến cho buồn cười: Phạm-vi của hí-kịch không phải là những sự bất-hạnh to cùng những tội-tình lớn, nhưng là những thói xấu tật nhỏ của người thường bày ra cho buồn cười để mong chữa-sửa lại.

Cái buồn cười của hí-kịch ấy thường là một sự khuyết-điểm hay một sự sai-lệch trong tâm-tình hay ngoài hành-vi, ở thái-độ hay ở cử-chỉ, trái với lẽ tự-nhiên, đường công-chính, hay thói-tục thường. Thí-dụ như anh khố rách không có một đồng su lại muốn dạy cho người ta cách làm giàu; ông lão già lưng đã khọm, còn muốn làm đồm hơn con trai, cũng tấp tểnh muốn ve gái; bác trọc-phú hủ-lậu muốn làm ra giáng quan cả nhà sang, v. v.

Những sự buồn-cười đem diễn ra hí-kịch thường phải « phóng-đại » ra một chút, cho nó rõ-rệt những tính hư nết xấu của người đời, cũng như bức vẽ khôi-hài (*caricature*) phải vẽ mạnh nét thêm ra cho rõ những hình-thể xấu của người ta. Nhưng mà cái gì cũng vậy, không nên làm quá. Nếu quá thời không thực, đã biết rằng không thực thời không ai buồn cười nữa. Lại muốn diễu-cợt cho buồn cười thời cũng nên diễu-cợt những sự thật đáng cười mà thôi: nếu đem sự đạo-đức, sự danh-dự mà diễu-cợt thời không những sái luân-lý, mà chắc không thành buồn cười được.

Có một cách làm cho nổi sự buồn cười trong hí-kịch, là đem đối tật nọ với tật kia, thói này với thói khác: như tả vai kẻo thời lại đặt một vai hoang để đối lại; tả người giả-dối nịnh-nọt thời lại để một người thực-thà cương-trực để đối lại; tả một người buồn-rầu cáu-cắt thời lại đối một người vui-vẻ nhã-nhặn; tả một chị đài-các làm bộ hay nói chữ, thời lại đối với một đứa con-ở ăn-nói nôm-na mà dễ nghe lưu-loát.

Nói tóm lại, hí là buồn cười, hí-kịch là bài kịch buồn cười. Sự buồn cười cũng có nhiều hạng, các sách tây chia ra làm ba: một là « thượng-lưu-hí » (*comique noble ou haut comique*); hai là « trung-lưu-hí » (*comique bourgeois*); ba là: « hạ-lưu-hí » (*bas comique*). Thượng-lưu-hí là tả những tính xấu của các kẻ giòng sang quí-tộc: cách diễu-cợt thường mát-mẻ, giọng pha-cười cũng thanh-tao. Trung-lưu-hí là tả những thói dởm của những kẻ đứng vào bậc trung-bình

trong xã-hội, thường hay hợm-hĩnh, làm bộ làm tịch, tham của tham danh. Hạ-lưu-hí là tả những cách tục-tằn, bỉ-ổi, hủ-lậu, keo-cú của bọn bình-dân. Cũng có khi trong một bài kịch gồm được cả ba hạng đó.

Còn đến các lối hí-kịch thời người ta thường chia ra năm lối: một là «hí-kịch bày việc» (*comédie d'intrigue*), hai là « hí-kịch tả người » (*comédie de caractère*), ba là «hí-kịch tạp» (*comédie mixte*), bốn là «hí-kịch có múa»(*comédie-ballet*), năm là «hí-kịch pha trò» (*farce*).

«Hí-kịch bày việc», là bày ra những việc buồn cười, đặt ra cho thành rắc-rối, lung-tung loạn-sạ, người xem không biết đầu-đuôi vào đâu, đến lúc gỡ ra mới rõ mành-mối. Lối này bay chính là bởi sự lôi-thôi rắc-rối ấy.

« Hí-kịch tả người », là đặt ra một người chủ-động có cái tính thiên tật xấu gì, rồi tả khắp các phương-diện cho biểu-lộ cái tật hay là cái tính ấy ra. Lối này là lối cao-thượng hơn nhất, phải có thuộc tâm-lý người ta lắm mới làm được.

«Hí-kịch tạp», là vừa bày việc, vừa tả người, nửa nọ nửa kia, mà tả người thời không có nghiên-cứu kỹ lắm, cũng không chuyên tả một người, thường vẽ ra nhiều người mà đem người nọ đối với người kia.

«Hí-kịch có múa», là xong mỗi hồi nghỉ lại có múa có hát.

«Hí-kịch pha trò», là lối pha trò buồn cười cho kẻ thường-dân vô-học, thường diễn ở những nơi họp chợ nhà quê.

Văn hí-kịch phải thế nào ? Văn hí-kịch lại phải tự-nhiên lắm, càng giống lời nói chuyện thường lại càng hay, nhưng cũng không nên sỗ-sàng quá. Dẫu kẻ hạ-lưu nói, cũng không nên nói thô-tục như bọn đều-gồng thật; song cũng chớ nên làm trái lại mà cho kẻ bình-thường vô-học nói những lời hoa-mĩ văn-chương. Nói tóm lại lời văn phải cho tự-nhiên hoạt-bát, mà chớ nên thô-bỉ sỗ-sàng. Tùy lúc, cũng có thể nói những lời cao-thượng được, nhưng dù cao-thượng mà vẫn giữ một mực giản-dị bình-thường. Tối-kỵ là những giọng cao-đại, trái với cái tôn-chỉ hí-kịch là làm cho người ta buồn cười.

—Bi-kịch, hí-kịch, đó là hai thể lớn trong nghề diễn-kịch. Trên kia đã nói lối bi-kịch lấy ở các truyện cổ-tích như xưa, ngày nay không có nữa ; duy có lối hí-kịch vẫn thịnh-hành. Nhưng lối bi-kịch đã biến đi mà sinh ra một lối mới, gọi là « trung-lưu-kịch » (*drame bourgeois*), « bình-dân kịch » (*drame populaire*), hay là « kịch » (*drame*) không. Lối này tức cũng là một lối hí-kịch, nhưng tả những sự bất-hạnh, những cảnh khốn-khó của các hạng người bình-thường trong xã-hội. Tuy không có gì là quảng-đại anh-hùng, nhưng nhiều khi cũng thảm-thương bi-đát. Cho nên còn có tên nữa, gọi là lối « chèo khóc » (*comédie larmoyante*).

Còn mấy lối diễn-kịch nữa, như nhạc-kịch (*opéra*), ca-kịch (*vaudeville*), tạp-kịch (*mélodrame*). Nhạc-kịch là bài kịch hoặc bi hoặc hí, mà có âm-nhạc, nhưng phần chính là nhạc vì cảnh, còn lời nói (*libretto*) là phụ thêm. — Ca-kịch là kịch mà có ca hát, còn lời nói thời vụ cho hoạt-bát, khinh-khiêu, vui-vẻ, đĩnh-ngộ. — Tạp-kịch là nửa bi, nửa hí, lại có ca có múa nữa, pha đủ các lối, mỗi lối một tí.

. . .

Ấy đại-khái nghề diễn-kịch ở Âu-châu có những phương-pháp và chia ra các chủng-loại như thế. Muốn khảo cho tường hơn nữa thời phải kể lịch-sử nghề diễn-kịch ở các nước Âu-châu và thứ nhất là nước Pháp ; lại phải giải cách diễn ra thế nào, cách bày

cảnh thế nào, cách xếp đặt trong nhà hát thế nào, v. v. Nhưng lược-khảo như thế này tưởng cũng tạm đủ cho các ngài đọc báo biết qua về lối diễn-kịch ở Thái-Tây thế nào. Nếu sau này có dịp, sẽ xin khảo thêm tường hơn nữa.

Bàn về diễn-kịch đáng lẽ phải có mấy câu kết-luận về nghề diễn-kịch lợi hại thế nào. Song bài này là một bài khảo-cứu, những lời phiếm-luận không có ích gì. Vả lại diễn-kịch lợi hay hại, các bậc danh-sĩ Thái-Tây từ xưa đến nay bàn-luận đã nhiều, mà chưa quyết-nghị ra làm sao. Vua Louis thứ 14 hỏi cụ giám-mục Bossuet về sự đó. Cụ trả lời rằng : « Tâu Bệ-hạ, diễn-kịch hay cũng lắm, mà dở cũng nhiều. » Như thế thì bàn-luận cũng vô-ích, vì nói dở cũng được mà nói lại không phải là không được. Nhưng bất-luận diễn-kịch hay hay dở, lợi hay hại, có một sự hiển nhiên là cổ kim Đông Tây đời nào nước nào cũng có diễn-kịch, và những kịch-bản tuyệt-tác không biết bao nhiêu mà kể. Phàm công-trình người ta nghĩ-ngợi gây-dựng ra, mà được đến tốt đẹp, tất có một cái tinh-thần ở đấy : duy không biết khéo lợi-dụng thời cái tinh-thần ấy mất đi mà thôi. Diễn-kịch mà phải đường ra, có ích cho phong-hóa không phải là nhỏ ; nhưng diễn-kịch mà sai đường thời hại cho phong-hóa cũng không biết bao nhiêu mà kể. Người soạn kịch, kẻ xem kịch, phải nên cẩn-thận.

THƯỢNG-CHI

MẤY LỜI TRUNG-CÁO VỚI CÁC BẠN NHÀ NHO[1]

Kể từ khi ông lão-thành tiến sĩ, cô thiếu-nữ tân-lai, đã cởi dai lau phấn đi rồi, ở trên học-vấn đến-đài nhất-luật thay vai đổi cảnh ; bạn nhà nho ta nếu chưa có thể bước lên cho mau, chen vào cho khéo, sủy lấy một chiếu ngồi ở trong xã-hội, thì dễ thường từ nay trở đi không có lối mà thò mặt lên vũ-đài nữa ; bởi vì đem cái nghề mình ra mà rao với đời, thì đời đã rẻ-rúng, mà muốn trò nào ta quay ra trống ấy, đình nào ta chúc vào đình ấy, thì nếp áo cổ nào ai đo mẫu, con hát trẻ thì người mới ưa. Than ôi ! bạn nhà Nho ta bấy lâu dùi-mài kinh-sử, chất hằng kim-thạch, con nhà thánh-hiền, có đâu đến nỗi lông-bông hư-hỏng bao giờ ; chẳng may gặp phải thời buổi gạn-lọc, cái đời ao nghiên ruộng sách của anh đồ, đã là cái đời gác đi, chẳng những cái địa-vị ăn sung mặc sướng trên xã-hội chẳng đến mình, thậm-chí cái đường tìm vành ấm no, cũng vì buôn trái nghề bán trái nghiệp, thợ chẳng hay cấy chẳng biết, dở-dở dang-dang mà phải chịu thu tay bó gối, ngày nay trông thấy đã nhiều.

Cứ cái tình-thế hiện nay xem ra thì phàm những phái nhà Nho, và những phái bàng-quan không phải nhà Nho chẳng nữa, trông thấy cơ-mầu thất-bại ấy, ai chẳng bảo là cái hồi ách-vận, cái cuộc bi-quan của phái nhà Nho, nhà Nho vì thế mà tủi phận hờn duyên, mà người ngoài cũng vì thế mà thương vay khóc mướn. Nhưng, có phải là ách-vận đâu ! có phải là bi-quan đâu ! Những người bảo là ách-vận, là bi-quan, tôi đây quyết không thụ nhận. Tôi nói thế, các ngài xem văn tôi, xin chớ hiểu lầm, thấy tôi ngày nay còn được

(1) Dịch bài nguyên-văn chữ nho của ông Nguyễn Bá-Trác ở số *Nam-Phong* 49, phần Hán-văn, trang 1-12.

múa-mang vài dòng hán-văn trong quyển Tạp-chí, mà bảo tôi được thể dễ nói khoác; vì tôi cứ cái đường tiến-hóa trong cõi tân-học mà xem ra, thì phần Hán-học trong cõi Á-đông ta ngày nay, thực không ách-vận chút nào, và không bi-quan chút nào, cái ách-vận cái bi-quan đó chẳng qua là lại nhà nho ta trống bỏi vật mình đó thôi, sao lại nói thế ?

Phần hán-học ấy là phần cổ-học ở Á-châu ta đó ; nguồn gốc hán-học, chảy ra đã khắp, vun vào đã lâu, gây-dựng nên một đoàn dân-tộc đông-đúc ở nửa mặt địa-cầu phía đông ta, được đến cái tư-cách có văn-vật có đạo-đức vẻ-vang ; cái công hán-học giúp đời như vậy, thế thì phàm người Việt-nam ta ở Á-đông này, mấy nghìn năm nay chịu lấy cái văn-hóa hán-học ấy, không phải là dắt nhau xuống giếng đâu; kể nghìn năm nay ông ta, cha ta, tiêm-nhiễm hán-học, mà gây-dựng nên tinh-thần cho nước, vun trồng được đạo-đức cho dân ; trong xã-hội có trật-tự tiêm-tất, có lễ-phép hẳn-hoi ; mình đối với quốc-dân mình, biết lấy ái-tình mà đau-xót, mình đối với dân-tộc khác lại biết đem công-lý mà giữ-gìn, nếu không hán-học sao có được thế. Vả lại, ông ta, cha ta, trải qua lịch-sử trong mấy nghìn năm, các cụ lập nên công to nghiệp lớn, làm vẻ-vang cho tổ-quốc đó, đều là con nhà hán-học cả. Cái thanh-danh, cái công-nghiệp của hán-học, của nước Nam ta, rõ-ràng như thế, rực-rỡ như thế ! Mấy nghìn năm nay cái thế-lực về phần hán-học, cũng đã mười phần vẹn cả mười rồi. Lạ gì, mặt-trăng qua rằm thì khuyết, mặt-trời quá ngọ thì tà, đó là cái lẽ thường xưa nay vậy. Huống chi ngày nay cuộc đời đã mở ra hội doanh-hoàn, kể đó người đây, vật này sự khác, đâu đấy biến-hóa thông-dung cả rồi, dựng thành một khuôn trời đất mới, nữa là về phần học-thuật. Xem thế thì vận-chở cái văn-minh của Thái-Tây vào, để bù-giúp cho cái trí-thức cái tư-tưởng có sẵn của mình, chính là cái chuyển-cơ của con nhà hán-học ở Á-đông ta ngày nay đó.

Ta thử xem như nước Nhật-bản, cũng là một nước tiếp-thụ hán-học rất cổ đấy ; mà tự khi duy-tân về sau, phàm những người hán-học ở trong nước, đều biết hăng-hái cổ-vũ, hăng-tạ cái học-vấn cố-hữu, thân-nhập cái văn-minh ngoại-lai; nào khuếch-trương giáo-dục, nào cải-lương chính-trị, nào sáng-lập chế-độ, nào chỉnh-lý quân-lữ, nào chấn-hưng nghệ-nghiệp, để cho nước mình bước một bước mà lên đệ-nhất-đẳng cường-quốc ở Á-đông ; trước sau xem ra chẳng thấy phải nhà nho ở Nhật-bản than-thở về ách-vận về bi-quan bao giờ.

Ta lại thử xem, hán-học phát-nguyên ở nước Tàu, tuy nước Tàu đất rộng dẳng nhiều, đương vào cái thời-kỳ quyền-lợi cạnh-tranh, cái phương thu-thập, cái phép thống-ngự cũng hơi khó thật, nhưng từ năm Canh-tí biến-pháp đến giờ, các phái nhà nho ở nước Tàu cũng biết hăng-tạ cái học-vấn có sẵn của mình, để dung-hợp lấy cái văn-minh mới lạ của Thái-Tây ; rồi cũng học-đường sáng-lập, hiến-pháp chế-định, quốc-chính cải-tân ; vô-luận sự kiến-thiết khi đầu đã được đến thành-công hay chưa thì chưa chắc; nhưng, phàm những người chính-trị-gia ở chính-phủ, người đại-nghị-sĩ ở nghị-trường, kể quân-nhân ở các thành-trấn, người lĩnh-tụ ở các hội-đảng, và những các nhân-vật đây đó nổi tiếng ở hiện-thời, đều là những bậc tài-danh xuất-thân ở nền cựu-học mà dung-hòa với tân-học cả ; nước Tàu tự khi bãi khoa-cử đến giờ, cũng chẳng nghe có phải nhà nho nào ngao-ngán về ách-vận, về bi quan.

Xem như vậy, thì hán-học ở Á-đông tự khi tiếp-súc với Âu-học sau này, chẳng qua biến-hóa cái hình-thức ở

mặt ngoài của hán-học đó thôi ; bỏ cái thói quen nhai văn nuốt chữ, ngâm-vịnh cười-cợt bấy lâu, mà chuyển-biến đi để tùng-sự về đường triết-học, khoa-học, pháp-chính, nghệ-thuật mọi đường ; cái cục-diện ở thế-giới một ngày một khai-thông, tức là cái trí-thức của nhà nho một ngày một phát-đạt ; cái thời-kỳ hán-học sức-tiếp với Âu-học tức là cái cơ-hội hay cho hán-học nhân thế mà dựng được một cái tân-kỷ-nguyên, mở được một cái tân-thế-giới đấy ; há ách-vận chi đâu ! há bi-quan chi đâu !

Chao ôi ! Tiền-đồ hán-học ở Á-đông ta, thực có một cái hi-vọng lớn, tôi đã kể như trên, mà người nước ta hễ người nào xuất-thân ở trong vòng hán-học xưa nay đến bây giờ đều than về ách-vận, về bi-quan cả, là cớ sao? Hoặc có kẻ nói : « Ấy là bởi cái cớ chữ nho ở ngày nay chẳng thích-hợp với thời-dụng » Nói thế đã đành; tuy vậy, nước ta ngày nay về đường chính-trị, về đường kinh-tế giao-tiếp với Đại-Pháp về phần nhiều, thì chữ nho đối với thời-thế đành là không thích-dụng. Nhưng mà, chữ nho không thích-dụng với thời-thế đã vậy, đến như đạo nho thì dân-tộc nước ta có thể một ngày rời ra được chăng? Phàm đạo-đức phong-tục ở trong xã-hội, quốc-dân ta tiêm-nhiễm về đạo nho đã lâu ; thì từ nay về sau, vô-luận học-thuật nước ta tiếp-thụ tân-hóa dịch vào bậc nào ; song, đối với cái tinh-thần đạo nho của cha ông truyền lại, đã thành ra một cái quốc-túy của mình, thế thì duy-trì cái quốc-túy ấy, để tiếp-thụ lấy cái văn-minh của ngoại-lai, khiến cho học-giới nước ta có cảnh-tượng nhật-tân nhật-tiến, đó cũng là một cái mục-đích chính-đáng của dân-tộc ta ngày nay nên xu-hướng vậy.

Cứ cái hiện-tượng học-giới của hai nước láng diềng như Chi-na, Nhật-bản mà xem ra, thì cựu-học với tân-học đã có cảnh-tượng dung-hòa hỗn-hợp rồi ; cho nên phàm cái người tinh-thông hán-học, tức là cái người đủ tư-cách để tiếp-thụ tân-học ; người Tàu người Nhật tiếp-thụ tân-học cốt về nghiên-cứu cái lý-thuyết tân-học, thâu-nhập cái tư-tưởng tân-học; không phải là lao-thân khổ-tứ xuo cả người trong một nước để học-tập lấy văn-tự của ngoại-quốc cả đâu ; người Tàu người Nhật không phải là không giảng-minh số-học, khoa-học, cách-trí, lý-hóa-học của Âu-tây ; song, cái cách giảng-minh ấy cũng chẳng qua dịch sách Âu-tây dịch ra chữ bản-quốc để giáo-thụ quốc-dân đấy thôi; đến như khoa học ngoại-quốc ngữ-ngôn văn-tự, thì đã đặt ra có chuyên-môn để học lấy chữ lấy tiếng nước ngoài. Chao ôi ! người Tàu người Nhật do văn-tự của bản-quốc để tiếp-thụ lấy tân-học của Thái-tây, nên chỉ ân-yếm duyên mới, nhưng không đến nỗi ngậm-ngùi tình xưa ; vậy cái công-phu điều-hòa tân cựu bởi thế mà dễ.

Cái tình-thế học-giới nước ta thì khác với hai nước ấy ; nước ta ngày nay tiếp-thụ Âu-học cũng như ngày xưa tiếp-thụ hán-học, có phải là được địa-vị bình-đẳng mà tiếp-thụ đâu, chính là nhân cái địa-vị nhờ người quản-trị mà tiếp-thụ đấy ; người nước ta vì cái địa-vị tiếp-thụ đã như thế, lại vì cái cơ-sở văn-tự của bản-quốc chưa được thành-lập hoàn-toàn ; cho nên ngày nay tiếp-thụ Âu-học phải lấy văn-tự Âu-châu để làm cái lợi-khí tiếp-thụ mới nên.

Ôi ! Ngữ-ngôn văn-tự hoặc tiêu hoặc trưởng thế nào, thường vì cái thế-lực mà xui nên ; Âu-văn thịnh, tức là Hán-văn suy, đó cũng là cái thế xô đẩy tự-nhiên ở nước ta ngày nay vậy ; bây giờ hoặc có kẻ mượn cái chủ-nghĩa bảo-tồn cựu-học mà nói rằng : « Học-giới nước ta, nên khiến trẻ con đứa nào cũng học tập hán-văn trước đã, rồi sẽ tiếp-thụ Âu-học. » Ấy thực là cái

lời bàn bất-đạt-thời ; hoặc có kẻ thấy hán-văn một ngày một suy, lại bảo ngay rằng : « Hán-văn là cái văn-tự vô-dụng. » ấy lại là câu nói ngu-dốt viển-vông không giá-trị gì cả.

Tóm lại mà nói, hán-văn, âu-văn đều không phải là văn-tự nước mình; duy Hán-học Âu-học đối với nước ta, một đàng thì có cái tính-chất cựu-truyền, một đàng thì có cái tân-hóa văn-minh ; tiền-đồ học-vấn của dân ta, phải nên kiêm cả hai đàng ấy mà dung-hòa lại với nhau, để thành ra một cái học-thuật đặc-biệt thuần-túy của Việt-nam ta, thế là phải đó.

Ngày nay là cái thời-kỳ nước ta xu-hướng về Âu-hóa ; mà nhân-vật mới để xu-hướng ấy, thì thuần là thuộc về một phái Âu-học ; đến như phái Hán-học thời vì cái cớ không có thể đem văn-tự cựu-truyền ra để tiếp-thụ Âu-học được, mà đối với phương-diện Âu-hóa không dự chút nào.

Phái Âu-học thì vì rằng học-tập Âu-văn tốn phí ngày giờ, cho nên tự bé đến lớn thuần là dụng-công về Âu-học, mà đối với phương-diện Hán-học của tổ-quốc di-truyền bấy lâu, cũng không sở-đắc chút nào cả.

Cứ tình-thế như vậy mà xem ra, thì dễ thường Hán-học với Âu-học không bao giờ có cái hi-vọng điều-hòa dung-hợp nữa ru ? Nhưng mà tôi dam chắc rằng điều-hòa dung-hợp được, cớ là cái lợi-khí ở trong học-giới về phần tương-lai nước ta, tưởng không phải là thuộc về Âu - văn và Hán - văn, mà riêng có một giống văn-tự rất giản-tiện rất phổ-thông hiện ra, thay quyền văn-tự nước ngoài mà làm việc, tức là chữ quốc-ngữ của nước Nam ta đó.

Hán-văn học tập khó đã đành, mà Âu-văn học-tập cũng có dễ đâu, thế thì sau này học-giới nước ta phải đợi đến ngày nào người nước ta có thể đem tinh-thần trí-thức của Âu-học và Hán-học ra, mà loát-ảnh truyền-thần sang văn-tự quốc - ngữ của nước ta hiện thành-lập rồi, khiến cho người cả một nước chỉ đọc một giống văn-tự mà có thể hiểu-thấu được học-thuật tân cựu đôi bên, đến bấy giờ thì cái cơ điều-hòa dung-hợp mới có hi-vọng được.

Song, đương về cái thời buổi giáp-hạt này (thóc cũ đã hết, thóc mới còn xanh), đối với học-thuật đôi bên, mà dân lấy phương-pháp loát-ảnh truyền-thần để vì học-giới nước ta sau này mở riêng ra được một bầu trời đất mới, ấy là ai ? Là phái Hán-học ngày trước, và phái Âu-học ngày nay, cựu-học tân-học hai phái ấy.

Hiện nay phái Âu-học ở nước ta tuy rằng chưa tới được đến bậc hoàn-toàn, nhưng mà thì buổi xu-hướng về Âu-học này, con đường tấn-tới, còn mãi về sau ; cho nên phái Âu-học đối với công-nghiệp vun trồng cho học-giới nước ta, tuy ngày nay mới là ba tháng trông cây, nhưng ngày khác cũng có thể mười ngày trông quả được.

Đến như phái Hán-học, thì ngày nay đã thuộc về thời-kỳ trở về già sắp sửa hết duyên, lại còn cầm sào đợi ai nữa ; phái Hán-học ngày nay, cái địa-vị đối với nước ta, chỉ là cái quang-cảnh một sợi tơ mành vắt ngang trời đất ; nhưng cái công-nghiệp đối với nước ta còn có cái thú-vị đêm xuân một khắc đáng giá nghìn vàng, như vậy mà những phái Hán-học ta lại còn dùng-dằng, lại còn trù-trừ ; thế thì định trông trời trông nước phó mặc cuồng-lan, hay là định đem cửa đem nhà nhờ tay sái-tảo, hay sao ?

Nước ta ngày nay, tuy phép khoa-cử đã bỏ, trường giáo huấn đã bãi ; nhưng mà các nhân-vật ở trong phái nhà nho ta, hãy còn sót lại ; hoặc náu ở trong khóm cúc-tùng, hoặc lui về trong nhà trú cầm ; cũng còn lắm ông bụng là kho sách, mà tay là thợ văn ;

vô-luận những người bề-bộn chữ nho, mà không có tinh-thái chữ nho, lông-bông chữ nho, mà làm mất giá-trị chữ nho, những hạng ấy nên đào-thải đi đã đành ; còn thời cũng có những các thầy Cử thầy Tú ở nhà, đã có phấn vua trang-điểm, chửa có nợ nước đèo-bòng, Triều-đình thực đã công-nhận các thầy chẳng khác gì là cao-đẳng-tốt-nghiệp-học-sinh và trung-đẳng tốt-nghiệp học-sinh về khoa Hán-học đấy ; các ông Hán-học ấy, tuy chẳng bắn được cái lý-hóa tân-thời, xét được cái văn-minh hiện-đại, song thuộc về văn-học, về lịch-sử, những khoa sẵn-sàng của tổ-quốc ; và thuộc về nghĩa-lý, về đạo-đức, những lời dạy bảo của thánh-hiền ; chắc các ông cũng nhĩ-mục tâm-thần nhu-nhiễm lĩnh-hội đã lâu rồi ; kia những người không phải môn Hán-học người ta đối với cựu-học có cho là ích-lợi gì với dân tộc nước ta không, thôi không dám kể ; còn những các ông đích-thị là nho-giả xuất-thân, đã dầm-thấm được cái giáo-trạch của Hán-học rồi, chắc cũng thừa biết Hán-học là có quan-hệ có ích-lợi cho xã-hội ta, không phải hỏi nữa ; thế thì đương về cái thời-kỳ Hán-học sắp tan chửa tan, sắp mất chửa mất này, phàm những nhân-vật ở trong làng nho hãy còn sót lại, há chẳng nên trù-hoạch lấy phương-kế gì, tổ-chức lấy công-nghiệp gì, để cho có thể truyền-thần loát-ảnh lấy cái chân-tướng Hán-học, mà dành lại cho người sau ru !

Chao ôi ! ấy tôi mong về các bạn nhà nho ta thiết lắm, mà bài luận này chính vì thế mà thảo ra.

Này, cái cách bảo-tồn Hán-học, quyết không có thể do phương-diện Hán-học mà bảo-tồn được ; bởi vì sau này người nước ta học tập Hán-văn, chẳng qua là một khoa học chữ nước ngoài mà thôi ; còn như Hán-học là về phần quốc-túy nước ta, người nước ta cốt-thiết nên đem sách-vở chữ nho dịch ra quốc-ngữ, để giúp cho người sau lấy cái tài-liệu khảo-cứu ; ta thử xem như người Âu-tây đối với Phật-học và Hán-học ở Á-đông này, còn biết đem kinh Phật và sách Nho ra mà phiên-dịch, để giúp về sự khảo-cứu cho được rộng-rãi hoàn-toàn, nữa là dân-tộc Việt-nam ta là một thứ dân-tộc do Hán-học mà thành-quốc ; các ông Hán-học tuy không có thể xoay ra mà học chữ Tây được, nhưng há chẳng có thể học được chữ quốc-ngữ để theo đòi về sự-nghiệp phiên-dịch Hán-thư ấy ru ? Nếu các cụ già-nua tuổi-tác trong làng nho, tai mắt khí kém, không có thể học được chữ quốc-ngữ chăng nữa, cũng còn có thể bắt chước ông Phục-sinh cải cách khẩu-truyền sai con em chúng nó chép ra quốc-ngữ, để mà dành lại của báu cho người sau. Vả lại, những câu thành-ngữ ở trong Hán-văn câu nào là câu lợi-dụng về quốc-ngữ được, chắc các ông Hán-học cũng có thể thâu-thái tuyển-trạch biên thành một bộ từ-lâm được để làm cái tài-liệu bù giúp cho chữ quốc-ngữ ; huống chi, theo chữ quốc-ngữ mà làm ra văn-chương, những điều quan-thiết với luân-lý phong-tục lịch-sử của bản-bang và truyện-ký các nhân-vật, những hạng sách cần dùng ấy, lại là những nghề tay trái của các ông nhà nho cả đấy.

Coi đó mà coi, thì phái Hán-học đối với cái sự nghiệp nên làm ở ngày nay, bộn-bề như thế vậy, mà nhân-vật sót lại ở trong Hán-học, ngày nay ít-ỏi như thế kia ; nên chi, lợi-dụng cái quang-âm qui báu này đáng yêu từng thốn, đáng tiếc từng phân, để hết cái chức-trách nối kẻ trước giắt người sau, khiến cho con nhà Hán-học, đối với cổ-nhân mà chuộc được tội, đối với lai-thế mà dựng nên công ; sao lại có ngao-ngan ngồi rồi, hủ-hê xếp xó, như cái quang-cảnh con nhà Hán-học ngày nay ấy ru !

Tuy vậy, chúng ta lại bởi đó mà xét, thì bấy lâu nay những phái Hán-học, ai là người chịu lưu-tâm về sự-nghiệp trước-thư lập-ngôn? ai là người chịu đảm-nhiệm về chức-vụ phiên-dịch kinh-sử? Tóm lại bao nhiêu học-vấn, bao nhiêu kiến-thức thủa bình-sinh của nhà nho, tự khi khoa-cử đã bỏ đi rồi, phàm những người hữu-tâm với Hán-học thì chẳng qua chỉ thở ngắn than dài, viết ra bài phú tương-tri, hát lên câu thơ cảm-sự đó thôi; nếu chẳng thế, thì lại cho đời mình là cả đời bỏ đi có làm chi nữa, thà rằng mu-du tiên-khiển, thôi cũng đành đời mình với đời Hán-học dù nhau cùng về nơi cõi hư-không đấy thôi; lục-kinh còn hay mất, chẳng hỏi chi nữa; đạo-đức hay hay dở, chẳng kể chi nữa; nếu có người nào đứng lên đông-đã một cái chủ-nghĩa bảo-tồn, thì phái Hán-học lại có ý ngoảnh mặt làm thinh, hình như Hán-học chót làm lầm ta, ta hơi đâu mà chết cho Hán-học nữa. Than ôi! Cái thái-độ con nhà Hán-học như vậy, còn mong gì có cơ-hội bảo-tồn nữa thay!

Nhưng mà, lại có người nói gỡ ra rằng: « Cựu-học không bảo-tồn được, tuy là cái lỗi con nhà Hán-học đấy thật, song cái cách bảo-tồn ấy, há chỉ tay không nói hão mà bảo-tồn được ra? Thử xem ngay như các nhà Hán-học người nào có thể đem cái tài mình cái học mình dịch ra một vài quyển chuyện quyển sách để phô với đời được, chắc người ấy phải có rấn thân vào trong một nhà báo-quán, một cuộc tạp-chí nào, rồi mới có thể bằng-tạ để mà hết cái trách-nhiệm đương-vi của mình được; hiện nay con nhà Hán-học đã phải nhường ghế cho người khác ngồi, đối với xã-hội chẳng được hưởng quyền-lợi tóc tơ chút nào; nhà tranh vách đất, rầy gió mai mưa, quang-cảnh buồn tênh như vậy; cái kiếp hàn-nho chỉ có một về ăn trí nằm nhân, cười sơn cợt thủy, ấy là xong thân-thế, chứ còn toan nỗi nào! Đến như cái công-nghiệp trước-thư lập-ngôn, tăng-nhiên sách sẵn ở trong bụng để mà có thể lôi ra phô với đời được ru?» Chao ôi! cái hiện-tình phái Hán-học ngày nay thực có thế vậy.

Nếu con nhà Hán-học chỉ có một phái hàn-nho ấy thôi, thì hiện nay gặp thời buổi bãi-kiến-dụng, yên về cái cảnh-ngộ vô-quyền vô-lực, không có thể tổ-chức được sự-nghiệp gì để mà trả được cái nợ bảo-tồn Hán-học cho quốc-dân, phải ấy còn có thể chối được.

Nhưng chúng ta lại thử nghĩ mà xem, con nhà Hán-học ở nước ta, chẳng những một phái hàn-nho ấy mà thôi đâu; trong xã-hội nước ta, trước kia cũng có mấy phái nhờ Hán-học mà dỗ lên, đầu rồng thân hổ, bia bảng vẻ-vang; đến bây giờ hiện có những người rỡ mình ở trên chốn miếu-đường, hoặc có người cầm quyền ở ngoài nơi quận-trấn, những người đội ơn Hán-học mà được phần hiển-đạt ấy, có thiếu gì người, thử tính lại trong nước ta ngày nay trừ những số Hán-học tầm-thường không kể chi, còn thời cái số Hán-học hàn-nho, chưa tất đã nhiều hơn cái số những người nhờ về Hán-học mà được rực-rỡ công-danh, tưng-bừng phú-quí ấy đâu; cái phái hàn-nho vô-quyền vô-lực không tổ-chức gì được đã đành, còn thời các ông Hán-học hiển-đạt đối với cái ơn đội trong Hán-học bấy lâu, há chẳng có thể mười phần gánh vác lấy một hai phần, lợi-dụng cái thế-lực sẵn có của mình, để mà liên-hợp những bọn đồng-chí, tổ-chức lấy một cuộc đích-thực, khiến cho một đàng thì đối với bọn đồng-phái có cái công phù-trợ lớn-lao, một đàng thì đối với nghề cựu-truyền có cái nghĩa bảo-đền thân-thiết; chẳ qui lắm ru!

Bấy lâu các ông hiền-lạt ở trong phái Hán-học ta, khi đối với người, vẫn tự xử là Hán-học tiền-bối ; cái sự than-thở cho nho-nho, xót-thương cho cổ-đạo, tưởng cũng là cái sự ở trong tâm trong não các ông rồi, mà chúng ta vẫn thường được nghe câu chuyện khẩu-đầu của các ông đó ; tuy vậy, Hán-học suy thật, ngô-đạo cùng thật, mà địa-vị các ông, thanh-giả các ông ở trong xã-hội, vẫn còn rực-rỡ lừng-lẫy như xưa ; hoặc có bác nhà nho nào còn mảu Hán-học chợt khi vào bái-yết ở cửa các ông, các ông cũng thường nhận mình là bậc tiên-sinh trưởng-giả trong phái Hán-học, vẫn có lòng thân-thiết đến các hạng đệ-tử trong môn-phái nhà, so g cô i cái tiền-đồ Hán-học ngày nay thế nào, cái gánh vác bảo-tồn Hán-học, các ông còn có thể xan-xẻ cho ai được không ? chắc các ông cũng đã nghĩ thấu đến nơi cả rồi.

Hiện nay quốc-dân ta tuy khuynh-hướng về Âu-học, nhưng vẫn sẵn cái lòng có mới không nỡ nới cũ, ăn quả còn nhớ đến cây ; kia những nhân-vật mới, không phải là Hán-học xuất-thân, người ta còn vì vấn-đề bảo-tồn Hán-học, mà chỗ này biên-tập tạp-chí, chỗ kia thiết-lập thư-cục, khiến cho những người Hán-học lỗi thì, còn được có nơi mà nhờ đậu, có chốn mà ăn chơi, có việc mà biên-tập mà dịch-thuật ; chẳng biết những các vị đại-nhân tiên-sinh nhờ về Hán-học mà thành danh ấy coi sự đó là thế nào ? Há cái sự làm nhà muôn gian cho hàn-sĩ ở, những sự nghĩa-cử ấy, từ nay về sau, phái Hán-học chỉ mong về các ông Tây-học quân-tử, hoặc ông này ấn-thư-quán chủ-nhân, hoặc ông nọ công-thương-hội hội-trưởng, đứng lên thay mặt để đề-xướng cho, cổ-vũ cho, mà trong phái Hán-học thì dành chịu cái tiếng có người mà cũng như không, đến nỗi tôn-phái nhà mình phải nương tựa vào cửa khác, để tìm việc mà kiếm ăn đó ru ?

Hay là các bậc Hán-học đại-nhân vị các ngài lớn, danh các ngài cao, nhất-cử nhất-động nên thận-trọng mới phải ; nay tổ-chức ra một cái Hán-học-duy-trì-hội để thu-thập bao-dung lấy mấy người hàn-sĩ ở đó mà biên-tập khảo-cứu, sự ấy cũng không khó gì ; nhưng, chỉ sợ đề-xướng Hán-học, thì trái với bản-ý cổ-vũ tây-học của Chính-phủ, Chính-phủ hoặc có ý ngờ vực gì chăng ? Tôi dám thưa rằng : Hẳn không ! hẳn không ! Chính-phủ cổ vũ tây-học để cầu cho dân ta tiến-bộ, Chính-phủ có từng cấm hán-học khiến cho dân ta vong-bản bao giờ ; chẳng những Chính-phủ chẳng ngăn cấm, mà trong học-vụ chương-trình vẫn còn để một khóa Hán-văn, thì cái bản-ý Chính-phủ đối với học vụ thế nào, xem đó khác rõ ; các ông Hán-học xuất-thân, bấy lâu tùng-sự với Chính-phủ, phàm trong phái Hán-học hoặc có kẻ nào dỗ-đại làm càn, các ông cũng từng soi-xét cho ra, trừng-trị lấy được, không dám vị tình riêng trong phái đồng-học mà che-chở cho nhau chút nào ; cái lòng trung-thành của các ông tưởng cũng đã được cái lòng tín-dụng của Chính-phủ rồi ; thế thì ngày nay các ông có khó gì đem những lời chí-công chí-thành thưa lên với Chính-phủ, mà chiếu trong pháp-luật, xin phép đặt ra một hội Hán-học-duy-trì, nhờ Chính-phủ giám-đốc cho mà yêu-cầu lấy những điều rộng lượng lâm ơn, công-tâm tán-trợ ấy ư. ?

Hay là các vị đại-nhân nghĩ rằng : Ta dẫu nhờ về Hán-học mà làm nên, nhưng đến nay đã thành ra câu chuyện muôn năm cũ rồi, từ nay về sau, Hán-học thịnh suy thế nào đối với sự-nghiệp thân ta không ảnh-hưởng gì nữa, mà con cháu ta sau này, hoặc đứa thì học-sinh ở trường Âu-học kia, hoặc đứa thì tốt-nghiệp ở khoa Âu-học nọ ; thời

thì Hán-học dù mất dù còn, kể chi bây giờ nữa, cũng phải ; tuy vậy, con cháu các ông chẳng trực-tiếp về đường Hán-học để cầu hiển-đạt đã đành ; nhưng mà những điều luân-lý những điều đạo-đức quan-hệ với nhân-loại, với gia-đình, phàm những người đã là con cháu nhà Hán-học, tưởng cũng khó mà thoát-lý được khuôn-sáo Hán-học; hãy nói ngay như cách ở đời, nếu bọn kia đối với nghĩa-lý Hán-học, tuyệt-nhiên không sở-đắc chút nào, thì chẳng những nói đến quốc-túy, nói đến căn-bản ủ-lì như vịt nghe sấm, đến ngay những sự ăn ở với gia-đình, giao-thiệp với hương-đảng, với tôn-tộc, tránh sao cho khỏi được cái lo đôi bên tân cựu lục-đục như hạt nồ đánh nhau trong nồi rang; thế thì các ông cứ ngồi mà trông cái quang-cảnh Hán-học tiêu-diệt như vậy, không vẫn-hồi chút nào cả, tưởng sau này cũng không phải là cái phúc ở gia-đình các ông đâu !

Lại xin nói lên một từng nữa : Các ông ngày nay đã đứng vào cái địa-vị vinh-hoa phú-quí, nào là ngựa xe đầy cửa, nào là xiêm mũ đầy nhà, đối với cái hơi Hán-học hãy còn thoi-thóp ấy, thôi thì mặc kệ cũng xong; nhưng, đến khi bước sang cảnh lão, lui về đình hưu, trướng huỳnh hiu-hắt, ngâm-ngợi di-kinh, hiên nguyệt tà-tà, bầu-khoản cổ-đạo ; nếu lúc ấy, trong làng Hán-học, muốn chơi không có người mà chơi, câu chuyện Hán-học, muốn nói không có người mà nói, thế thì các ông trông thấy cái quang-cảnh ấy lại chẳng ngán nỗi tồn-vong, đau lòng kim-tích lắm ru ! Thà rằng ngày nay trước hãy thu-thập lấy nhân-tài còn sót lại ở trong Hán-học, kết-hợp đoàn-thể, tổ-chức cơ-sở, khiến cho có thể trước ra thư lập ra ngôn được, để mà truyền lại cho người sau; vả lại các ông cũng có thể vị cửa mình mà ương sẵn lấy hạt lý hạt đào, vị vườn mình mà gây sẵn lấy mầm tùng mầm cúc, để cho đến khi tuổi-tác lui về không đến nỗi vò-võ non cùng, thần thơ bóng hạc, mà thương, mà nghĩ, mà tiếc, mà sầu.

Than ôi ! Cái quang-cảnh Hán-học ngày nay ở trong xã-hội ta, chưa có thể nào gác đó mà không nói đến nữa được ; nhưng mà, ở trong xã-hội ta cũng chưa có người nào đứng lên mà chủ-trương ; thế thì cầu lấy cái người có thể đứng lên mà chủ-trương được, để nối lấy cái giây Hán-học sắp đứt chửa đứt này, nhóm lại cái khói tàn gio Hán, dong lên cái hoa mới đèn Nho, để làm gương cho thiên-hạ hậu-thế soi chung ấy, thực chỉ mong về các ngài hiển-đạt ở trong làng Hán-học có thế-lực có phẩm-vị đấy thôi.

Vì bằng các ngài Hán-học đại-nhân đã biết liên-hợp đồng-chí tổ-chức nên một cuộc Hán-học-duy-trì rồi, thì phàm những bạn nho-sĩ lỗi thời ở trong phái Hán-học ta ấy, nên nghĩ làm sao cho cố công gắng sức để chớ phụ cái cuộc nghĩa-cử này ; sự đó, tôi lại phải đối với các ngài tại-dã chư-quân-tử trong phái Hán-học ta, xin thưa thực đây.

Kia những người bập-bẹ hay chữ lỏng, mà cũng đội cái chiêu-bài hàn-sĩ đem bán rao, để cầu nương tựa vào cửa hiển-đạt ấy, Nho đấy, nhưng không phải Nho đâu ; cũng nên xua các bác đi, khiến cho các bác cải nghiệp mà ăn, cải nghề mà chơi, để đừng làm mất giá-trị nhà Nho đi nữa, ấy là phải ; còn như các ông quân-tử-nho vô-quyền vô-vị ở nước ta ngày nay, dù có cái học khảo-cứu, cái tài trước-thuật, cất nhắc nổi cái gánh vác duy-trì Hán-học ấy, tưởng cũng là nhân-vật hiếm có, khiến cho chúng ta đáng hâm-mộ đáng hoan-nghênh lắm đấy; nhưng mà, các ông học-cứu-tiên-sinh ở nước ta, còn nhiều ông giữ cái thói cô-lậu vu-khoát, không thể dung được

ở trong học-giới từ nay về sau; cái tình đó, tôi lại phải vì các ông cựu-học nhà ta, rãi phồi bày gan xin thưa thực nữa.

Nhất là cái tệ sùng-thượng hư-văn: học-thuật nước ta sở-dĩ chẳng xương-minh lên được, mà quốc-gia đến nỗi suy-nhược dần-dần, thực là tại bọn học-trò trong nước chỉ chuyên về một lối hư-văn. Ôi! « Nói mà không văn, truyền sao được rộng », tuy có lời thế thật; nhưng mà, một câu văn một lời luận phô ra với đời, cốt về cái tài-liệu khảo-cứu và cái nghĩa-lý nghị-luận đó thôi; đương buổi bây giờ cái thái-trạng trong vũ-trụ một ngày một phiền-phức, cái kiến-văn ở thế-giới một ngày một quảng-bác, cái tư-tưởng của nhân-quần một ngày một khai-thông; thế thì đem cái quang-âm hữu-hạn của đời người mà xem xét nghiên-cứu lấy những việc đổi thiên-hình vạn-trạng như vậy, chắc không thể nào làm phí hão mất thì giờ, để mà gom lấy một câu cho hay, tìa lấy một chữ cho lạ được; huống chi cái thì giờ của con nhà Hán-học, so với người khác lại càng ngắn lắm, cho nên phái Hán-học ta mà có trước-thuật chăng nữa, chỉ qui-bổ khảo-cứu về khoa nào cho đích-sác, phê bình về nghĩa nào cho rõ ràng; đem tài-liệu sở-đắc về cựu-học của mình ra, mà tham-chước lấy phương-pháp quan-sát về tân-học ở hiện-thời, khiến cho làm được một quyển, nói được một lời, hoặc có thể phát-minh được tri-thức cho người sau, dẫn-tiến được tinh-thần cho dân nước; chớ nên phí hão thì-giờ, nhặt lấy bã-cặn của cổ-nhân, bóc lấy mầu-mỡ của kinh-điển; hay hoặc tô bạch chuốt hồng, khoe lấy cái vẻ cẩm-tâm tú-khẩu hoặc ngâm mai phú hạnh, chuốt lấy cái mầu bạch-tuyết dương-xuân, mà cũng gọi là danh-sơn kiệt-tác đây; như thế thì không những vô-ích cho xã-hội, mà lại hữu-hại cho xã-hội lắm lắm!

Hai là cái tệ tự-tôn tự-đại: phái Hán-học đối với cái học của mình, thường cho là thần-thánh, mà đối với học-thuật lý-thuyết của người, hoặc bài-bác là thiên về vật-chất, mà không có tinh-thần, hoặc chê-bai là quá văn-hoa, mà khuyết mất đạo-đức; ấy là những lời bọn Hán-học thường thường đem ra để phê-bình người ta đấy; lại còn đối với đồng-phái, thì chỉ biết khoe nhau chữ tốt như rắn văn hay như rồng, để mà câu kéo lấy hư-danh; đối với dị-phái, thì không biết cái mẹo quả chín thì hái quả xanh thì đừng, để mà bù giúp cho tri-thức; trước kia vì cái nết tự-tôn tự-đại, mà sau này lại hóa ra cái thói tự-tiểu tự-ty; đọc sách cổ nhân, chỉ biết làm nô-lệ cổ-nhân mà thôi; nghe lời trưởng-giả chỉ biết làm đệ-tử trưởng-giả mà thôi; cái tâm không biết đường tạc khiếu, con mắt không biết cách tinh đôi, phải phải, trái trái, chỉ nhại lưỡi của cổ-nhân, nghe hơi ông trưởng-giả mà thôi. Chao ôi! cái học không có thành-kiến, không có chủ-đích như thế vậy, mà gia-dĩ cái tệ hiếu-đồng ố-dị như thế kia; thế thì mong gì phát-minh được những đường nghĩa-lý tinh-vi, biện-thị được những lời phẩm-bình chân-chính, mà trước-thư lập-ngôn, để thùy-huấn lai-thế đó thay!

Cứ tôi kể như trên, thì chẳng hóa ra phái Hán-học từ nay về sau, nên dồn về số đào-thải, mà không kiến-minh được sự-nghiệp gì nữa ư? Thưa rằng: Sao lại nói thế! đó chẳng qua trích xuất một vài điều tệ-đoan của phái Hán học đấy thôi, còn như cái nghề đặc-biệt sở-trường của phái Hán-học ta đủ làm lợi-ích cho học-giới về phần tương-lai, thực cũng còn nhiều; nếu biết đổi cái thói sở-đoản đi, mà thả cái nghề sở-trường ra, thì hiện nay nhân-vật Hán-học hãy còn sót lại ở nước ta

thực cũng là nhân-vật rất quan-trọng rất yếu-cần về học-giới của dân-tộc ta đó. Sao nói thế vậy ? Vì bằng nước ta ngày nay không có người nào biết Hán-học nữa, thế-tất cũng phải đặc-phái ít nhiều những kẻ thanh - niên học-sĩ, để sang du-học nước Tàu ; tùng-nhiên trở-lực vì đâu mà người nước ta không có người nào được biết Hán-học nữa, thế mới thực là sự đại-bất-hạnh, đại-khuyết-điểm cho nước ta. Chúng ta thử xem như mới rồi quan Trưởng-giáo nước Anh ở Luân đôn đối với dân Anh diễn-thuyết có lời rằng: «Người nước Anh ta học chữ nước Tàu khác nào học chữ nước Hà-lan nước Nga-la-tư mọi nước, bởi vì từ nay về sau, người nước Anh ta chắc có một phen giao-thiệp về sự cạnh-tranh quyền-lợi ở các nước phương Đông kia, cho nên phải học-tập lấy ngữ-ngôn văn-tự nước Tàu mới được, vân vân.» Kia người Anh ở cách nước Tàu xa xôi như vậy, thế-lực người Anh từng có thể thao-túng được nước Tàu, mà còn bảo nhau cần phải học lấy chữ Tàu ; nữa là nước ta láng-diềng với nước Tàu, về đường kinh-tế trong trường thương-nghiệp cần nên tiếp-cận lắm lắm; song, cái vấn-đề thuộc về quyền-lợi cạnh-tranh, nay hãy xin gác đó không bàn chi vội; này xem như văn-hóa nước ta, đạo-đức dân ta, bấy lâu tiêm-nhiễm về Hán-học thâm lắm, có phải thiển đâu ? Dân-tộc ta đối với Hán - học, những điều nên giảng-cầu ấy, thực là có quan - hệ về đường căn - bản, về đường tinh - thần, không phải như người nước khác chỉ đặt đất về đường quyền-lợi cạnh - tranh mà thôi ; dân ta đối với Hán-học quan - thiết như thế, may sao ngày nay hãy còn các ông Hán-học đai-đẳng ở đời, phàm những nghĩa-lý của thánh-hiền, tài-liệu trong trường khảo-cứu, đều là những khoa của các ông Hán-học đã tâm-lĩnh thần-hội sẵn cả rồi, không phải học tập truyền-thụ khó-khăn chi nữa ; từ nay về sau những phái Hán-học nếu biết thay đổi cái bút hư-văn, tiêu-trừ cái hồn câu-nệ, bắt chước lấy những cách khảo-cứu, những cách phê-bình ở trong học-thuật cách mới ngày nay, làm ra sách-vở hữu-ích, thế thì lợi cho học - giới nước ta, biết là nhường nào !

Ấy đấy ! Hán-học duy-trì ở đó; quốc-túy bảo-tồn ở đó, đạo-đức, lễ-nghĩa, phong-tục, văn-vật của nước ta có sẵn bấy lâu, sở-dĩ không đến nỗi đổi-bại luân-vong, cũng vì ở đó ; nhưng đó há năm ba người hàn-sĩ có thể làm nổi được ru ? Cầu lấy có thể gây dựng được công-nghiệp ấy, cũng chỉ mong về các vị đường-đường đại-nhân, thân-danh rực rỡ, thế-lực dồi-dào ở trong phái Hán-học ta đấy thôi.

Than ôi ! Tiếng đâu như tiếng gọi đàn, mấy độ gió mưa, sao nỡ chia cành rẽ tổ ; mồ ấy âu mồ phong chủ, ngàn năm hương lửa, ấy ai kẻ đoái người hoài ! Các ông Hán-học hiền-đạt kia ơi ! các ông Hán-học hàn-nho kia ơi ! đã đẻ chung một bọc, thờ chung một tổ, ở trong nhà Hán-học bấy lâu, đến bây giờ trông thấy cảnh-tượng Hán-học còn như một sợi tóc rong với quả chi như vậy, cầm lòng sao đậu mà ngảnh mặt sao đành !

Tôi thường nghe các người tân-học đối chúng mà phàn-nàn rằng: «Từ khi học-vụ cải-lương về sau, suốt trong phái Hán-học đối với học-vụ, chẳng làm nên được cái công-nghiệp gì; kia những các ông nhờ về Hán-học mà bước lên được cái địa-vị hiền-đạt ấy, thì hình như chẳng nhận mình là Hán-học tiền-thân nữa ; hoặc cũng có ông nghiễm-nhiên ta là Hán-học trung-nhân đây, thì cũng chẳng qua mượn đó để chiếm lấy ngôi cao chiếu nhất trong hội Tư-văn, hay hoặc cạy đó để lên mặt với những kẻ sinh sau biết muộn ở trong đồng-phái mà thôi ; bọn Tân-học ta vào cửa các ông ấy, đứng ngồi giao-tiếp còn được

tự-do, nếu có một bác Hán-học vãn-tiến nào vào cửa các ông ấy, thì các ông ấy thường giở cái lối khắt-khe khó chịu mà dãi nhau ; chỉ thấy các bác vãn-tiến vâng dạ rụt-rè, thưa gửi rón-rén ; dáng chừng các vị Hán-học đại-nhân kia, những điều đem ra đối với đồng-phái, chỉ thế là đặc-sắc nhất mà thôi, còn như nói đến sự Hán-học tồn vong thế nào, các ông có buồn tính đến đâu ; dáng chừng các ông chỉ mượn Hán-học làm cái thê-giai để xuất-thân đó thôi, đến khi xuất-thân được rồi, thì các ông đối với Hán-học khác nào người kiếp này đối với giấc chiêm-bao kiếp trước, vân vân. »

Tôi lại nghe các người Tân-học bình-luận những phái nhà Nho rằng : «Suốt cả phái nhà Nho kia, hình như vẫn băn-khoăn lắm về nỗi Hán-học một ngày một thấy tiêu mòn ; nhưng, các ông băn-khoăn đó, chẳng qua chỉ băn-khoăn vì Triều-đình không mở khoa thi nữa, để cho được thỏa cái lòng trước điện một bài văn, đưới loa một tiếng dạ đấy thôi ; chứ có phải vị thánh-đạo mà băn-khoăn đâu ! Xem ra các ông đối với quan-niệm về thánh-đạo, thật là nhạt-nhẽo, thật là thờ-ơ ; các ông nghe lời bàn bảo-tồn Hán-học, các ông lại thường hiểu lầm cái ý-nghĩa bảo-tồn ; cho nên mấy năm nay những sách vở của các ông xuất-bản ra, chẳng qua chỉ sao-lục câu thơ câu văn của cổ-nhân, biên-tập bài ca bài vịnh của cận-thời, những cái văn-chương nghêu-ngao hão-huyền ấy, có bổ-ích gì cho sự học ; đến như thánh-kinh hiền-truyện và học-thuyết hay là lịch-sử của các bậc đại-phương-gia, những sách có ích ấy, thì chưa thấy các ông đem ra mà dịch-thuật bao giờ. Tóm lại, trước kia bọn Tân-học vẫn có ý đem cái trách-nhiệm bảo-tồn Hán-học mong về các phái nhà Nho, mà bây giờ cái thái-độ các phái nhà Nho như vậy ; đáng thương cho ai ! mà đáng tiếc cho ai ! v. . v. . »

Bài này tôi thảo ra, không phải là tôi dám cầm bút viết liều, để chê bai các ngài trong phái Hán-học ta đâu ; bởi vì tôi thấy người ngoài bình-luận phái Hán-học ta như kia, tưởng đã rõ lắm ; mà xét cái thái-độ phái Hán-học ta như vậy, nào có oan đâu. Tôi nhân đối với Hán-học thêm có cảm-tình, mà quê-kệch sỗ-sã thảo ra bài này, để dâng lên các ngài quân-tử trong bạn Hán-học ta cùng xem ; tuy rằng văn nhiều khuê-giốc, lời kém hùng-hồn, nhưng cũng là một đoạn khổ-tâm trung-thành với Hán-học, tưởng các ngài cũng xét cho. Nếu nhân có bài này phô ra, mà phàm các ngài quân-tử trong phái Hán-học ta, người nào có thế-lực thì khởi-điểm những sự tổ-chức cơ-sở, liên-hợp đoàn-thể lên trước, để làm cái kế bảo-tồn, người nào có tài có học thì trước-thư lập-ngôn, phát-minh lấy nghĩa-lý Hán-học, để mà dẫn-khởi cho hậu-sinh ; như thế thì sự-nghiệp vẻ-vang của Hán-học ta sau này, thực là bởi các ngài quân-tử gây dựng nên, công-đức các ngài biết muôn vàn nào mà kể ; đến lúc bấy giờ, nếu các ngài quân-tử trong bọn Hán-học hay đem những sự hành-vi chứng-thực của các ngài, thanh-tội tôi ra mà trị tôi về cái cớ khinh-mạn mỉa-mai, trở tôi là danh-giáo tội-nhân, gạt tôi ra ngoài môn-tường Hán-học, tôi cũng chỉ một niềm cảm ơn đội đức vô-cùng, chớ không ân-hận gì nữa.

Tú-tài NGUYỄN ĐÔN-PHỤC
dịch nguyên-văn chữ hán của
ông NGUYỄN BÁ-TRÁC

聖賢格言

THÁNH-HIỀN CÁCH-NGÔN (1)

(Lời nói hay của thánh-hiền)

II

第三章

君臣. — Quân thần

第八節

昔魯定公問：君使
Tích Lỗ Định-công vấn : « Quân sử
臣。臣事君。如之何。
thần, thần sự quân, như chi hà ?»
孔子對曰。君使臣
Khổng-tử đối viết : « Quân sử thần
以禮。臣事君以忠。
dĩ lễ ; thần sự quân dĩ trung ».

魯定公問：一言興
Lỗ Định-công vấn : « Nhất ngôn hưng
邦。孔子對曰。人之言
bang?» Khổng-tử đối viết : « Nhân chi ngôn
曰。爲君難。爲臣不
viết : Vi quân nan, vi thần bất
易。如知爲君之難
dị, như tri vi quân chi nan
也。不幾乎一言而
dã, bất cơ hồ nhất ngôn nhi
興邦乎。(以上言事
hưng bang hồ ?» (Dĩ thượng ngôn sự
君使臣之道。與爲
quân sử thần chi đạo dữ vi
君爲臣之難。皆不
quân vi thần chi nan, giai bất
易之定論。下所引
dịch chi định luận, hạ sở dẫn
經傳其意亦不外此。
kinh truyện, kỳ ý diệc bất ngoại thử ».

CHƯƠNG THỨ III

Vua tôi

Tiết thứ 8

Ngày xưa ông Định-công là vua nước Lỗ hỏi đức Khổng-tử rằng : « Vua sai khiến bày-tôi, bày-tôi thờ vua, nên thế nào thì phải đạo ? » Đức Khổng-tử thưa lại rằng : « Vua nên lấy lễ-phép sai khiến bày-tôi, bày-tôi nên lấy lòng trung-thành thờ vua. »

Ông Định-công là vua nước Lỗ lại hỏi rằng : « Có một lời nói nào làm cho hưng-vượng nhà nước được không ? » Đức Khổng-tử thưa rằng : « Người ta có câu nói rằng: Làm vua khó, làm bày-tôi chẳng dễ. Nếu biết làm vua khó, mà lo-liệu siêng-sóc, thì một lời nói ấy chẳng hóa ra làm cho hưng-vượng nhà nước dư ? »

(Đây là nói đạo vua sai-khiến bày-tôi, bày-tôi thờ vua, cùng là nói làm vua làm tôi phải nên biết là sự khó, đều là lời bàn đích-đáng, không thay-đổi được ; ở dưới dẫn lời kinh truyện cũng chẳng qua ý ấy.)

(1) Xem *Nam-Phong*, số 50, trang 104-116.

易曰。上下交而其
Dịch viết: Thượng hạ giao nhi kỳ
志同。「言君臣一心
chí đồng. (Ngôn quân thần nhất tâm
以興道致治。則可
dĩ hưng đạo trí trị, tắc khả
以致泰」。
dĩ trí thái).

書曰。后克艱厥后。
Thư viết: Hậu khắc gian quyết hậu.
臣克艱厥臣。政乃
thần khắc gian quyết thần. chính nãi
乂「治」。黎民敏德。
nghệ (trị). lê dân mẫn đức.
「言君臣不敢易忽
(Ngôn quân thần bất cảm dị hốt
各盡其職。則政事
các tận kỳ chức, tắc chính sự
治而民遷化」。
trị nhi dân tốc hóa).

Kinh Dịch rằng: «Trên vua dưới tôi cùng tin nhau mà tâm-chí hợp làm một.» (Nói vua tôi cùng một lòng để dấy-nhức trị-đạo, thời mới nên thái-bình).

Kinh Thư nói rằng: « Vua hay biết đạo làm vua là khó, tôi hay biết đạo làm tôi là khó, vua tôi cùng lo liệu, thì chính-sự mới trị, kẻ lê-dân chóng cảm-hóa đức-giáo của vua. (Đây nói vua tôi không dám khinh thường, đều phải làm hết bổn-phận, thì chính-sự được trị, lê-dân chóng hóa).

第九節

書曰。股肱「臣」喜哉。
Thư viết: Cổ quăng (thần) hỉ tai,
元首「君」起哉。庶事
nguyên thủ (quân) khởi tai, thứ sự
熙「廣」哉。此章責難
hi (quảng) tai. (Thử Thuấn trách nan
於臣。言臣樂於趨
ư thần, ngôn thần lạc ư xu
事。則君之治爲之
sự, tắc quân chi trị vi chi
興起也。
hưng khởi dã).

元首明哉。股肱良
Nguyên thủ minh tai, cổ quăng lương
哉。庶事康「安」哉。元
tai, thứ sự khang (an) tai, nguyên
首叢脞「煩碎」哉。股
thủ tùng tỏa (phiền toái) tai, cổ
肱惰哉。庶事墮「壞」
quăng nọa tai. thứ sự hủy (hoại)
哉。此章專責難於
tai. (Thử chương Cao Dao trách nan ư

Tiết thứ 9

Kinh Thư rằng: « Bày tôi như chân tay, vua như cái đầu, bày-tôi vui lòng làm việc, thì chính trị của vua được hưng-khởi, mọi sự mở rộng ra được.» (Đây là vua Thuấn bảo bày-tôi phải chịu khó, hễ bày-tôi vui làm việc, thì trị-đạo mới hưng-khởi được).

«Vua là đầu cả, mà thông-minh sáng-suốt, thì bày-tôi là chân tay, cũng được giỏi-giang, mà mọi việc đều được tốt cả. Vua là đầu cả mà xét-nét những sự nhỏ mọn quá, thì bày-tôi là chân tay cũng đến lười-biếng mà mọi sự thành ra trễ bỏ cả.» (Đây là ông Cao-Dao bảo

書。言君明則臣良
quân, ngôn quân minh tắc thần lương
而庶事安。若君行
nhi thứ sự an, nhược quân hành
臣職。則臣下懈怠
thần chức, tắc thần hạ giải đãi
而萬事廢也。
nhi vạn sự phế dã).

書曰。(伊尹)。君罔以
Thư viết: (Y-Doãn), Quân võng dĩ
辯言(利口)之人亂
biện ngôn (lợi khẩu) chi nhân loạn
舊政。臣罔以寵利
cựu chính, thần võng dĩ sủng lợi
居成功。邦其永孚
cư thành công, bang kỳ vĩnh phu
(信)于休。(言君臣各
(tín) vu hưu. (Ngôn quân thần các
盡其道。邦國永信
tận kỳ đạo, bang quốc vĩnh tín
其休美也)。
kỳ hưu mĩ dã).

vua phải chịu khó, hễ vua sáng-láng, thì bày-tôi đều tốt, mà mọi sự được yên, nếu vua làm lấn vào công việc của bày-tôi, thì bày-tôi nản trí mà mọi sự hỏng mất.)

Kinh Thư (Y-Doãn) rằng: Vua chớ dùng kẻ nói biện-bác làm rối-loạn mối chính-sự cũ, bày tôi chớ vị lợi-lộc mà giữ chức mãi, sau khi giúp vua đã nên công thì nhà nước chắc lâu dài được tốt. (Đây nói vua tôi đều hết bổn-phận, thì nước được lâu dài tốt mãi).

第十節

書。高宗命傅說曰。
Thư Cao-tôn mệnh Phó Duyệt viết:
爾惟訓于朕志。若
Nhĩ duy huấn vu trẫm chí, nhược
作酒醴爾惟麴糵。
tác tửu lễ, nhĩ duy khúc nghiệt;
若作和羹。爾惟鹽
nhược tác hòa canh, nhĩ duy diêm
梅。爾交修予。罔予
mai; nhĩ giao tu dư, võng dư
棄。說復于王曰。惟
khí. Duyệt phục vu vương viết: Duy
木從繩則正。后從
mộc tòng thằng tắc chính, hậu tòng
諫則聖。后克聖臣
gián tắc thánh, hậu khắc thánh thần
不命其承。疇(誰)敢
bất mệnh kỳ thừa. trù (thùy) cảm
不祗(敬)若(順)王之
bất chi (kính) nhược (thuận) vương chi

TIẾT THỨ 10

Kinh Thư vua Cao-tôn bảo ông Phó-Duyệt rằng: «Ngươi nên dạy-bảo để mở rộng trí ta, vì như nấu rượu, dùng ngươi như gạo và men; vì như nấu canh, dùng ngươi như muối và mơ; ngươi cùng sửa-sang với ta, chớ bỏ ta.» Ông Duyệt thưa lại với vua Cao-tôn rằng: «Vì nhưgỗ theo dây mực thì thẳng, vua biết theo lời can thời mới nên vua thánh, vua đã là thánh, bày tôi chẳng đợi sai bảo cũng vâng thuận ý vua, ai dám không kính thuận mệnh-lệnh tốt của vua.»

休命。(此是殷臣交
hưu mệnh, (thử kiến quân thần giao
修各盡其道)。
tu các tận kỳ đạo).

書曰。惟辟作福。惟
Thư viết: Duy tích tác phúc, duy
辟作威。惟辟玉食。
tích tác uy, duy tích ngọc thực,
臣無有作福作威
thần vô hữu tác phúc tác uy
玉食。臣之有作福作
ngọc thực, thần chi hữu tác phúc
作威玉食。其害于
tác uy ngọc thực, kỳ hại vu
而家(大夫)凶于國
nhi gia, (đại-phu) hung vu nhi
國(諸侯)
quốc (chư hầu).

(言威福之柄在君。
(Ngôn uy phúc chi bính tại quân,
臣不可或假人)。
thần bất khả hoặc tiếm dã).

第十一章

易曰。勞謙君子有
Dịch viết: Lao khiêm quân tử hữu
終吉。孔子曰勞而
chung cát. Khổng-tử viết: Lao nhi
不伐。有功而不居
bất phạt, hữu công nhi bất cư
厚之至也。德言盛
hậu chi chi dã, đức ngôn thịnh
(德欲其盛。)禮言恭。
(đức dục kỳ thịnh), lễ ngôn cung
(禮欲其恭)謙也者。
(lễ dục kỳ cung), khiêm dã giả,
致恭以存其位者也。
trí cung dĩ tồn kỳ vị giả dã.

詩曰。濟濟王多吉
Thi viết: Ái ái vương đa cát
士。維君子使。媚于
sĩ, duy quân tử sử, mị vu
天子。藹藹王多吉
thiên-tử, ái ái vương đa cát

(Đây là nói vua tôi nhà Thương đều hết bổn-phận).

Kinh Thư rằng: Duy có vua được làm ơn, duy vua được làm uy, duy vua được tự hưởng lộc trời, là đồ ngọc-thực; bày tôi không được làm ơn làm uy, tự hưởng lộc trời, bày tôi mà làm ơn làm uy tự hưởng lộc trời, thì chỉ làm hại nhà mình, hại cho nước mình.

(Nói cái quyền ơn uy ở vua, bày tôi không được tiếm

Tiết thứ 11

Kinh Dịch rằng: Khó-nhọc mà biết nhún nhường người quân-tử được trọn phúc lành. Đức Khổng-tử nói rằng: Khó nhọc mà chẳng khoe khoang, có công mà chẳng lên mặt, thế là trung hậu lắm vậy. Đức muốn cho thịnh, lễ muốn cho kính, đức khiêm-tốn ấy là hết lòng cung kính để giữ ngôi chức mình vậy.

Kinh Thi rằng: Rờ-rỡ vua nhiều kẻ bày-tôi tốt, để vua sai khiến, vui lòng nhà vua, rờ-rỡ vua nhiều người bày-tôi tốt, để theo mệnh-lệnh vua, và vui

人。維君子命。媚于
nhân, duy quân tử mệnh, mị vu
庶人。(言賢臣輔則
thứ nhân. (Ngôn hiền thần phụ tắc
上順于君。下順于
thượng thuận vu quân, hạ thuận vu
民。而成治功也)。
dân, nhi thành trị công dã).

禮曰。事君量而后
Lễ viết: Sự quân lượng nhi hậu
入。無入而后量。凡
nhập, vô nhập nhi hậu lượng, phàm
爲人從事者亦然。
vi nhân tòng sự giả diệc nhiên.
(言度其君可事而
Ngôn đạc kỳ quân khả sự nhi
后事之)。
hậu sự chi.)

禮曰。善則稱君過
Lễ viết: Thiện tắc xưng quân, quá
則稱己。則民作忠。
(tắc xưng kỷ, tắc dân tác trung.

第十二節

論語曰。舜有臣五
Luận-ngữ viết: Thuấn hữu thần ngũ
人。而天下治。(五人:
nhân nhi thiên hạ trị. (Ngũ nhân:
禹皋稷契伯益)武
Vũ, Cao, Tắc, Tiết, Bá-Ích.) Vũ-
王曰。予有亂臣十
vương viết: Dư hữu loạn thần thập
人。(言有治亂之臣
thân. (Ngôn hữu trị loạn chi thần
十人。如周召之徒)。
thập nhân, như Chu Thiệu chi đồ)

孔子曰。所謂大臣
Khổng tử viết: Sở vị đại thần
者。以道事君。不可
giả, dĩ đạo sự quân, bất khả
則止。
tắc chỉ.

孔子曰。事君敬其
Khổng tử viết: Sự quân kính kỳ

lòng dân. » (Nói kẻ bày-tôi hiền giúp vua, trên được lòng vua, dưới được lòng dân, mà nên trị-công vậy).

Kinh Lễ rằng: « Thờ vua phải đo-đắn đã sẽ vào làm tôi, dừng có vào làm tôi rồi mới do-đắn sau, hết thảy làm việc với ai cũng như thế. »

(Đây là nói xem vua có thể nhờ được sẽ nhờ).

Kinh Lễ rằng: « Điều gì hay thì khen vua, điều gì dở thì nhận là tại mình, thì dân sẽ đấy-nhức lòng trung-thành. »

Tiết thứ 12

Sách Luận-ngữ rằng: « Vua Thuấn có năm người bày-tôi mà trong thiên-hạ trị. » (Năm người là ông Vũ, ông Cao-Dao, ông Tắc, ông Tiết, ông Ích). Vua Vũ-vương rằng: « Ta có kẻ bày tôi trị lúc loạn mười người ». (Nói có bày tôi trị lúc loạn mười người như là lũ ông Chu-công Thiệu-công).

Đức Khổng-tử rằng: « Bảo rằng kẻ đại-thần là thế nào? là lấy đạo phải thờ vua, nếu không có thể thờ được thì thôi. »

Đức Khổng-tử rằng: «Thờ vua trước

事而後其食。
sự nhi hậu kỳ thực.

大學曰。文王爲人君止於仁。爲人臣止於敬。(言爲君爲臣皆能止於至善)。
Đại-Học viết: Văn Vương vi nhân quân chỉ ư nhân, vi nhân thần chỉ ư kính. (Ngôn vi quân vi thần giai năng chỉ ư chí thiện).

子夏曰。事君能致其身。(言委其身以事君。不敢自愛惜也。
Tử-Hạ viết: Sự quân năng trí kỳ thân. (Ngôn ủy kỳ thân dĩ sự quân, bất cảm tự ái tích dã.)

孟子曰。君視臣如手足。則臣視君如腹心。(言相親如一體也)。
Mạnh-tử viết: Quân thị thần như thủ-túc, tắc thần thị quân như phúc-tâm. (Ngôn tương thân như nhất thể dã).

孟子曰。責難於君謂之恭。陳善閉邪謂之敬。
Mạnh-tử viết: Trách nan ư quân vị chi cung, trần thiện bế tà vi chi kính.

第十三節

孟子曰。惟大人爲能格(正)君心之非。君正莫不正。正君而國定矣。
Mạnh-tử viết: Duy đại nhân vi năng cách (chính) quân tâm chi phi, quân chính mạc bất chính, nhất chính quân nhi quốc định hĩ.

孟子曰。君子之事君也。務引其君以當道。志於仁而已。
Mạnh-tử viết: Quân tử chi sự quân dã, vụ dẫn kỳ quân dĩ đương đạo, chí ư nhân nhi dĩ.

hết phải kính-cẩn việc mình làm, rồi sau mới đến sự ăn lộc.»

Sách-Đại-Học rằng: «Vua Văn-vương làm vua thì biết ở điều nhân, làm bày tôi thì biết ở điều kính.» (Nói lúc làm vua và lúc làm tôi đều ở vào chốn rất phải).

Thầy Tử-Hạ nói rằng: «Thờ vua hay hết sức mình.» (Nói đem thân mình mà thờ vua không dám tiếc sức vậy).

Thầy Mạnh-tử rằng: «Vua coi bày-tôi như tay chân, thì bày-tôi coi vua như ruột thịt». (Nói coi nhau thân như trong một thân thể vậy).

Thầy Mạnh-tử rằng: «Trách vua làm điều khó ấy, gọi là trọng vua, bày tỏ điều phải, ngăn cấm điều trái, thì gọi là kính vua.»

Tiết thứ 13

Thầy Mạnh-tử rằng: «Duy kẻ đại-nhân mới hay chính được sự lầm lỗi trong lòng vua, vua chính thời điều gì cũng chính, chính một mình vua mà nước yên vậy.»

Thầy Mạnh-tử rằng: «Người quân-tử thờ vua cốt dẫn vua mình lấy đạo phải, chí vào điều nhân mà thôi.»

(以上皆言臣事君
(Dĩ thượng giai ngôn thần sự quân
之道)。
chi đạo).

孟子曰。將大有爲
Mạnh tử viết: Tương đại hữu vi
之君必有所不召
chi quân, tất hữu sở bất triệu
之臣。欲有謀焉則
chi thần, dục hữu mưu yên tắc
就之。其待德樂道。不
tựu chi, kỳ đãi đức lạc đạo, bất
如是不足與有爲
như thị bất túc dữ hữu vi
也。故湯之於伊尹
dã, cố Thang chi ư Y Doãn,
學焉而後臣之。故
học yên nhi hậu thần chi, cố
不勞而王。桓公之
bất lao nhi vương. Hoàn-công chi
於管仲。學焉而後
ư Quản-Trọng, học yên nhi hậu
臣之。故不勞而伯。
thần chi, cố bất lao nhi bá.
(言君用臣之道。
(Ngôn quân dụng thần chi đạo).

孟子曰。欲爲君盡
Mạnh tử viết: Dục vi quân tận
君道。欲爲臣盡臣
quân-đạo, dục vi thần tận thần
道。二者皆法堯舜
đạo, nhị giả giai pháp Nghiêu Thuấn
而已矣。(言君臣各
nhi dĩ hĩ. (Ngôn quân thần các
當盡其道。而以堯
đương tận kỳ đạo, nhi dĩ Nghiêu
舜爲法)。
Thuấn vi pháp).

(Đây trở lên nói đạo bày-tôi thờ vua.)

Thày Mạnh-tử rằng: « Hễ ông vua nào sẽ làm được sự-nghiệp lớn, hẳn có kẻ bày tôi giỏi không thể vời đến được, vua có sự gì muốn hỏi thời phải đến mà hỏi người bày-tôi ấy, tôn đức mình, tôn đạo mình, nếu không thế không đủ làm gì được vậy. Cho nên vua Thang với ông Y-Doãn, học ông ấy rồi sau mới dùng làm tôi, cho nên chẳng khó nhọc mà nên nghiệp vương; ông Hoàn-công với ông Quản-Trọng, học ông ấy rồi sau mới dùng làm tôi, cho nên chẳng khó-nhọc mà nên nghiệp bá. »

(Đây nói đạo vua dùng bày-tôi).

Thày Mạnh-tử rằng: « Muốn làm vua hết đạo làm vua, muốn làm bày-tôi hết đạo bày-tôi, hai điều ấy phải bắt chước vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi vậy. »

(Đây nói vua tôi đều nên ở cho hết đạo, mà phải bắt chước vua Nghiêu vua Thuấn).

第四章

父子. — Phụ tử

第十四節

昔孟武伯問孝。孔
Tích Mạnh Vũ-Bá vấn hiếu. Khổng

CHƯƠNG THỨ IV

Cha con

TIẾT THỨ 14

Xưa ông Mạnh-Vũ-Bá hỏi đạo hiếu.

子曰。父母唯其疾之憂。(言父母愛子
tử viết: Phụ mẫu duy kỳ tật
chi ưu. (Ngôn phụ mẫu ái tử
無所不至。人子當
vô sở bất chí, nhân tử đương
體父母之心。乃爲孝也)。
thể phụ mẫu chi tâm, nãi vi hiếu dã).

子夏問孝。孔子曰。
Tử-Hạ vấn hiếu? Khổng-tử viết:
色難。有事弟子服
Sắc nan hữu sự, đệ tử phục
其勞。有酒食先生
kỳ lao, hữu tửu tự, tiên sinh
饌。曾是以爲孝乎。
soạn, tằng thị dĩ vi hiếu hồ?
(言人子事親如有
(Ngôn nhân tử sự thân tu hữu
和氣以發色不徒
hòa khí kiến ư sắc, bất đồ
養口體也)
dưỡng khẩu thể dã)

(以上言父母愛子
(Dĩ thượng ngôn phụ mẫu ái tử
之心。人子事親之
chi tâm, nhân tử sự thân chi
孝。下文所引經傳
hiếu, hạ văn sở dẫn kinh truyện
意正如此)。
ý chính như thử).

Đức Khổng-tử rằng: « Lòng cha mẹ lo nhất là con đau yếu » (Đây nói cha mẹ yêu con rất là hết lòng, làm con nên thể lòng cha mẹ mới là hiếu vậy).

Thầy Tử-Hạ hỏi đạo hiếu? Đức Khổng-tử rằng: « Sắc mặt con đối với cha mẹ lúc nào cũng giữ được vui-vẻ ấy là khó; còn như cha mẹ có việc thì con phải làm khó nhọc, và có cơm rượu thì con dâng cha mẹ xơi, như thế đã đủ là hiếu đâu? » (Đây nói con thờ cha, mẹ nên có hòa-khí hiện ra mặt, chớ không những nuôi nấng mà thôi.)

(Từ đây trở lên, nói lòng cha mẹ yêu con và đạo con ở với cha mẹ, dưới này dẫn kinh truyện ý cũng như thế)

第十五節

書曰。若考(父)作室
Thư viết: Nhược khảo (phụ) tác thất
既底(至)法。厥子乃
ký đề (chí) pháp, quyết tử nãi
弗肯堂矧曰其敢厥
phất khẳng đường thẩn khẳng cấu; quyết
父當(墾田。)厥子乃
phụ chi (khẩn điền) quyết tử nãi
弗肯播矧肯穫(言
phất khẳng bá thẩn khẳng hoạch. (Ngôn
君子當卒其事。以
quân tử đương tốt kỳ sự, dĩ
成父之志)。
thành phụ chi chí).

Tiết thứ 15

Kinh Thư rằng: « Ví như làm nhà, cha đã trù-tính sẵn nề-nếp rồi, mà con không chịu dắp nền, thì còn chịu giùm nhà gì nữa; ví như làm ruộng, cha đã khai-khẩn thành ruộng rồi, mà con không chịu gieo mạ, thì còn chịu gặt gì nữa. » (Đây nói người quân-tử nên làm cho xong công-việc để nên chí của cha).

詩云。貽厥孫謀。以燕翼(愨)子。(言爲子孫謀也)。
Thi vân : Di quyết tôn mưu, dĩ yến dực (kính) tử. (Ngôn vị tử tôn mưu dã).

詩云。維桑與梓。必恭敬止。靡瞻匪父。靡依匪母。不屬于毛。不離于裏。(言桑梓父母所植以遺我。我豈必恭敬之。況於父母乎。我豈瞻依父母我豈不附于毛屬于裏乎)。
Thi vân : Duy tang dữ tử, tất cung kính chỉ, mĩ chiêm phỉ phụ, mĩ y phỉ mẫu, bất chúc vu mao, bất ly vu lý. (Ngôn tang tử phụ mẫu sở thực dĩ di ngã, ngã do tất cung kính chi, huống ư phụ mẫu hồ. ngã duy chiêm ngã khởi bất phụ vu mao ly vu lý hồ).

第十六篇

詩云。哀哀父母。生我劬勞。鞠我何怙。無父何恃。出則銜恤。入則靡至。父兮生我。母兮鞠我。拊我畜我。長我育我。顧我復我。出入復我。欲報之德。昊天罔極。(言父母之德如天之廣大無窮)。
Thi vân : Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao, vô phụ hà hồ, vô mẫu hà thị, xuất tắc hàm tuất, nhập tắc mĩ chi, phụ hề sinh ngã, mẫu hề cúc ngã, phụ ngã súc ngã, trưởng ngã dục ngã, cố ngã phục ngã, xuất nhập phúc ngã, dục báo chi đức, hiệu thiên võng cực. (Ngôn phụ mẫu chi đức như thiên chi quảng đại vô cùng dã).

Kinh Thi rằng : «Để mưu cho cháu, để yên con nối của mình.» (Đây nói vì con cháu lo-toan).

Kinh Thi rằng: «Kia cây tang cùng cây tử (cha mẹ trồng); phải kính trọng vậy chẳng trông cậy đâu bằng cha, chẳng nương tựa đâu bằng mẹ, há chẳng ở khí-huyết cha sinh ra, há chẳng ở trong bọc mẹ đẻ ra. » (Đây nói cây tang cây tử, cha mẹ trồng để cho ta, còn nên kính trọng vậy, huống chi là cha mẹ, ta duy trông-cậy nương-tựa ở cha mẹ, ta há chẳng phải là khí huyết cha mẹ sinh ra đấy ru) ?

Tiết thứ 16

Kinh Thi rằng: «Thương xót cha mẹ đẻ ta khó nhọc, không cha nhờ vào đâu, không mẹ cậy vào đâu, ra thì nghĩ thương, vào thì hết lòng yêu, cha sinh ra ta, mẹ nuôi-nấng ta, vỗ ta, nuôi ta, mong ta lớn, nuôi dạy ta, ngoảnh nom ta, trở lại yêu ta, ra vào nâng thăm ta, muốn đền đức lớn, như trời chẳng biết đâu là cùng. »

(Đây nói đức cha mẹ như trời rộng lớn vô-cùng).

第十七節

禮曰。父母有過。則
Lễ viết: Phụ mẫu hữu quá, tắc
下氣怡色柔聲以諫。
hạ khí di sắc nhu thanh dĩ
諫之。諫若不入。起
giản chi, giản nhược bất nhập, khởi
敬起孝。復加復諫。
kính khởi hiếu, duyệt tắc phục giản.

禮曰。父母愛之。喜
Lễ viết: Phụ mẫu ái chi, hỉ
而不忘。父母惡之。
nhi bất vong, phụ mẫu ố chi,
畏而無怨。父母有
cụ nhi vô oán, phụ mẫu hữu
過。諫則順不逆。
quá, giản tắc bất nghịch.

禮曰。孝子之有深
Lễ viết: Hiếu tử chi hữu thâm
愛者必有和氣。有
ái giả tất hữu hòa khí, hữu
和氣者必有愉色。
hòa khí giả tất hữu du sắc,
有愉色者必有
hữu du sắc giả tất hữu uyển
容。侗侗乎其(或作)
dung. đồng đồng hồ kỳ (thành thực)
然如弗勝。屬屬乎其
nhiên như phất thắng, nghiêm nghiêm hồ kỳ
恪。非所以事親也。
khắc, phi sở dĩ sự thân dã.

禮曰。善則稱親。過
Lễ viết: Thiện tắc xưng thân, quá
則稱己。則民作孝。
tắc xưng kỷ, tắc dân tác hiếu.

禮曰。父母既沒。將
Lễ viết: Phụ mẫu tuy mất, tương
爲善。思貽父母以
vi thiện, tư di phụ mẫu dĩ
令名。必果。將爲不
lệnh danh, tất quả; tương vi bất
善。思貽父母羞辱。
thiện, tư di phụ mẫu tu nhục,
必不果。
tất bất quả.

Tiết thứ 17

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ có lầm-lỗi, thì nên khí, vui nét mặt, nói dịu-dàng, mà can-ngăn, can mà chẳng nghe, thì mình phải dấy-nhức lòng kính hiếu, đợi cha mẹ vui lòng thì lại can.»

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ yêu mình, mừng mà chẳng quên, cha mẹ ghét mình, sợ mà chẳng oán, cha mẹ có điều lỗi, can mà chẳng trái ý.»

Kinh Lễ nói rằng: «Kẻ hiếu-tử có lòng rất yêu mến cha mẹ, hẳn có khí hòa, có khí hòa hẳn có sắc vui, có sắc vui hẳn có dáng dịu-dàng, lo-lắng sợ-hãi, như chưa phải đạo làm con, chứ dữ-dội nghiêm-ngặt, không phải đạo thờ đứng thân vậy.»

Kinh Lễ rằng: «Điều gì phải thời nói là dẫng thân làm, điều gì chẳng phải thì nhận là mình làm, thời dân nức lòng về đạo hiếu.»

Kinh Lễ rằng: «Cha mẹ dẫu mất rồi, toan làm điều phải để tiếng tốt cho cha mẹ tất làm ngay; toan làm điều chẳng phải, nghĩ để hổ-nhục cho cha mẹ tất chẳng dám làm.»

禮曰。君子之所謂
Lễ viết: Quân tử chi sở vị
孝也者。國人稱願
hiếu dã giả, quốc nhân xưng nguyện
(美)然曰。幸哉有子
(mĩ) nhiên viết: hạnh tai hữu tử
如此。所謂孝也已。
như thử, sở vị hiếu dã dĩ.

第十八節

孔子曰。事父母幾
Khổng tử viết: Sự phụ mẫu cơ
諫。見志不從又敬
giản, kiến chí bất tòng hựu kính
不違。勞而不怨。
bất vi, lao nhi bất oán.

孔子曰。父母在。不
Khổng tử viết: Phụ mẫu tại, bất
遠遊。遊必有方。
viễn du, du tất hữu phương.

孔子曰。父母之年。
Khổng tử viết: Phụ mẫu chi niên,
不可不知也。一則
bất khả bất tri dã, nhất tắc
以喜。一則以懼。(喜
dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cụ. (Ngôn
喜其壽而懼其衰也)。
hỉ kỳ thọ nhi cụ kỳ suy dã.

孔子曰。父爲子隱。
Khổng tử viết: Phụ vị tử ẩn,
子爲父隱。直在其
tử vị phụ ẩn, trực tại kỳ
中矣。(父子相隱乃
trung hĩ. (Phụ tử tương ẩn nãi
天理人情之至。順
thiên lý nhân tình chi trí, thuận
理爲直)。
lý vi trực).

大學曰。文王爲人
Đại học viết: Văn vương vi nhân
子止於孝。爲人父
tử chỉ ư hiếu, vi nhân phụ
止於慈。(言爲人父
chỉ ư từ. (Ngôn vi nhân phụ
爲人子皆能止於
vi nhân tử giai năng chỉ ư
至善。
trí thiện).

Kinh Lễ rằng: « Người quân-tử bảo rằng hiếu ấy, là người trong nước ai cũng ngợi khen rằng may có con khá, như thế thời mới gọi là hiếu vậy.»

Tiết thứ 18

Đức Khổng tử rằng: « Thờ cha mẹ phải can trước từ khi sắp có lỗi, thấy ý chẳng nghe, lại thêm kính mà chẳng dám trái, dẫu khó nhọc chẳng dám oán. »

Đức Khổng-tử rằng: « Cha mẹ còn chẳng nên đi chơi xa, đi đâu phải có phương-hướng.»

Đức Khổng-tử rằng: « Tuổi cha mẹ bao nhiêu, con phải nên biết, một là mừng rằng thọ, một là lo rằng suy. » (Nói mừng được sống lâu, lo rằng chóng già).

Đức Khổng-tử nói rằng: « Cha vì con giấu sự lỗi, con vì cha giấu sự lỗi, ấy là lẽ tương, đạo thẳng vẫn ở trong ấy. » (Nói cha con cùng che-chở cho nhau, ấy là lẽ trời tình người phải nên như thế, thuận lẽ là thẳng).

Sách Đại-học rằng: « Vua Văn-vương làm con ở hết đạo hiếu, làm cha ở hết đạo từ. »(Nói lúc làm cha, lúc làm con, đều ở vào điều tất phải).

子夏曰。事父母能
Tử Hạ viết: Sự phụ mẫu năng
竭其力。(言不敢惜
kiệt kỳ lực. (Ngôn bất cảm tích
其力也)。
kỳ lực dã).

Thày Tử-Hạ rằng :« Thờ cha mẹ hay hết sức mình. » (Nói không dám tiếc sức mình vậy.

第十九節

孟子曰。中也養不
Mạnh tử viết: Trung dã dưỡng bất
中。才也養不才。故
trung, tài dã dưỡng bất tài, cố
人樂有賢父兄也。
nhân lạc hữu hiền phụ huynh dã;
如中也棄不中。才
như trung dã khí bất trung, tài
也棄不才。則賢不
dã khí bất tài, tắc hiền bất
肖之相去也。其間
tiếu chi tương khứ dã, kỳ gian
不能以寸。
bất năng dĩ thốn.

Tiết thứ 19

Thày Mạnh rằng : « Kẻ phải dạy bảo kẻ chẳng phải, kẻ có tài dạy bảo kẻ chẳng tài, cho nên người ta vui lòng vì có cha anh hiền. Nếu kẻ phải bỏ kẻ chẳng phải, kẻ tài bỏ kẻ chẳng tài, thì kẻ hiền kẻ chẳng hiền xa cách nhau chẳng hơn bao nhiêu. »

孟子曰。舜盡事親
Mạnh tử viết: Thuấn tận sự thân
之道。而瞽瞍底豫。
chi đạo, nhi Cổ Tẩu đề dự,
瞽瞍底豫而天下
Cổ Tẩu đề dự nhi thiên hạ
化。瞽瞍底豫而天
hóa, Cổ Tẩu đề dự nhi thiên
下之爲父子者定。
hạ chi vi phụ tử giả định
此之謂大孝。
thử chi vị đại hiếu.

Thày Mạnh rằng : « Vua Thuấn hết đạo thờ cha mẹ, mà ông Cổ Tẩu đến đẹp lòng, ông Cổ Tẩu đến đẹp lòng, mà trong thiên-hạ bắt chước, ông Cổ Tẩu đến đẹp lòng, mà những người làm cha làm con ở trong thiên-hạ ai cũng lấy thế làm rất phải, thế mới gọi là hiếu. »

孟子曰。大孝終身
Mạnh tử viết: Đại hiếu chung thân
慕父母。五十而慕
mộ phụ mẫu, ngũ thập nhi mộ
者。予於大舜見之矣。
giả, dư ư Đại Thuấn kiến chi hĩ.

Thày Mạnh rằng : « Kẻ đại-hiếu suốt đời yêu mến cha mẹ, năm mươi tuổi mà còn yêu mến cha mẹ, ta thấy có vua Đại-Thuấn như thế mà thôi. »

第五章

夫婦. — Phu phụ

第二十節

孔子序書曰。有天
Khổng tử tự quái viết: Hữu thiên

CHƯƠNG THỨ V

Vợ chồng

Tiết thứ 20

Đức Khổng tử làm tựa quái kinh

地然後有萬物。有
địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu
萬物然後有男女。
vạn vật nhiên hậu hữu nam nữ,
有男女然後有夫
hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu
婦。有夫婦然後有
phụ, hữu phu phụ nhiên hậu hữu
父子。有父子然後
phụ tử, hữu phụ tử nhiên hậu
有君臣。(此言夫婦
hữu quân thần. (Thử ngôn phu phụ
乃人道之始也。下
nãi nhân đạo chi thủy dã, hạ
文所引經傳。皆明
văn sở dẫn kinh truyện, giai minh
乎此。)
hồ thử.

詩云。關關雎鳩。在
Thi vân: Quan quan thư cưu, tại
河之洲。窈窕淑女。君
hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân
子(文王)好逑。(言
tử (Văn vương) hảo cầu. (Ngôn
后妃有聖德可以
Hậu phi hữu thánh đức khả dĩ
配君子)。
phối quân tử).

詩云。桃之夭夭。其
Thi vân: Đào chi yêu yêu, kỳ
葉蓁蓁。之子于歸。
diệp chẩn chẩn, chi tử vu qui
宜其家人。(言賢女
nghi kỳ gia nhân. (Ngôn hiền nữ
歸夫家。能順其一
qui phu gia, năng thuận kỳ nhất
家之人)。
gia chi nhân).

Dịch nói rằng : « Có trời đất rồi sau có muôn vật ; có muôn vật rồi sau có con trai con gái ; có con trai con gái rồi sau có vợ chồng ; có vợ chồng rồi sau có cha con ; có cha con rồi sau có vua tôi. » (Đây nói vợ chồng là bắt đầu về đạo làm người, dưới này dẫn kinh truyện đều nói nghĩa ấy).

Kinh Thi rằng : «Hòa-hòa tiếng chim thư-cưu, ở bãi sông Hà, dịu-dàng con gái lành, tốt sánh đôi với người quân-tử (vua Văn-vương).» (Đây nói bà Hậu-phi có thánh-đức, đáng sánh đôi với vua Văn-vương).

Kinh Thi rằng : « Cây đào kia tươi hơn-hớn, lá xanh rờn-rờn, kẻ kia về nhà chồng, hòa - thuận người nhà chồng. » (Đây nói gái hiền về nhà chồng, hay biết hòa - thuận người trong một nhà.)

第二十一節

禮曰。昏禮萬世之
Lễ viết: Hôn lễ vạn thế chi
始也。男子親迎。男
thủy dã, nam tử thân nghinh, nam
先於女。剛柔之義
tiên ư nữ, cương nhu chi nghĩa
也。婦人從人者也。
dã, phụ nhân tòng nhân giả dã,

Tiết thứ 21

Kinh Lễ rằng : « Lễ cưới là gây trước muôn đời về sau, con trai thân-hành đi đón vợ, con trai đi trước con gái, là theo nghĩa cương (dương) nhu (âm) vậy, đạo đàn bà phải theo người vậy

幼從父兄。嫁從夫。
ấu tòng phụ huynh, giá tòng phu,
夫死從子。
phu tử tòng tử.

禮曰。父親醋子(酌
Lễ viết: Phụ thân tiếu tử (chước
酒)而命之迎。共牢
tửu) nhi mệnh chi nghinh, cộng lao
而食。合巹而飲。所
nhi thực, hợp bả nhi dận, sở
以合體同尊卑。以
dĩ hợp thể đồng tôn - ti, dĩ
親之也。(言同食一
thân chi dã. (Ngôn đồng thực nhất
牲。同飲一瓠。醋演
sinh, đồng ẩm nhất hồ, dận diễn
也。食畢飲酒以演
dã, thực tất ẩm tửu dĩ diễn
安其氣也。
an kỳ khí dã

第二十二節

詩云。死生契濶。(隔
Thi vân: Tử sinh khế khoát, (cách
遠。)與子成說。執子
viễn), dữ tử thành thuyết, chấp tử
之手。與子偕老。(言
chi thủ, giữ tử giai lão. (Ngôn
相與約誓。雖死生
tương giữ ước thệ, tuy tử sinh
契濶。不相忘棄也)。
khế khoát, bất tương vong khí dã).

詩云。藝麻如之何。
Thi vân: Nghệ ma như chi hà,
橫縱其畝。娶妻如
hoành tung kỳ mẫu, thú thê như
之何。必告父母。
chi hà, tất cáo phụ mẫu.

詩云。伐柯(斧柄)如
Thi vân: Phạt kha (phủ bính) như
何。匪斧不克。娶妻
hà, phỉ phủ bất khắc, thú thê
如何。匪媒不得。
như hà, phỉ môi bất đắc.

詩云。出其東門。有
Thi vân: Xuất kỳ đông môn, hữu
女如雲。(美且衆。)雖
nữ như vân, mĩ thả (chúng), tuy

lúc nhỏ theo cha anh, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con.»

Kinh Lễ rằng: «Cha thân hành rót chén rượu cho con uống, mà bảo đi đón vợ, vợ về, cùng ăn một con sinh, cùng uống một bầu rượu, là để vừa đôi lứa, cùng bày bậc, cho thân-tình với nhau.» (Nói cùng ăn một con sinh, cùng uống một bầu rượu, nghĩa chữ dận là dẫn vậy, ăn xong uống rượu là để dẫn yên khí minh).

Tiết thứ 22

Kinh Thi rằng: «Chết sống xa-cách, cùng ngươi có lời ước sẵn với nhau, cầm lấy tay ngươi, thề với ngươi cùng đều già.» (Nói cùng nhau ước thề, dẫu chết sống xa-cách cũng không quên nhau).

Kinh Thi rằng: «Trồng đay thế nào? phải bừa ngang bừa dọc mẫu ruộng kia; lấy vợ thế nào? phải hỏi cha mẹ.»

Kinh Thi rằng: «Đẽo cán búa thế nào? chẳng có cán búa cũ chẳng được; lấy vợ thế nào? chẳng có mối chẳng được.»

Kinh Thi rằng: «Ra ngoài cửa đông, thấy con gái đẹp và nhiều như mây,

則如雲。匪我思存。
tắc như vân, phỉ ngã tư tồn,
縞衣綦巾。聊樂我
cảo y cơ cân, liêu lạc ngã
員。(云同。)(言雖有女
vân, (vân đồng.) (Ngôn tuy hữu nữ
美且綦。而聊樂我
mĩ thả chúng, nhi liêu lạc ngã
之縞衣綦巾。)
chi cảo y cơ cân).

詩云。嘒彼小星。三
Thi vân: Tuệ bỉ tiểu tinh, tam
五在東。肅肅宵征。
ngũ tại đông, túc túc tiêu chinh,
夙夜在公。寔命不
túc dạ tại công. thực mệnh bất
同。(言不同於正嫡。
đồng. (Ngôn bất đồng ư chính đích).

第二十三節

詩云。哲夫成城。哲
Thi vân: Triết phu thành thành, triết
婦傾城。婦有長舌。
phụ khuynh thành, phụ hữu tràng thiệt
維厲(亂)之階。(言婦
duy lệ (loạn) chi giai. (Ngôn phụ
人不尚乎利口。
nhân bất thượng hồ lợi khẩu).

中庸曰。君子之道。
Trung Dung viết: Quân tử chi đạo,
造端乎夫婦。(言人
tạo đoan hồ phu phụ. (Ngôn nhân
道始於夫婦。)
đạo thủy ư phu phụ.)

孟子曰。丈夫生而
Mạnh tử viết: Trượng phu sinh nhi
願爲之有室(妻。)女
nguyện vị chi hữu thất (thê, nữ
子生而願爲之有
tử sinh nhi nguyện vị chi hữu
家(夫。)父母之心人
gia. (phu, phụ mẫu chi tâm nhân
皆有之。不待父母
giai hữu chi, bất đãi phụ mẫu
之命。媒妁之言。鑽
chi mệnh, môi chước chi ngôn, toản
穴(隙)相窺。踰墻相
huyệt (khích) tương khuy, du tường tương

dẫu rằng như mây thực, nhưng ta không tư-tưởng đến, kia người áo trắng khăn thâm, chút vui người của ta vậy.» (Nói dẫu có gái đẹp và nhiều, nhưng chỉ vui với người áo trắng khăn thâm của ta vậy.)

Kinh Thi rằng: «Nhấp-nhánh sao nhỏ kia, năm ba ngôi ở phía đông, chăm-chẩm đi khuya, buổi sáng buổi tối ở chốn công, bởi vì cái phận mình không được như người vợ cả.» (Nói phận người vợ lẽ không được như người vợ cả).

Tiết thứ 23

Kinh Thi rằng: «Người chồng giỏi đắp nên thành, người vợ giỏi làm đổ thành. người đàn bà mà lắm điều làm nên trái loạn.» (Nói người đàn bà không nên lắm điều).

Sách Trung-dung rằng: «Đạo người quân-tử gây đầu mối từ vợ chồng.» (Nói đạo người trước từ vợ chồng).

Thầy Mạnh rằng: «Sinh con trai muốn cho có vợ, sinh con gái muốn cho có chồng, lòng cha mẹ ai cũng muốn thế vậy, không đợi lời cha mẹ, không đợi lời mối manh, chọc lỗ vách mà nhìn nhau, trèo tường mà theo nhau, thì cha

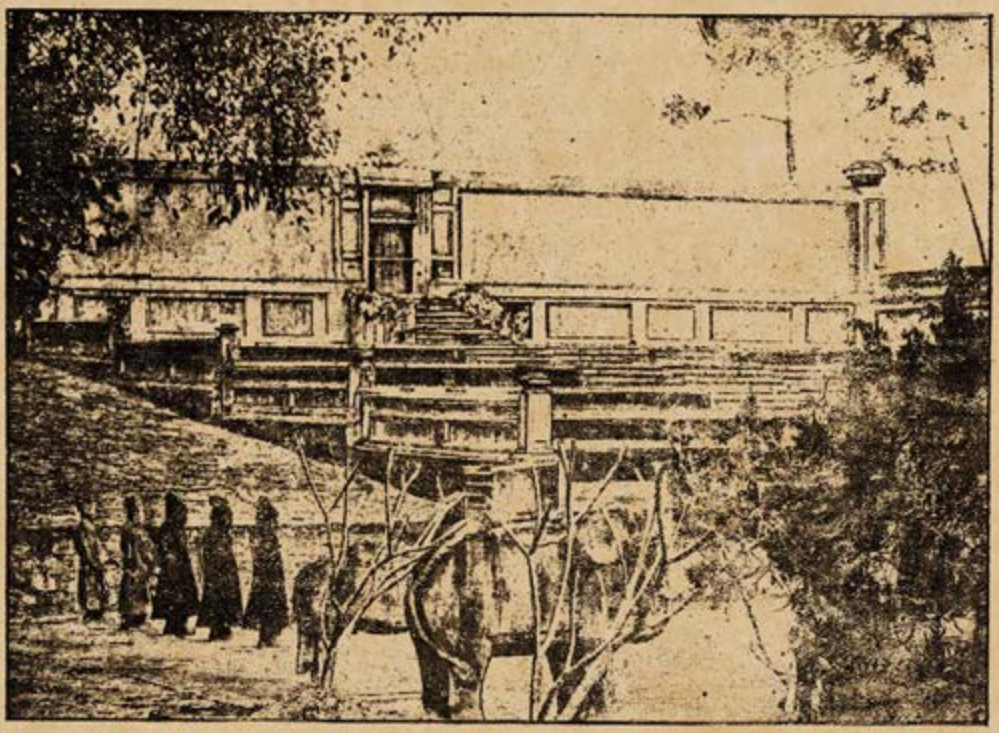

Kính ảnh hiệu Hương-ký

Thiên-thọ-lăng : lăng đức Cao-hoàng (Gia-long) ở Huế

(đọc tiểu-dẫn ở trang sau)

Lăng Đức Gia-long

« . . . Xem xong trong điện mới ra xem ngoài lăng. Sánh với các lăng kia thời lăng Thiên-thọ là giản-dị hơn cả, nhưng có cái vẻ hùng-trang, thực là biểu được cái chí to-lớn một ông vua sáng-nghiệp. Bốn bề là núi cả, trong sách nói cả thảy ba-mươi-sáu ngọn đều quay-quần về đấy. Giữa mấy từng sân đá rộng thênh-thang, thềm cao rồng chạy ; trên một tòa thành tròn ba bề xây như hình cái ngai, trong hai nấm đá hình chữ nhật, tức là mộ Đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế cùng Đức Thừa-thiên Cao-hoàng-hậu, hai ông bà nằm song-song ở giữa khoảng trời rộng núi cao, như muốn chứng với Trời Đất rằng công ta đã đánh Đông dẹp Bắc mà gây-dựng nên cái nền nhất-thống của nước Đại-Việt này, từ nay vững như Bàn-thạch, bền như Thái-sơn vậy. Không có đình, không có tạ, không có lâu, không có đài, chỉ trơ-trơ một tấm sân đá mênh-mông, ngoài xa hai cột đồng-trụ cao ngất trời ! Hùng thay ! Thực rõ cái chí một bậc khai-quốc-anh-hùng, không ưa những sự hư-văn phù-phiếm. Phàm lăng là xây tự sinh-thời vua, chớ không phải khi vua băng-hà rồi mới xây, cho nên mỗi cái lăng là biểu tinh-thần tính-cách riêng của mỗi ông vua, tự tay đặt kiểu lấy cái nhà ở sau cùng của mình. Như thế thì nơi lăng Thiên-thọ này thực là tấm gương phản-chiếu cái khí-tượng anh-hùng của Đức Gia-long ta vậy. . . »

(Phạm Quỳnh, *Mười ngày ở Huế*)

從。則父母國人皆
tòng, tắc phụ mẫu quốc nhân giai
賤之。
tiện chi.

mẹ và người trong nước đều khinh-rẻ đó.»

(*Còn nữa*)

Tiến-sĩ NGUYỄN VĂN-BÂN dịch.

THẾ-GIỚI TIẾN-BỘ SỬ

Bản-chí trong số 49 có một bài khảo về « Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới». Trong các bạn đọc báo có nhiều ông cho là bài ấy khảo-cứu cũng kỹ-lưỡng, dịch-thuật cũng rõ-ràng và đọc cũng có bổ - ích được ít nhiều. Có ông viết thơ rằng: « Tôi đọc bài ấy lấy làm có ích lắm. Ngày nay ở nước ta sách học bằng quốc-ngữ còn chưa có, thời những tập báo như quí-tạp-chí tức là sách học cho chúng tôi đó. Những người biết chữ tây thời đọc sách tây, những người biết chữ nho thời đọc sách nho, còn những người trong hai thứ chữ ấy đều không đủ sức mà đọc được sách, như chúng tôi đây, — mà số ấy là số nhiều, — thời từ trước đến nay không có sách gì mà đọc cả. Nay được xem những bài khảo-cứu cẩn-thận như bài « lịch-sử văn - minh » của quí-báo đó, chúng tôi lấy làm mừng lắm. Tôi thiết - tưởng rằng phàm những khoa-học mới của Thái-Tây ngày nay, cứ nên dịch thẳng ngay ở sách tây ra, như quí-báo thường làm đó là phải. Tôi thường đọc những bài về các học-thuật mới mà lại dịch ở báo tàu hay là tân-thư tàu ra, dẫu người dịch dịch giỏi dịch khéo thế nào tôi cũng không thể tin hẳn được, vì sách tàu báo tàu đã dịch một lần ở chữ Anh chữ Nhật ra, nay mình lại trùng-dịch ở chữ tàu, mỗi lần dịch chắc có sai đi ít nhiều, vì mỗi người dịch lắm khi lại hiểu ra một cách, — không kể có người không hiểu mà cũng cả gan dám dịch, — ra đến tiếng ta còn gì là cái tinh-thần của nguyên - văn nữa ? Bây giờ ở nước ta những người học tây khá cũng đã nhiều, bất-nhược trực - dịch ngay ở sách tây ra, khảo đến tận nguồn, việc gì phải làm quanh-co dịch sách tây ở chữ tàu ! Tôi lấy cách dịch-thuật của quí-báo là phải, nên tôi có ước-ao một điều : bài khảo về các thời-kỳ văn-minh của quí-báo đã in đó, kể khảo cứu cũng đã tường, nhưng mới là kể qua về mỗi thời-đại một vài việc lớn, nay muốn biết nhân-loại từ xưa đến nay tiến-bộ liên-tiếp thế nào, như về các đường học-thuật, kỹ-nghệ, xã-hội, đạo-đức, v. v., nên soạn cho mấy bài kỹ hơn nữa thời có ích-lợi lắm, v. v...»

Bản-chí từ khi mới mở đến giờ, trong việc biên-tập các bài-vở vẫn giữ một phương-châm nhất - định : là phàm những bài thuộc về các môn học-thuật mới, phần nhiều lấy sách tây làm gốc; dịch thẳng ở chữ tây ra, « khảo đến tận nguồn », chớ không có làm lối « quanh-co dịch sách tây ở chữ tàu », như lời ông bạn nói trên kia. Nay được ông biết công cho như thế, bản-chí cũng lấy làm mừng. Còn như sự ông ước-ao, chính kỳ-giả cũng vẫn rắp định như thế. Vậy bắt đầu từ kỳ này, xin tiếp-tục bài « Các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới » mà biên - dịch bài « Thế-giới tiến-bộ sử » này, khảo-cứu ở các sách tây rất đích-đáng mà lược chép ra lời văn ta lấy rõ-ràng.

. . .

1. — Lịch-sử địa-cầu và sự tiến hóa của các giống sinh-vật

Lẽ tiến-bộ là lẽ chung của vạn-vật. --

Trước khi xét về lịch-sử, tiến-bộ của loài người, nghĩa là xét người ta từ khi mới xuất-hiện trên mặt đất đến giờ, mỗi đời khôn-ngoan tài-giỏi hơn trước thế nào, phải biết rằng lẽ tiến-bộ ấy không phải chỉ riêng cho một loài người mà thôi đâu ; lẽ tiến-bộ là chung cho cả vũ-trụ, cho cả vạn-vật : cách mỗi thời-đại, vạn-vật lại đổi ra một cái trạng-thái khác, không giống cái trạng-thái trước và có thể cho là hơn trước được. Nghĩa là thế-giới biến-hóa luôn, có biến mà lại có tiến nữa, và xét ra sự tiến-hóa ấy là từ giản-đơn mà đến phiền-phức, từ thuần-nhất mà đến phồn-tạp (*du simple au complexe, de l'homogène à l'hétérogène.*)

Tỉ như cái nguyên-chất trong vũ-trụ lúc mới tạo-thiên lập-địa là một thứ khí thuần-nhất, sau dần-dần ngưng-tụ lại thành từng đám « tinh-vân » (星雲 *nébuleuses*), những đám tinh-vân ấy rồi sau lại rắn lại mà thành ra các tinh-tú trên bầu trời. Các giống sinh-vật ở trên mặt địa-cầu ta cũng vậy : lúc mới đầu còn là những giống rất đơn-sơ, sau mỗi ngày một phiền-phức, một phồn-thịnh mãi lên, thành ra muôn loài muôn giống khác nhau. Trước khi khảo về sự tiến-bộ của loài người ta, hãy xin xét qua về sự biến-hóa trong các giống sinh-vật ở trên mặt đất, khác nào như làm một bài tựa cho bộ « tiến-hóa-sử » của nhân-loại vậy,

Trong bài khảo về « Các thời-kỳ trong lịch-sử văn-minh thế-giới », đã nói rằng các nhà địa-chất-học thường chia trong vỏ địa-cầu có bốn tầng lớn gọi là « thạch-hệ », mỗi tầng đối với một thời-kỳ trong lịch-sử địa-cầu : đệ-nhất-thạch-hệ (*époque primaire*), đệ-nhị-thạch-hệ (*époque secondaire*), đệ-tam thạch-hệ (*époque tertiaire*), đệ-tứ thạch-hệ (*époque quaternaire*). Nay ta xét tường về mỗi thạch-kỳ ấy, các giống sinh-vật trên mặt địa-cầu biến-hóa ra thế nào. Thuộc về những thời-đại xa-xôi thăm-thẳm như thế, các nhà bác-học ngày nay khảo-cứu chắc cũng không lấy gì làm có chứng-cớ chắc-bằng cho lắm, phần nhiều chẳng qua là ức-đoán mà thôi, nhưng không thể biết được hơn nữa, thời thế cũng là đủ ; đây là theo ý-kiến của số nhiều các nhà bác-học đời nay.

Nói về đệ-nhất thạch-kỳ (lâu ước 84 triệu năm).—Lúc mới đầu, khí-hậu nóng quá, chất địa-cầu còn lỏng, sau nguội dần đi, thành một lớp đá rắn, gọi là « lớp thứ nhất » hay là « lớp thái-cổ » (*couche primitive*). Rồi càng ngày càng nguội mãi đi, thành ra có nước trên mặt đất, trong nước dần dần sinh ra các giống vật. Những giống vật ấy còn để di-tích lại. Nước chảy đi chảy lại, cuốn những đất cát, xếp thành từng lớp, vùi lấp các di-tích ấy đi, lâu ngày hóa thành ra như đá, nên gọi là « các giống hóa-thạch » (*fossiles*). Ngày nay đào sâu xuống dưới đất thấy từng từng lớp, mỗi lớp mỗi từng có những di-tích các giống vật khác nhau. Các nhà địa-chất-học nói rằng vỏ địa-cầu khác nào như một quyển sách kỷ-công của tạo vật (*archives de la création*), và mỗi một lớp đất là một chương sách ghi chép những giống vật sinh-hóa trong một khoảng thời-kỳ đó. Những lớp tích-lũy đã lâu nhất, ở dưới sâu hơn cả, gọi là « đệ-nhất địa-tầng » (*terrains primaires*), và thời-kỳ thành ra những lớp ấy gọi là « đệ-nhất-địa-kỳ » hay là « thạch-kỳ ».

Ở những lớp sâu nhất thuộc về địa-tầng thứ nhất, lớp này theo như ông Bác-sĩ HÆCKEL ước-lượng đã phải qua ít ra là 52 triệu năm mới thành — học về địa-chất cứ phải tính hàng vạn hàng triệu năm, như các « kiếp » trong kinh Phật, — tuy hồi bấy giờ trên mặt địa-cầu đã đủ cách sinh-hoạt được rồi, mà xét ra không có những di-tích hóa-thạch của giống sinh-vật nào cả. Nay nay mới biết rằng trong nước bể hồi bấy giờ đã có mấy giống vật đơn-sơ, như giống « trích-trùng »

(涵虫, *infusoires*), « san-hô » (珊瑚, *polypes*), nhưng không còn di-tích đến nay, vì những lớp đá chồng lấp các giống ấy ở gần địa-tâm, bị khí nóng trong ruột đất biến-hóa và đổi chất hẳn đi.

Trên những lớp ấy, vẫn thuộc về đệ-nhất địa-tầng, thời thấy di-tích hóa-thạch của nhiều giống cua-ốc gọi là « tam-diệp-trùng » (三葉虫, *trilobites*), vì thân nó chia ra làm ba mảnh giọc.

Cao lên mấy lớp nữa, thời đã thấy mấy giống cá đơn-sơ, xương mềm như sụn, với một vài giống về loài ếch-nhái (*batraciens*), trong giống này có con tổ thần-lằn nước (*protriton*), đầu giẹp như hình mái nhà (*stégocéphale*), tức là tổ con thần-lằn hay con thạch-thùng đời nay, có tính ở nước ở cạn được như giống ếch nhái mà lại hồ như giống rắn.

Ai cũng biết rằng loài ếch-nhái là loài nửa lội nửa bò, trứng nhỏ ở nước như cá, lớn lên ở cạn và bò rạp xuống đất như giống rắn. Xét những giống vật về đệ-nhất thạch-tầng thời biết rằng các giống ấy là những giống ở nước mà hình-thể đã hơi như giống bò cạn rồi.

Nói tóm lại, về đầu thạch-kỳ thứ nhất trong một khoảng ước tới 52 triệu năm, trên mặt địa-cầu mới có mấy giống hạ-đẳng-động-vật mà thôi; rồi đến khoảng 34 triệu năm sau mới xuất-hiện ra mấy giống cua-ốc, mấy giống cá và mấy giống giẹp đầu (*stégocéphales*) về loài ếch-nhái, tuy vẫn còn là đơn-sơ lắm, nhưng sánh với những giống san-hô trích-trùng về khoảng trước đã thấy tiến-bộ, cơ-thể đã phiền-phức hơn và các bộ-phận cơ-quan đã rành-rẽ lắm.

Đấy là nói các giống động-vật, đến các giống thực-vật, hình-thể cũng đơn-sơ lắm: như giống rêu (*mousses*), giống rong (*algues*), giống dớn (*fougères*), giống « chân-sói » (*lepidodendrons*), giống mộc-tặc (*prêles*), v. v. Hình-thể tuy đơn sơ, nhưng khung-khổ lại to lớn lắm, là nhờ có cái khí-hậu thấp-nhiệt đời bấy giờ lợi cho sự sinh-trưởng các giống thực-vật; thí-dụ như một giống dớn, thường mọc nhiều như rừng, to như cây cổ-thụ, 20, 30 thước cao. Nhưng mà đời bấy giờ tịnh không có những cây giống như cây bây giờ, có lá đẹp, có hoa thơm. Hoa là cái sắc đẹp, cái « vẻ thơ » của tạo-vật, đời bấy giờ tuyệt-nhiên không có; tạo-vật tuy có đủ sức sinh được những cây to hai ba-mươi thước, nhưng tựa-hồ như chưa đủ tài đủ khéo sinh được một bông hoa thơm vậy.

Nói tóm lại, về đệ-nhất thạch-kỳ, động-vật thực-vật trên địa-cầu đã phồn-thinh, nhưng mà chủng-loại còn ít, hình-thể đơn-sơ; cảnh-vật còn như bức tranh thủy-mạc, một mầu tối om, chưa có những hình-sắc sán-lạn như sau này vậy.

Nói về đệ-nhị-thạch-kỳ (lâu ước 11 triệu năm). — Trong thạch-kỳ thứ nhì, các giống cơ-thể-vật, vừa động-vật vừa thực-vật, vẫn cứ tuần-tự tiến lên. Tìm trong các lớp đất đời bấy giờ, còn thấy di-tích những giống ốc (*mollusques*) to, hình-thể đã khác các giống đời trước và gần giống như các giống bây giờ. Lạ nhất là có hai giống « ốc tù-và » (*ammonites*) và « ốc mũi tên » (*belemnites*).

Giống « ốc tù-và » có cái vỏ xoáy tròn mấy vòng, con ốc nằm nửa mình ở trong, còn nửa mình thò ra ngoài, ngửng lên trên mặt nước, lội lênh-đênh như cái thuyền buồm để đi kiếm ăn. Những giống « ốc soắn » (*spirules*), « ốc bơi » (*nautiles*) ngày nay, tức là con cháu của giống ấy.

Giống « ốc mũi tên » thời không có ốc ở ngoài, lại có ốc ở trong như cái khung để mang thịt, mà hình nhọn đầu, tựa như mũi tên. Con « ốc mực » (*calmar*) ngày nay là thuộc về giống ấy.

Giống cá về đời này thời không có

sụn nữa, đã có xương rồi, và to lớn hơn đời trước.

Các giống bò-rạp (*reptiles*) đời này đã xuất-hiện nhiều lắm, xét trong cơ-thể thấy tiến-hóa hơn loài ếch-nhái đời trước nhiều. Sinh-thực lại phồn-thịnh lắm, cho nên có nhà đã nói đệ-nhị-thạch-kỳ chính là « hoàng-kim-thời-đại của các giống bò-rạp » (*l'époque secondaire est le règne des reptiles.*)

Bao nhiêu những giống vật lớn về đời bấy giờ, dù ở cạn hay ở nước, đều thuộc về loài bò-rạp cả. Có giống bò-rạp ở dưới nước lội được, có giống ở trên cạn đi được, lại có giống bay bổng được lên trên không ; giống sau ấy lạ nhất.

Giống bò-rạp lội được thời nhiều hơn nhất là hai giống « cá thuồng-luồng » (*ichtyosaures*) và giống « cá cổ rắn » (*plésiosaures*). Giống trên hình cá, có chân bơi được mau lắm, lại có răng nhiều, chắc là dữ-tợn hay ăn thịt giống khác. Giống dưới thời đầu nhỏ, cổ dài, giống như con thằn-lằn, có khi dài đến 12 thước tây.

Giống bò-rạp ở cạn đi được, hình-thể cũng to lớn chẳng kém gì các giống trên: như có con « thuồng-luồng sấm » (*brontosaure*) dài tới 18 thước. Ở Bắc-Mĩ và ở Tì-lợi-thì (Belgique) có tìm thấy xương hóa-thạch những con « thuồng-luồng đầu giẹp » (*stégosaures*) và « thuồng-luồng i-goan » (*iguanodons*), xem hình-thể cũng to lớn mạnh-mẽ lắm.

Giống bò-rạp bay được thời lạ lắm, nhưng có ít. Người ta có tìm thấy con « thuồng-luồng có cánh » (*ptérodactyle*), cái cánh nó cũng giống như cánh con dơi ta, làm bằng một miếng da sườn nối liền hai chân trên với hai chân dưới ; cánh đơn-sơ như thế, nhưng cũng đủ để bay bổng được lên trên mặt đất.

Lại cùng sinh vào một thời-kỳ ấy thời có con « chim thái-cổ » (*archéoptéryx*), hình-thể hãy còn giống như giống bò-rạp, nhưng đã có lông có cánh từa-tựa như các giống chim ngày nay rồi. Con này chắc là biểu-hiệu cái lúc giao-thời giống bò-rạp đương bóa ra giống chim-bay ; coi thế thời biết rằng các giống vật giống nọ chuyển-biến sang giống kia thật là liên-tiếp nhau như các cái vòng trong giây súc-sích, không có gián-đoạn một chút nào vậy.

Trong các lớp đất về cuối đệ-nhị-thạch-tầng còn có thấy mấy con vật thuộc về bậc hạ-đẳng trong loài có vú (*mammifères*) mà lại là giống đẻ trứng (*monotrèmes*) ; lại có một con cũng thuộc về loài ấy mà có cái túi-da ở dưới bụng để đựng con (tên tây là *phascolothérium*, nghĩa là con vật có túi.)

Các cây-cối về đời này sầm-uất như cây ở các xứ nhiệt-đái ngày nay ; đã có một vài giống có hoa, nhưng hoa còn giản-dị đơn-sơ lắm.

Nói tóm lại, các giống động-thực-vật về đời này sánh với đời trước đã thấy phiền-phức hơn ; chủng-loại đã nhiều và các cơ-thể đã tinh-tế hơn. Đời này đã hiển-nhiên có tiến-bộ hơn đời trước vậy.

Nói về đệ-tam-thạch-kỳ (lâu ước 3 triệu năm). — Đến thạch-kỳ này mới xuất-hiện ra những giống có vú thật hoàn-toàn, như các giống có vú đời nay, và hình-thể không còn mường-tượng như các giống bò-rạp đời trước nữa. Giống có vú là giống đứng đầu trong các loài động-vật. Giống có vú về đời bấy giờ phần nhiều là những giống « da giầy » (*pachydermes*), như con « tê thái-cổ » (*paléothérium*), giống như con tê-tượng ngày nay, hiện đã tìm thấy xương có thể khôi-phục thành hình được.

Rồi đến các giống có vòi, hình giống như con voi bây giờ ; có con hai ngà (*dinothérium*), giống này to lớn nhất, cao đến 6 thước, nó có hai cái ngà quằm ở bên dưới, dùng để đào các rễ cây mà ăn ; có con bốn ngà (*mastodontes*), hai ngà vào hàm trên, hai ngà vào hàm dưới, to chừng bằng con voi bây giờ, nhưng sức mạnh lắm.

Trong loài có vú lại thấy xuất-hiện ra mấy giống vượn to (*dryopitèque, pliopitèque*), giống như các giống hầu giống vượn bây giờ và đã hơi mường-tượng như hình người. Đứng vào bậc đầu trong giống ấy là một thứ đười-ươi gọi là « người vượn » (*pithécanthrope*), chính là tổ của giống người bây giờ. Người ta đã tìm thấy ở đảo Java những di-tích của giống « người vượn » này, có thể khôi-phục thành hình được ; lại chung quanh thấy những vết lửa cùng những mảnh đá lửa đập vỡ, thời biết có lẽ giống này đã biết dùng lửa rồi.

Cây-cối đời bấy giờ thời phần nhiều đã giống như cây-cối đời bây giờ.

Đại - khái cái cảnh - tượng trên mặt đất về đệ - nhị - thạch - kỳ không khác gì cảnh - tượng đời nay mấy tí, duy chỉ còn thiếu các giống cao-đẳng-động-vật, và thứ nhất giống người là cái kết-quả tối-cao của sự tiến-hóa trong các loài sinh-vật.

Trong các thời-kỳ ta vừa kể trên đó, thời-kỳ thứ nhất lâu nhất, đến thứ nhì thứ ba thời kém dần mãi đi ; vậy mà càng kém đi, sự biến - hóa lại càng sâu, càng nhiều, coi đó thời biết rằng các giống đã bắt đầu biến-hóa thời cái sức biến-hóa càng ngày lại càng tăng thêm mãi lên. Bước đầu chắc là khó-khăn và chậm-chạp, vì phải lay cho chuyển cái đống vật-chất nặng-nề ; nhưng đã chuyển rồi thời càng ngày hoạt-động càng mạnh, biến-hóa càng mau, từ trước đến giờ biến-hóa đã mau như thế, từ nay về sau biến-hóa còn mau hơn nữa. Tin rằng vạn-vật đều có biến-hóa và biến-hóa mỗi ngày một hay hơn lên, đó chính là cái lẽ tiến-bộ mà khoa-học đời nay đã phát-minh ra vậy.

Nói về đệ-tứ thạch - kỳ (ước 10 vạn năm). — Thạch-kỳ này bắt đầu từ 10 vạn năm về trước, hiện nay vẫn hãy còn. Đầu đời này còn thấy những động-vật giống như đời trước, rồi sau thấy xuất-hiện ra mấy giống mới nữa, nhưng vẫn còn chưa giống hẳn các giống bây giờ, coi đó thời biết có tiến-hóa.

Như các nhà bác-học đã phát-minh được một giống voi cổ gọi là « ma-mút » (*mammouth*), giống này may tìm được nguyên cả xác lấp ở trong bãi nước-đá đất Sibérie, không thối-nát gì cả, xét ra thời đã khác đời trước và gần giống con voi ta bây giờ.

Lại có giống hươu (*nenne*), sừng to và bẹt, dùng để súc đất đào cây như cái sẻng vậy.

Con gấu hang (*ours des cavernes*), người ta có tìm thấy nhiều bộ xương nguyên ở trong các hầm vùng núi Pyrénées ; giống này to-lớn mạnh-bạo và hay ăn thịt.

Còn có một giống gấu không răng (*mégathérium*), phục - phịc nặng-nề, dài đến bốn thước, cao đến hai thước.

Chim thời có giống chim chạy (*dinornis*), to lớn lực-lưỡng, nhưng mà chỉ chạy được, không bay được, hình-thể giống như con chim không cánh (*aptéryx*) ở đảo Nouvelle-Zélande.

Sau hết thời đến một giống « người rừng », có lẽ chính là giống « người vượn » đời trước đã tiến-bộ được một tầng vậy. Sách gọi là giống « dã-nhân » (*homo stupidus*).

Cây-cối đời này không biến-hóa gì mấy, đại-khái cũng giống như ngày nay.

Nói tóm cả bốn thạch-kỳ trên : mới đầu mới có những giống cây giống vật rất đơn-sơ, mỗi giống sinh-trưởng lên thời lại biến-hóa đi, biến-hóa đi thời lại phiền-phức ra, sinh ra có nhiều những tính-cách mới, những tính-cách ấy nhờ sự di-truyền (*hérédité*) truyền mãi đi, càng truyền lại càng biến mãi đi và phiền mãi ra, sau thành ra khác giống cũ; càng ngày càng khác, rồi đến khác hẳn mà thành ra giống mới ; bởi thế mà sinh ra những loài thuộc về cua-ốc, loài cá, loài ếch-nhái, loài bò-rạp, loài chim, loài có vú, sau cùng đến giống « người vượn », rồi đến « người rừng » là nguyên-tổ loài người ta bây giờ.

Trong năm-mươi triệu năm đầu, trên mặt địa-cầu chỉ có những giống vật đơn-sơ, không có xương, ở dưới nước. Trong ba-mươi-tư triệu năm sau, mới thấy các giống cua-ốc, cũng vẫn ở nước. Đến khoảng mười-một triệu năm về đệ-nhị-thạch-kỳ, bèn xuất-hiện các giống bò-rạp, nửa ở nước nửa ở cạn ; thế là đã bắt đầu có giống ở cạn. Vào khoảng ba triệu năm về đệ-tam-thạch-kỳ thời những chim muông hiện ra vô-số, hình-thể càng ngày càng hoàn-toàn. Sau hết, đến trong khoảng 10 vạn năm về đệ-tứ-thạch-kỳ thời ở trong các giống chim muông xuất-hiện ra giống người là giống hoàn-toàn hơn nhất cả, nhờ có tri-tuệ, gây ra văn-minh, mà mỗi ngày lại càng tài-giỏi khôn-ngoan mãi lên.

Trong các giống động-vật ta vừa kể trên đó, giống nọ dần-dần chuyển sang giống kia, là qua nhiều bậc trung-gian mới thật định-thành mô-giạng, không phải vụt giống nọ mà thành giống kia, thế thời đủ biết rằng sự sinh-hoạt trên mặt đất có tiến-bộ dần-dần và liên-tiếp không dứt. Tỉ như một giống ngựa : từ con long-mã (*phenacodus*) đến con ngựa ta bây giờ, trung-gian các nhà bác-học đã tìm thấy bốn-mươi-tư thứ ngựa, mỗi thứ khác nhau một tí, khác nào như bốn-mươi-tư bậc thang, tự xưa lần-lần đến giờ vậy. Quan-sát những sự biến-hóa lần-lần, cho dò tìm thấy cái vết thay-đổi của vạn-vật, từ bậc thấp tiến lên bậc cao, như trèo cái thang vô-hạn, đó là một cái công-phu vĩ-đại của khoa-học đời nay vậy.

Ông HÆCKEL là nhà bác-học có tiếng ở nước Đức về phái « biến-hóa » (*transformiste*) đã ức-đạc mà phác-họa được thành một cái « cây thế-hệ » (*arbre généalogique*) của các giống sinh-vật trên mặt đất, từ con « nguyên-sinh-trùng » (*monère*) cho đến loài người ta.

Trong sách « Thế-giới tiến-hành luận » (*Le monde marche*) của ông Bác-sĩ PELLETAN có câu rằng : « Sánh cảnh-tượng địa-cầu bây giờ với địa-cầu đời trước, thấy hiển-nhiên có tiến-bộ trong cách gây-hình tổ-chức vạn-vật. Cứ xem toàn-bộ những giống vật kỳ-quái đã đến trước người ta mà quyền làm chúa-tể trên địa-cầu thời đủ biết vậy. » Lại một nhà làm sách khác nữa, có câu rằng : « Như thế thời người ta không phải là một vị thiên-thần bị giáng-họ xuống địa-giới như trong tôn-giáo thường dạy, chính là một con động-vật đã kinh-qua nhiều lần biến-hóa mới tới bây giờ vậy ».

2. — Sự tiến-hóa trong cơ thể giống người.

Người ta không phải là một giống đặc-biệt ; chẳng qua cũng là một con vật như các con vật khác. Bởi có tư-tưởng, bởi biết hợp-quần, nên lên cao hơn được các giống kia, nhưng lúc nguyên-thủy cũng là ở trong loài động-vật, duy là giống động-vật hoàn-toàn nhất mà thôi. Sự sinh-hoạt trên mặt đất ví như một cái cây to lớn, thời các giống vật khác là những cành

trà-trạnh, cành thấp cành cao, sâm-si khác nhau, đến giống người ta là cái bông hoa trót-vót đầu cành vậy. Bởi thế nên trước khi nói về người ta phải xét qua các giống động-vật khác tiến-hóa ra làm sao. Xét thế mới biết rằng người ta vốn là kết-quả của sự tiến-hóa đời trước, nên trong bản-năng vẫn có cái khuynh-hướng về đường tiến-hóa. Song cũng lại phải biết rằng sự tiến-hóa đời trước ấy là sự tiến-hóa thiên-nhiên, sự tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên, không do ý-thức. Tuy lúc mới sinh ra nhân-loại, giống « người vượn » với giống « người rừng » chẳng qua cũng là tiến-hóa theo lẽ tự-nhiên đó mà thôi, nhưng mà dần-dần người ta nẩy trí-tuệ, có ý-thức ra, thời không phải chỉ tiến-bộ như cái máy mà thôi. Đến khi đã biết cái địa-vị mình, biết cái giá-trị mình, biết mình là giống thông-tuệ khôn-ngoan, thời bấy giờ tự ý tự chí, ra sức ra công, làm cho mỗi ngày một hay hơn lên, bước cho mỗi ngày một tấn-tới lên ; bởi thế mà ngoài sự tiến-bộ thiên-nhiên lại có một sự tiến-bộ của nhân-loại nữa, sự tiến-bộ này lại mau chóng và rực-rỡ hơn sự tiến-bộ kia nhiều.

Sự tiến-bộ của nhân-loại ấy lúc mới đầu còn chưa được rõ-rệt lắm, một là hãy còn chậm-chạp, hai là tựa-hồ như có lúc đương tiến lại thấy thoái, cho nên có người ngờ là không biết có tiến-bộ thật hay không ; nhưng ngày nay thời đã hiển-nhiên rồi, không còn nghi-ngờ nữa. Cứ lấy toàn-thể nhân-loại mà xét thời thấy có tiến thật, mà càng tiến lại càng mau, càng xa đời thượng-cổ và gần về cận-đại thời sự tiến-bộ lại càng thấy rõ-rệt vậy. Cái đó cũng không có lạ gì, vì một sự tiến-bộ này xui-giục ra nhiều sự tiến-bộ khác, một cái hay cái tốt tất sinh-sôi nẩy-nở ra vô-số cái hay cái tốt khác, như nhân mãi lên, thành ra vô-cùng.

Tới ngày nay thời sự tiến-bộ đã rõ-rệt đến thành hẳn một cái chủ-nghĩa, một sự tín-ngưỡng của người loài ; thành một cái động-lực khiến cho người ta hoạt-động, mà là một cái động-lực rất mạnh, vì nó hành-động ra hai cách : một cách có thể gọi được là « tiêu-cực », một cách có thể gọi được là « tích-cực. » « Tiêu-cực », là nó bày tỏ cho người ta trông rõ cái cõi vật-giới ở dưới mình, là nơi tỉ-tiện xấu-xa, người ta đã kinh-qua biết mấy nghìn vạn năm mới thoát khỏi, ngày nay tất hết sức muốn lánh cho xa, lên cho cao, để không thể trụy-lạc vào đấy nữa. « Tích-cực », là nó bày cho người ta ở con đường trước mắt một cái cõi đẹp-đẽ, khôn-ngoan, công-bằng, đạo-đức, để giục lòng tiến lên cho tới được, khác nào như cắm cho cái đích để noi theo, nhất-thiết muốn ganh-đua với cổ-nhân cho được hơn cổ-nhân mới nghe.

Người ta phải có lòng tin ở lẽ tiến-bộ thời sự tiến-bộ mới càng ngày càng mau thêm lên ; lòng tin ấy chính là cái thuật sinh-tồn của người ta và của các dân-tộc vậy.

Nói về sự tiến-hóa trong cơ-thể người ta về đệ-tứ-thạch-kỳ. — Đầu các sự tiến-bộ của loài người là tiến-bộ trong cơ-thể người ta. Sự tiến-bộ này là biểu-hiệu hiển-nhiên của các sự tiến-bộ khác, vì người ta mỗi ngày một hơn lên, cứ xem ngay các bộ-phận trong thân-thể mỗi ngày một hoàn-toàn ra thời đủ biết ; như cái trán nở dựng được khối óc to, thế là biểu-hiệu sự thông-minh ; con mắt thẳng, nhìn ngay trước mặt trừng-trừng, thế là biểu-hiệu cái tính tự-do độc-lập ; thân-thể vừa mạnh-mẽ và vừa mềm-mại, vừa thẳng-thắn và vừa giỏng-giạt, thế là biểu-hiệu cái tư-cách kiên-nghị thanh-cao, v. v.

Những người thái-cổ về đầu đệ-nhị-thạch-kỳ, nghĩa là ít ra 10 vạn năm nay, thật không khác gì con vật, sánh với những dân rất dã-man mới phát-

minh trong khoảng thế - kỷ trước, lại còn thô-bỉ tục - tằn hơn nhiều. Người đó ở trong hang trong hầm, săn bắt các giống vật mà ăn, ăn thời ăn sống nuốt tươi, có khi ăn thịt lẫn cả nhau (hiện nay cũng còn sót một vài dân dã - man có thói ăn thịt người). Suốt đời chỉ những chống-cự với các mãnh-thú đời bấy giờ cùng những kẻ đồng-loại mình ; sức mạnh có thật mà trí - khôn thời hãy còn hẹp - hòi lắm. Nhưng bởi sự cần-dùng phải nghĩ chế ra các đồ, trước còn dùng những cành cây, những tảng đá làm khí-giới, sau đã biết đập đá ra từng mảnh, rồi chuốt đá mà làm đồ dùng (cái dao, cái cạo, cái dùi, vv.). Rồi dần dần mới biết làm đồ bằng đồng bằng sắt. Các nhà làm sách thường chia đệ-tứ-thạch-kỳ ra làm năm đại - thời - kỳ (*âges*), mỗi đại-thời-kỳ lại chia ra tiểu - thời - kỳ (*périodes*) theo như cái biểu sau này :

ĐẠI - THỜI - KỲ	TIỂU - THỜI - KỲ
Đời đá đập hay là « cựu-thạch-đại » (*âge paléolithique*)	Thời-kỳ *Chelles* (còn di-tích tìm được ở bãi cát *Chelles*, hạt Seine-et-Marne, nước Pháp). Thời-kỳ *Saint-Acheul* (tìm thấy xương con voi « mamút » ở *Saint-Acheul*, hạt Somme, nước Pháp). Thời-kỳ *Moustier* (tìm thấy xương con gấu lớn ở *Moustier*, hạt Dordogne, nước Pháp). Thời-kỳ *Solutré* (thấy di-tích ở *Solutré*, hạt Saône-et-Loire, nước Pháp). Thời-kỳ *Madeleine* (thấy xương con hươu ở *Madeleine*, hạt Dordogne, nước Pháp).
Đời đá chuốt, hay là « tân-thạch-đại » (*âge néolitique*)	Thời-kỳ ở hồ thứ nhất.
Đời dùng đồng thau (*cuivre*)	
Đời dùng đồng thiếc (*bronze*)	Thời-kỳ ở hồ thứ nhì.
Đời dùng sắt	

Muốn biết những giống người cổ ấy trí khôn ít nhiều thế nào, cứ xét ngay hình-thể và dung-tích cái sọ những người ấy thời biết.

Hình-thể cái sọ, đời nọ sang đời kia, khác nhau nhiều lắm. Người ta đã so-sánh ba cái sọ giống « người vượn » (*pithécantrope*) về cuối đệ-tam - thạch - kỳ đầu đệ - tứ - thạch - kỳ (một cái của ông Kramberger tìm thấy ở Krapina gọi là *pithecantropus krapinensis* ; một cái của ông Dr Dubois tìm thấy ở đảo Java gọi là *pithecanthropus erectus* ; một cái tìm thấy ở Neanderthal, gọi là *pithecanthropus neanderthalensis*) với các sọ giống « người rừng » về đầu đệ-tứ-thạch-kỳ tìm thấy ở Cro-Magnon, thời thấy ba cái trước lỗ mắt lồi, mũi rẹt, hàm răng to, đến cái sau thời đã thấy bớt dần đi. Đại-để các giống người đời xưa hàm răng giô ra (*prognathes*) như giống hầu giống vượn bây giờ ; càng về gần đời nay thời hàm càng thu dần vào. Bây giờ những giống còn dã-man, như mấy giống da đen, vẫn còn thấy hàm giô ra.

Có một cách khảo-nghiệm, là cách đo góc mặt (*angle facial*). Đo góc mặt

tức là đo hình sọ; vạch một đường giọc từ phần giồ trán cho đến sống mũi dưới, lại vạch một đường ngang từ sống mũi dưới cho đến sau tai, rồi đo cái chỗ góc thước-thợ hai đường gặp nhau, thấy rộng hẹp khác nhau, càng về thượng-cổ càng hẹp, càng gần đời nay càng rộng, càng người dã-man càng hẹp, càng giống văn-minh càng rộng.

Đo góc mặt như thế thời thấy rộng hẹp như sau này :

Các giống vượn thượng-đẳng	góc mặt rộng là	65°	(độ).
Giống « người vượn » ở Krapina (*Pithecanthropus krapinensis*)	—	66°	—
Người giống da đen	—	70-72°	—
Đầu người tìm thấy ở miền Bougon	—	72°	—
Người giống da vàng	—	76-77°	—
Người giống da trắng	—	80°	—
Tượng thần Jupiter (là pho tượng đẹp nhất của Hi-lạp đời xưa, có thể cho là cái mẫu hoàn-toàn của hình-thể người ta, sau này có ngày tới được thế)	—	90°	—

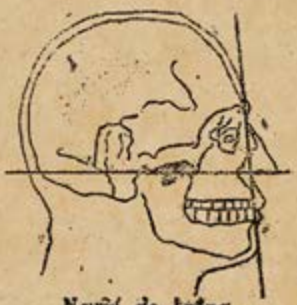

Người da trắng
Góc mặt rộng (80°)

Người da đen
Góc mặt hẹp (70°)

Lại còn một cách khảo-nghiệm nữa, là đo lòng sọ rộng hẹp thế nào, xem đó cũng biết rằng từ xưa đến giờ cái thể-tích của sọ người ta đã rộng ra nhiều lắm, tức là cái óc đã to ra nhiều :

Sọ người đời cổ tìm thấy ở Néanderthal (đầu đệ-tứ-thạch-kỳ), dung-tích là		1220	*centim. cubes.*
Sọ người thổ-dân ở Úc-châu (Australie) đời nay	—	1228	—
Sọ người Ai-cập tìm thấy trong các hang hầm	—	1240	—
Sọ người Mã-lai (*Malais*) đời nay	—	1328	—
Sọ người ở thành Paris về thế-kỷ thứ 13	—	1425	—
Sọ người Paris đời nay	—	1558	—

Người đời thượng-cổ, cái dung-tích sọ cũng bé như sọ con trẻ, bằng sọ các giống dã-man đời nay. Đời nọ sang đời kia, cái dung-tích ấy rộng mãi ra; theo như ông Broca đã xét nghiệm, sọ người Paris có trong mấy thế-kỷ mà to ra nhiều lắm. Chắc người các giống văn-minh khác cũng thế.

Coi đó thời biết qua đời nọ sang đời kia hình-thể đầu-sọ người ta đổi đi nhiều lắm, trước giẹp sau tròn,

trước dung-tích hẹp, sau dung-tích rộng.

Lại người đời thượng-cổ cánh tay dài hơn người đời nay. Cánh tay của người Paris cũng mỗi đời ngắn kém đi một ít.

Xương người thượng-cổ to lớn lắm: xương đùi tròn trùng-trục như cái cột, xương ống chân cũng như cái cột giọc đôi; xương ở cái sọ Néanderthal có chỗ dầy tới hơn 1 *centimètre*; xương cằm dưới vừa to mạnh và vừa giồ ra.

Tóm lại thời người thượng-cổ chẳng qua cũng là một con mãnh-thú, trán hẹp và lướt đi, hàm to và giồ ra, mắt bé, chân tay to, mặt hình miếng trám. Hiện nay cũng còn một vài giống dã-man ở Phi-châu Úc-châu như thế, duy không có sức mạnh bằng người đời xưa mà thôi. Sánh những giống người ấy với người văn-minh đời nay, xa cách nhau biết bao nhiêu! Nhà triết-học nước Anh, ông HERBERT SPENCER đã nói rằng: « Sánh hình-thể một người *Papou* (là người dã-man ở châu Phi) đời nay với ông NEWTON (tàu dịch là Nữu-đốn) cách xa nhau nhiều hơn là con vượn với người *Papou* vậy ». Ấy sự biến-hóa của nhân-loại mau như thế. Các giống khác cũng có tiến-hóa, giống thời chạy nhanh, giống thời bay cao, giống thời lội tài, nhưng đều không được mau bằng giống người, vì giống người được hơn các giống là biến-hóa trong não-chất nhiều, mà não-chất lại là nơi trụ-sở của trí khôn, nên càng biến-hóa lại càng khôn hơn lên, càng khôn bao nhiêu lại càng tiến-bộ bấy nhiêu vậy.

(Còn nữa)

HỒNG-NHÂN *biên-dịch*

SỨ-HOA NHÀN-VỊNH[1]

(Dịch thơ triều Lê)

IV

34. — Cảnh núi Ấn-sơn

Buồm theo gió thổi, sóng vỗ chèo nhanh, chưa bao lâu đã qua huyện Bình-lạc, lạ-lùng thay cho phong-cảnh ở đấy, sông chia ba ngả, tron-von núi mọc giữa dòng, như cột trời, như cây đá, thế bích-lập, ngọn vân-bình, bốn bên ôm lại như hình vòng cung. Ngài mới lên núi ngắm cảnh, trên có cái đình, biển đề « Điều-thúy », hình xây bát-giác, thế học tứ-vi, thực là một nơi danh-thắng:

Cung-giang một ngọn tiểu-cô-phong,
Đẻo thúy mài xanh ẩn giữa dòng.
Dáng tưởng viên-châu rồng nhả nước.
Hình ngờ bảo-thạch hạc rơi không.
Cương-nham bốn mặt liền vây trướng.
Xa chếch hai bên nửa uốn cung.
Danh-thắng lại thêm đình Điều-thúy,
Giang-sơn đó cũng một non Bồng.

35. — Sớm ngày sang đò sông Chiêu-giang

Qua vùng Bình-lạc đến cửa sông Chiêu, thì trời vừa rạng sáng, trở mũi thuyền lan, trông ra nước phẳng một

(1) Xem *Nam-Phong* số 48, trang 432-485; số 49, trang 62-67; số 50, trang 129-132.

làn, núi non quanh quất hai hàng cao-cao, ngửa lên trông thì đầu non nhả khói, kẽ đá phun mây, cây cối xanh u tứ-phía, đầm khe trắng xóa một dòng, như gương trong, như bát úp, như rốn bể, như thành mây, người đang ngắm cảnh, thuyền đã xuôi dòng. Giang-hồ quen thú vẫy-vùng, xa-xa trông lại cao ngâm một bài :

Dãi sông êm ả ngọn kình-ba,
Một chiếc thuyền lan gõ mái qua.
Núi chạy thế tiên cờ chuyển-chiết,
Nước trong khi dẫn gió thanh hòa.
Cây xanh làng xóm in mầu khói,
Hoa đỏ đầm khe nhiễm bóng hà.
Phong cảnh thực không rồi ứng tiếp,
Dễ nên điểm-xuyết lá thi ca.

36. — Buông thuyền chơi núi Họa - sơn

Thuyền đi tới huyện Quế-âm thì chiều, trời đã thuộc về tiết xuân, lá liễu sương bay, bóng mai tuyết điểm. Ngài mới dừng thuyền lại bước chân lên thưởng-cảnh Họa-sơn, bấy giờ nước lặng mây quang, trời êm tiết ấm, trông ra tứ phía chập-chồng núi đá, coi như những trướng gấm dựng bên bờ sông, dưới thì nước xanh như dải lá nhuộm lục, dòng phẳng như dây lụa trăng ngang, khác nào một bức tranh treo, thợ trời khéo vẽ :

Buồm gió cao cao dòng nước xa,
Bóng xuân nhàn-nhạt khí xuân hòa.
Mầu yên ngang thắt đai rừng lại,
Mặt núi nghiêng chao mũi ích (1) qua.
Trắng xóa sương-nham dây bạch-luyện (2)
Xanh liền bích-lạc dải thanh-la (3).
Hỏi ai ai ấy tay kỳ-họa,
Họa được thiên-nhiên mới gọi là.

37. — Đêm nghe tiếng hát

Hạ - tuần tháng hai thuyền vừa đến thành tỉnh Quảng-tây, ngài đậu thuyền lại dưới đình Trạm-âu, ngày hôm ấy mưa xuân phun-phún như sương bay tuyết xuống, như gieo ngọc phun châu, trông ra sông nước một mầu long-lanh. Lơ-thơ tơ liễu buông mành, con oanh học nói trên cành mỉa-mai. Đến mai nghe tiếng sinh ca trên đình réo-rắt, tiếng khoan như gió thổi ngoài, tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa, tình riêng riêng những ngẩn ngơ, lữ-đình lúc ấy có thơ thuật hoài :

Mờ-mịt mây đen khắp một thành,
Sịch nghe đàn hát tiếng trên đình.
Hòa mưa cao thấp rơi bên trướng,
Theo gió khoan mau lại trước mành.
Đất khách đèn ngư (4) đong một bóng,
Làng quê gối điệp (5) tỉnh năm canh.
Ngựa Hồ chim Việt (6) lòng riêng chạnh,
Hoài-thổ ngâm nên khúc tả-tình.

38. — Phong cảnh thành Quế-lâm

Thành này ở về tỉnh Quảng - tây, một mặt sông ngăn, ba bên núi bọc, giang-sơn rộng-rãi như riêng một góc trời. Trong cảnh có lần thành Việt-vương, ngọn núi Độc-tú, trại quan Phục-ba, đền ông Gia-cát, song-song tả hữu hai bên xông bày, đối ngọn có dải thất-tinh, giang-sơn sao khéo hữu-tình, nhìn xem phong-cảnh ngâm-thành bài thơ :

Trăm-hai hình-thế tưởng Quan-trung (7),
Ba mặt hoàn-sơn một mặt sông.
Góc trại Phục-ba thành bãi ngựa,
Bên đài Gia-cát ám mây rồng.
Bá vương (8) đất hiểm lầu thành đứng,

(1) Mũi-ích = Mũi thuyền có hai mặt.
(2) Bạch-luyện = Nước suối trắng như lụa.
(3) Thanh-la = Nước sông xanh như là.
(4) Đèn ngư = Đèn đốt bằng mỡ cá,
(5) Gối điệp = Gối nằm mơ giấc bướm.
(6) Nói tình nhớ nhà quê.
(7) Đất hiểm nhất trong nước Tầu, hai người đứng trong đánh nổi trăm người ở ngoài.
(8) Vua Việt tên là Câu-Tiễn.

Tinh-đẩu(1) đèo cao bảy ngọn chồng.
Chốt mây kia kia non Độc-tú,
Tron von một cột đỉnh trên không.

39. — Cảm nhớ thành cổ

Trong thành tỉnh Quảng có một lần thành gọi là cổ-thành, tường xây bằng đá rất là chắc-chắn, mặt chính-nam ba cửa, còn ba mặt mỗi mặt một cửa, sân thềm lát đá, bệ lên nhiều bậc, chính là một chỗ triều-thị ngày xưa, trong có núi Độc-tú, cao ba bốn nghìn trượng, sau nhà tẩm-điện có ao bán-nguyệt, vòng quanh chân núi, tương-truyền là thành cũ của ông Việt vương.

Chỉ những đào ao (2) cả nước Ngô.
Tiếc cho lại được bữa Cô-tô (3).
Trạm mây cột đá (4) lần mây tỏa,
Tẩm nguyệt ao xuân (5) mảnh nguyệt cô.
Đứng vững bốn bên tường điệp-trĩ (6),
Chiếu không sáu cửa bóng tà-ô (7).
Giang-sơn khách lại còn lưu-luyến,
Cụ Phạm (8) lòng nao một Ngũ-hồ.

40. — Trại quan Phục-ba

Trại này ở về phía đông thành, cao năm trăm trượng, đối ngọn có chùa Thê-hà, dưới có đền thờ ông Mã-Viện, trong đền rộng-rãi, cửa trại thênh-thang, bên đông đá mọc như cột dựng, tục hiệu là hòn đá thử gươm của quan Phục-ba, trông hãy còn như vết gươm chặt, bên trên có đài quán, nhân thế núi lập thành ra :

Quả núi bên sông nước nửa vây,
Phục-ba một trận đấu còn đây.
Đá xưa thì kiếm (9) trùm rêu cỏ,
Động cũ đình tham (10) tỏa khói mây.
Tựa mái ngư ông (11) ca nhỏ nhỏ,
Đeo hồ sứ-khách (12) hứng say say.
Tướng quân (13) tưởng lúc sang Nam-việt,
Giới trụ (14) nêu cao dễ chốn này.

41. — Quế-lâm bát-cảnh

(Thành Quế-lâm có tám cảnh đẹp)

Quanh thành Quế-lâm, non xanh nước biếc, danh - thắng rất nhiều, tương-truyền có tám cảnh đẹp hơn cả : 1° núi Vòi-voi, 2° núi Chọi-gà, 3° chùa Thê-hà. 4° lầu Chuông-trống, 5° núi Lưu-tiên, 6° núi Thất-tinh, 7° ngọn Độc-tú, 8° đền Gia-cát.

1 — Núi Vòi-voi.

Cửa đông một quả núi xanh,
Ước chừng nửa dặm cách thành chẳng xa,
Dưới chân nước tạp chảy qua,
Nguyên-danh người vẫn gọi là tạp-san.
Một dây rủ bến than vòi-vọi,

---

(1) Núi thất-tinh.
(2) Lòng báo thù nước Ngô.
(3) Tên đền vua Việt.
(4) Núi Độc-tú.
(5) Ao bán-nguyệt.
(6) Tường thành cao.
(7) Mặt trời xế.
(8) Ông Phạm-Lãi biết nước Việt sắp bại, chở thuyền đi chơi Ngũ-hồ để lánh ẩn.
(9) Vết thử gươm.
(10) Đình-tham = chốn dừng ngựa.
(11) Ngư-ông = ông đánh cá.
(12) Sứ-khách = quan đi sứ.
(13) Chỉ quan Phục-ba.
(14) Giới-trụ = cột đá phân địa-giới.

Trăm nghìn dòng nước sói chung-quanh.
Thông-nham một khiếu hữu-tình,
Nhác trông cảnh tượng như hình vòi-voi.
Ngài vừa dạo gót lên chơi,
Thong-dong có vịnh một bài cổ-thi :

Ngà mây cốt đá sắc rêu rêu,
Rủ xuống bờ sông hiệu một điều.
Trẹn lớp sóng rềnh lôi thét mạnh,
Quấn dòng nước xói tuyết phun cao.
Nửa lưng gác tháp tầng sinh khói,
Một khiếu thông nham thế nuốt triều.
Trấn áp thành đông nghìn dặm đất,
Trải bao lăng cốc (1) vẫn không xiêu.

2
Núi Chọi-gà.

Núi kia hai dặm cách thành,
Đường dường đất Việt chênh-vênh nghìn trùng
Lưng non giải tấm bình-phong,
Gót sa đạp lại một dòng Quế-giang.
Yên-quang với ba-quang một sắc,
Bóng cây lồng cỏ biếc mây xanh.
Hai bên dẫu đá chông-chênh,
Nhác trông mảng tượng như hình đấu-kê.

Bên sông hai dải núi chênh-vênh,
Vẫn tưởng như tranh lại chẳng tranh.
Mỏ đá ngang mây chiều củng-hướng, (2)
Gót sa đạp nước thế tung-hoành (3).
Khói mê thu-sắc (4) in mầu tía,
Sóng lộn xuân-quang (5) ánh vẻ xanh.
Khách lại dừng thuyền xem khí-thế.
Muốn đem Hán Sở (6) vẽ nên tranh.

3
Chùa Thê-hà.

Bên thành bảy dặm cách sông,
Ai đi một cảnh non Bồng tới nơi.
Lưng chừng núi có khai một động,
Vẻ đài liêu lẫn bóng đan-hà.
Tứ-cầu gấm vóc thêm hoa,
Hoàng-oanh tiếng tiếng sinh ca vang lừng.
Biển đề chữ rằng đường Hoan-biếc.
Nước vàng son nét nét tươi-mầu.
Tả biên là chốn cao cao,
Dinh trăng gác gió cành dao cây quỳnh.
Khen cho phong cảnh hữu-tình,
Kể danh-thắng nhất châu-thành mọi nơi.

Chẳng kể Thiên-thai (7) cõi vật hoa,
Đền dao gác bảo vẻ thê-hà.
Mười phần xuân-sắc nơi tăng-viện (8),
Trăm đạo hào-quang chốn phạn-gia (9).
Trước động vạn-niên (10) mầu cẩm-tú,
Bên non bách-thiệt (11) tiếng sinh-ca.
Gió đưa đạp phá niêm-đề (12) khắp,
Ngửa mặt vầng ô (13) bóng chửa tà.

4
Lầu chuông trống

Thênh-thang ở giữa thị-thành,
Bốn bề chung lại cảnh thanh còn rầy.
Ở bên dưới đá xây làm cửa,
Để thông đường xe ngựa tri khu.
Bên trên có dựng một lầu,
Cao cao hơn cả dịch-lâu mọi từng.
Khi trời sáng gió quang trăng tạnh.
Bóng thiều - dương chiếu ánh giữa trời.

---

(1) Lăng cốc = gò sụt thành hố, nghĩa là cuộc đất đổi dời.
(2) Củng-hướng = chầu lại.
(3) Tung hoành = dọc ngang.
(4) Thu-sắc = sắc mây tía mùa thu.
(5) Xuân-quang = bóng vẻ xanh mùa xuân.
(6) Hán-Sở = ông Hán Cao-tổ cùng ông Sở Hạng-vương tranh nhau thiên-hạ trong năm năm trời.
(7) Thiên-thai = núi có động tiên ở.
(8) Tăng-viện = nhà sư tăng ở.
(9) Phạn-gia = nơi tam-bảo.
(10) Vạn-niên = hoa cây tứ cần vạn niên.
(11) Bách thiệt = chim oanh hót.
(12) Niêm đề = các nơi có chữ đề vịnh.
(13) Vầng ô = bóng mặt trời.

Trên treo chuông trống một đôi,
Đêm đêm khua náo hồi bồi điểm canh.
Mấy dẫy phố vòng quanh bốn mặt,
Trăm hàng non bức vách đứng quanh.
Phong-quang chẳng những vui-vầy,
Khi lên Mục-bá giải bầy mưu-viên.
Lúc thong thả bèn lên ngắm cảnh,
Vui tấm lòng có vịnh bài thơ :

Nền tảng trong thành đất một khu.
Cao cao trăm thước ngọn trùng-lâu.
Dấu thông dưới cửa đường xe ngựa,
Thế bức trên không vị đầu ngưu.
Bốn vách khói mây mầu tích-thủy,
Năm canh chuông trống tiếng phòng-thu (1).
Dạo lên bá những vui phong-cảnh.
Mục-bá (2) mưu cao lúc tọa-trù.

5

Núi Lưu-tiên.

Ngoài tây nam cách thành sáu dặm,
Núi Nam-khê liền động Bán - tiên.
Đường từ trong động trèo lên,
Loanh-quanh bùi rậm đến trên tiên tòa,
Khi trong quét hết bóng mờ,
Dấu tiên Trọng-Viễn bao giờ còn đây.
Chữ thuyền-ca mấy bài dược - phả,
Nét đan-thanh khắc đá hãy còn.
Đình đài về chốn tả-biên,
Cao cao vách gấm liền liền mây xanh,
Lãnh-nhiên lại có một đình,
Xa trông như vẽ bức tranh tiên - đài :

Mấy-lớp tang-thương (3) đã đổi đời,
Dấu tiên u-ẩn hãy còn đây.
Một bầu thế-giới động trong động,
Bốn vách yên-vân trời dưới trời.
Đá cũ nghiên-đan (4) hơi gió quét,
Lò xưa chử-hồng (5) bóng trăng phơi.
Khách lên trên đỉnh khung-đình (6) đứng,
Quên hết trần-duyên một kiếp người.

6

Núi Thất-tinh

Núi kia một dặm cách thành,
Xa trông như vị thất-tinh liền liền.
Tục-truyền có bát-tiên ở đó,
Cửa song mây động đá rất nhiều.
Kỳ-hình vạn-trạng xinh sao,
Đường đi vẫn tưởng lối vào Thiên-thai.
Trên đỉnh núi có nơi đạo-viện,
Chùa Thê-hà đứng mén một bên.
Lâu đài lộn bóng vân-yên,
Chợ trời khéo đúc thiên-nhiên hai tòa.
Lần lần ngài đã xem qua,
Mua vui có vịnh năm ba câu thần :

Chiếu ánh vì sao đỉnh bích không,
Sâm-dao (7) măng-ngọc (8) ngọn chồng chồng.
Đàn khung (9) đá lão thông xanh phủ,
Đồng cổ (10) xuân sâu khói biếc phong.
Vẻ ánh đài Lan (11) gương thủy-nguyệt (12),
Sắc mê sông Quế lá phâm-phong (13).
Bát-tiên thắng-hội nơi nao đó,
Truyện cũ truyền-văn hẳ có không.

7

Núi Độc-tú

Một khu đất phẳng trong thành,
Đột lên một ngọn chênh-vênh chạm trời

(1) Phòng thu = giữ giặc.
(2) Ông Lý Đức-Dụ nhà Đường khi xuất trấn có dựng lầu trù-biên.
(3) Tang-thương = cuộc đất đổi dời, bãi dâu biển sụt làm bể sâu.
(4) Nghiên đan = tán thuốc tiên.
(5) Chử hồng = nấu thuốc tiên.
(6) Khung-đình = đình cao ngất trời.
(7) Sâm-dao = nõn cây sâm như ngọc dao.
(8) Măng-ngọc = mầm măng đẹp như hạt ngọc.
(9) Đàn-khung = đàn cao.
(10) Động-cổ = động cũ.
(11) Đài-lan = cảnh chùa.
(12) Gương thủy-nguyệt = trăng dưới nước.
(13) Lá phâm-phong = buồm treo gió.

Trên non san-sát lâu đài,
Theo chiều chiều núi đặt bày khéo sao.
Mấy từng mây phủ cao cao,
Xa trông phong cảnh khác nào cung tiên.
Dưới đình đá thiên-nhiên khéo đúc,
Bức cẩm-bình vây bọc tứ vi.
Độc thư dấu cũ Giên-chi,
Chữ đề nét đá tri-tri vẫn còn.

Tron-von mọc một ngọn phù dung (1),
Trượng quá trăm năm đỉnh biếc không,
Tinh đẩu (2) trời sa chừng tấc thước,
Trần-hiên (3) giống cách phỏng nghìn trùng.
Phục-ba gió tại bên lưng thổi,
Gia-cát mây đài dưới gót rung.
San-sát cương-nham vây bốn mặt,
Cột trời thêm vững chốn nam-phong (4).

8. Đền Gia-Cát

Trong tỉnh thành tây nam một góc,
Đình đầu non có nóc tầng đài.
Thênh thang bốn mặt vân khai,
Gần xa khắp hết viết đài tiêu lâu.
Tương - truyền lúc Hán triều khi trước,
Ông Khổng-minh phá giặc Hoa-miêu
Dựng lên một nóc đài cao.
Để xem bộ-trận lúc nào diễn binh.
Hiện nay đài vẫn chênh-vênh,
Dấu xưa vết đá rành-rành còn ghi.
Lên đài đứng tưởng khi thi-thiết,
Mấy nghìn năm vẫn tiếc kỳ-tài.

Cao-cao một nóc mé thành tây,
Đài cũ uy-nam dấu vẫn rày.
Quải-nguyệt rèm cao che lấp khói.
Chiêu-phong cửa rộng khóa lần mây.
Ba quân kiếm kích bày hàng núi,
Muôn đội tinh kỳ phất ngọn cây.
Thế cục trong ngoài khôn khéo đặt,
Đường-đường chính-chính dễ ai hay.

(Còn nữa)

Lương-ngọc Vũ-Bích *dịch*

(1) Phù-dung = tên riêng của núi Độc-tú.
(2) Tinh-đẩu = sao Bắc-đẩu trên trời.
(3) Trần hiên = bụi cát mù lầm đất.
(4) Nam-phong = cõi nam thành Quế-lâm.

TẠP-TRỞ

(Tóm-tắt những tin-tức cùng lời bàn hay trong các báo-chí Tây)

Sống, chết. — Ông Jagadish Bose là một nhà khoa-học trước-danh ở Ấn-độ. Đầu năm nay ông có sang chơi Paris, nhân dịp có làm một bài diễn-thuyết bằng tiếng Anh ở nhà học-viện Guimet, họp cả các nhà khoa-học triết-học có tiếng ở Paris. Bài diễn-thuyết ấy có ảnh-hưởng trong học-giới to lắm.

Theo ông Bose thời cách sinh-hoạt của động-vật với thực-vật cũng giống nhau. Ông nghiên-cứu đã hai-mươi năm nay, nghiệm ra phàm thực-vật cũng như động-vật, hễ có vật ngoài kích-thích, tất có ở trong phản-động, cách phản-động hai giống cũng như nhau. Phản-động (*réaction physiologique*) như thế tức là sự sinh-hoạt đó. Phản-động là thần-kinh phát-động (*impulsion nerveuse*), giống cây giống vật đều có cả. lúc mạnh lúc yếu. có lúc thời đờ hẳn ra, chính là những lúc mê ngủ, lại đến khi tắt nghỉ cũng thấy rùng mình một cái, ta thường gọi là « giẫy chết » (*spasme de la mort*), giống cây giống vật đều

nghiệm thấy thế cả. Giống cây sống cũng có « mạch - động » (*pulsation*) giống vật thời gọi là « tim đập » (*battement du cœur*). Lại khi tiêm những chất độc hay chất mạnh gì vào da thịt cây hay con vật nào, đều thấy có phản-động (*réaction*) giống nhau cả.

Ông Bose nói rằng : « Những sự phản-động rất nhỏ-nhặt mà chúng tôi cũng kinh-nghiệm được như thế, là nhờ có phát-minh được mấy thứ máy-móc mới, khiến cho những sự xưa nay không thể mắt thấy tai nghe được, bây giờ cũng nghiệm được hết. Như xưa kia chế được cái kính hiển-vi (*microscope*), những vật rất nhỏ đã trông thấy được, nhưng sức kính hiển-vi còn có hạn. Nay chúng tôi chế cái « sinh-trưởng-biểu » có sức đá nam - châm (*crescographe magnétique*) để đo cây mỗi giây đồng-hồ lớn được bao nhiêu, sức mạnh 5 vạn lần hơn cái kính hiển - vi rất mạnh. Nếu cực - lực phóng-đại ra, có thể tới từ 1 triệu đến 100 triệu lần to hơn. Người ta thường nói « chậm như con sên », nay cứ lấy cái số phóng-đại của máy « sinh-trưởng-biểu » mà nhân cho cái tốc-độ của con sên thời trong 24 giờ đi quanh trái đất được 200 lần ! Máy nhậy cho đến nỗi cứ xét cái giây tóc ở máy biết rằng gần đấy có người đứng hay không, và người nằm ngủ yên hay là người đương làm việc..... »

Ông Bose lại nghiệm công-hiệu của các thứ thuốc vào thân-thể cây và vật cũng giống nhau như hệt. Các thầy-thuốc thường nghiệm cùng một vị thuốc mà trị cho hai người, công-hiệu có khác nhau hẳn, vì thân-thể mỗi người mạnh yếu có khác, nên phản-động với cái sức thuốc cũng khác. Cây cũng vậy. Ông Bose thử lấy một mớ hạt-giống, thật là giống nhau như hệt, ông chia làm đôi ; một phần thời ông làm cho tăng sức mạnh lên, một phần thời làm giảm sức mạnh đi, rồi lấy một liều thuốc độc pha với nước tưới vào hai phần, nghiệm ra thời cái phần hạt giống yếu không chịu được thuốc độc bị chết, mà phần hạt giống mạnh thời không những không vì thuốc độc kém mạnh đi, lại nhờ thuốc độc thêm mạnh lên.

Cũng có khi một cây vẫn đã chịu được sự kích-thích ở ngoài, nhưng chợt có cái kích-thích mạnh hơn thời sức phản-động bị ngừng hẳn. Thế là cây chết. Nhưng dẫu chết rồi mà bề ngoài chưa có thay đổi ngay. Những cái giáng lả xuống, héo đi, là sau khi chết lâu rồi mới thấy. Người ta lúc tắt nghỉ rùng mình một cái, cây lúc chết cũng có rung-động một cái, nhưng có «sinh-trưởng-biểu» mới nghiệm thấy được. Tự lúc rung-động ấy về sau thời tuy bề ngoài coi vẫn xanh-tươi mà ở trong thật không còn sinh-hoạt gì nữa.

Ông Bose lại nghiệm thuốc-độc cho liều mạnh thời làm chết, mà cho liều vừa thời có thể làm cho tăng thêm cái sức sinh-trưởng. chỉ khó là định được rõ cái liều đến thế nào là hại, nhưng nhờ có « sinh-trưởng-biểu » có thể thực-nghiệm được. Đã từng nghiệm dùng một thứ thuốc độc rất mạnh, nhưng chỉ tiêm một tí-ti vào cái cây thời thấy cây mọc lên tốt lắm, sinh hoa kết quả rất mau, mà cây ấy về sau không có giống sâu bọ gì ở được. Sự thí-nghiệm như trên này có thể giúp cho nghề canh-nông nhiều lắm.

Ông Bose đã hai-mươi năm nay mở ra một nhà học-viện lớn ở thành Calcutta (thủ-đô Ấn-độ) ; bấy lâu nay thí-nghiệm nghiên-cứu là ở đấy cả. Ông nói sắp xuất-bản một pho sách để ký-tải những sự phát-minh của ông. Sách ấy các nhà bác-học trong thế-giới đương mong-đợi để hoan-nghênh.

Ông Bose là người Ấn-độ, vậy cũng là người Á-châu như người mình. Trong bài luận của quan Thượng Thân Trọng-Huề đăng trong *Nam-phong* ký trước có ước-ao rằng bao giờ nước mình cũng có người học khá có thể vào các hội học các nước văn-minh, sánh vai được với người các nước, thời dân mình mới thật là đã tiến-bộ. Hiện nay Á-châu ta về khoa học mới có ông Y-sĩ Nhật bản Kitazato (Hạ-tá bác-sĩ) phát-minh được con trùng bệnh hạch, lại có ông Bác-sĩ Ấn-độ Bose chế-tạo được máy sinh-trưởng-biểu. Đời nào cho nước mình cũng có một ông Bose, một ông Kitazato? Còn xa-xôi lắm!

Một thứ thuốc tiêm chữa lao. — Hai ông Y-sĩ Jorge Howard và Santiago Bêno trình cho Hội Y-học Bác-sĩ (*Académie de Médecine*) thành Paris biết hai ông mới chế được một thứ thuốc tiêm chữa bệnh lao, thí-nghiệm đã có công-hiệu.

Thuộc về phép trị bệnh lao (*phtisiothérapie*), lâu nay đã nhiều người nghĩ ra nhiều thứ thuốc lắm, mà chưa thấy thứ nào là thật trúng, cho nên thiên-hạ đối với các thuốc lao vẫn có bụng hoài-nghi. Nay hai ông y-sĩ này quyết rằng đã thử tiêm cho hai-trăm người đau lao và cứu được nhiều lắm; nhất là con trẻ mắc bệnh « lao màng óc » (*méningite tuberculeuse*), tiêm thuốc vào đường xương sống (*voie intra-rachidienne*) thời kiến-hiệu lắm.

Ta cũng nên biết vậy và mong rằng hai ông sẽ nghiên-cứu kỹ hơn nữa và chế được một thứ thuốc thật hay để trị nổi cái bệnh rất ghê gớm là bệnh lao, thời có công với nhân-loại lắm.

Mạo tên ký về tranh vẽ. — Gần đây ở bên Tây có một chuyện mạo tên ký về tranh vẽ cũng lạ. Nguyên hồi năm 1905 có một người vẽ mĩ-thuật vẽ chơi một bức tranh nhỏ: cảnh hoa cẩm lọ với mấy quả hạnh-đào. Cách ba năm sau, năm 1908, có người khách buôn thấy bức tranh đó ưng-ý bàn với người chủ đổi cái máy ảnh lấy bức tranh. Đổi rồi bán cho người khác 80 quan. Cách ba năm nữa, bức tranh thấy ở nước Anh, đánh giá là 3000 quan. Tự Anh lại thấy đem về Pháp, bán cho một người lái buôn 30.000 quan, người này bán cho người khách khác, người khách ấy lại bán cho một người khách nữa đúng giá 90.000 quan. Người sau ấy lại không muốn giữ, giao cho một nhà buôn nọ bảo định giá bán là 150.000 quan. — Đến năm 1920, người chủ vẽ tinh-cờ trông thấy bức tranh của mình vẽ 15 năm trước, hỏi giá mới biết đã tăng lên lạ-lùng như thế, xem đến tên thời ra ký tên Whistler là một nhà hội-hóa trước-danh ở nước Anh; người chủ vẽ làm giấy thưa tòa, hiện bức tranh bị tịch-ký để xét.

Nhân đó dư-luận trong mĩ thuật-giới nhao-nhao lên. Nhiều người tức về người đời không sành, đối với một bức tranh không biết xấu đẹp thế nào, cứ bằng ở tên ký, thành ra bị những quân vô-liêm-sỉ nó đánh lừa. Xét tranh vẽ, xét chân-châu ngọc-thạch, cũng như ở nước ta xem sâm xem quế, hay là xét .. văn-chương quốc-ngữ bây giờ, thật là vô-bằng-cứ!

Nghề văn-học-phê-bình ở nước Anh. — Văn-học-phê-bình (*critique littéraire*) là bình-phẩm phê-phán các sách về văn-chương. Ông Thomas Moult trong báo « Anh-cát-lợi-tạp-chí » (*The English Review*) có một bài luận xét về nghề phê-bình ở nước Anh, nói rằng nghề này có lẽ đã suy mất rồi. Ông giải rõ những lẽ bởi sao mà đến suy. Ông nói rằng ngày xưa chỉ có các tạp chí mới có những bài phê-bình, là chủ-ý giúp cho người đọc sách biết chọn sách mà đọc trong cái rừng những sách mới xuất-bản mỗi ngày.

Hồi bấy giờ một lời khen lời chê là có quan-hệ lắm. Cỗ khi khen một câu làm cho một quyển sách bán trong tuần lễ chạy hết. Ngay giảm sáu năm trước khi chiến-tranh, nghề phê-bình cũng còn có giá-trị. Ông kể có một hiệu sách mới mở cửa hàng ở một nơi tỉnh-lỵ nước Anh; mấy bữa trước tờ báo ở tỉnh có giới-thiệu một quyển sách mới, hiệu sách buôn hơn trăm quyển, mới khai-trương đã bán hết sạch. Lại như ông ARNOLD BENNET giữ mục bình-phẩm sách mới trong báo *The New Age*, một lời khen chê rất có quan-hệ cho sự tiêu-thụ sách lắm.

Song đó là chuyện cũ. Hiện nay không những các tạp-chí, đến các nhật-báo cũng bình-phẩm sách, mà bình-phẩm toàn-thị là khen hết, song khen quá không có giá-trị gì nữa, vì nghiệm ra không có ảnh-hưởng gì đến sự tiêu-thụ như trước nữa. Người làm sách, người in sách, hết sức khẩn-khoản cho sách được khen, mà người đọc báo thì không tin những lời khen ấy nữa.

Xét ra, nghề phê-bình đến nỗi suy, thiên-hạ không trọng nữa, là hiện nay ở nước Anh không có một tay văn sĩ nào có giá-trị chuyên mục phê-bình ở các báo, và người đọc báo ngờ lời phê-bình là có bụng tây-riêng hay vì quyền-lợi.

Thiên-hạ đã có bụng ngờ như thế thời phàm những bài phê-bình có ý ngờ hết, không phân-biệt là bài nào phê-phán phải-chăng, bình-luận đích-đáng, bài nào là khen hão khen nuyền, tán-tụng vô-vị.

Hội Vạn-quốc. — Nhà chính-trị có tiếng ở nước Anh LORD ROBERT CECIL, là đại-biểu của Chính-phủ Anh ở hội Vạn-quốc, có một bài luận về hội ấy đăng trong « Tạp-chí thành Genève » (*Revue de Genève*), đại-ý như sau này.

Nhiều người bài-bác hội Vạn-quốc (*Société des Nations*) vì thiên-hạ kỳ-vọng về hội ấy nhiều mà hiện nay chưa thấy kết-quả được mấy. Nhưng phải biết rằng phàm sự cải-cách lớn, hay là những công-nghiệp to người khởi-xướng ra thường lúc sinh-thời không được kịp trông thấy sự kết-quả. Tự mười thế-kỷ nay, biết bao nhiêu là những nhà chính-trị, nhà tư-tưởng, nhà bác-ái, xướng lên rằng sự chiến-tranh là hại, và phàm các quốc-gia có điều gì trái nhau về việc lợi-quyền, việc quốc-thể, muốn lấy chiến-tranh mà giải-quyết không đời nào giải-quyết được xong. Nhờ có những người ấy đề-xướng lên, dần-dần công-chúng cũng khuynh-hướng về đường ấy mà thành ra một cái tư-trào mạnh. Kịp đến đời nay cái tư-tưởng ấy mới hiện ra thực-tế, mà thành ra Hội Vạn-quốc này. Thế là cái nền đã có, nay mỗi ngày một xây dựng thêm lên, một buổi đã thành sao được. Hoặc nghiệm ra có sai-lầm khiếm-khuyết điều gì thời nên chữa sửa lại, chớ không nên nhất-thiết bài-bác hết.

Cốt là cái chủ-nghĩa hay, có thể thực-hành được, không phải là sự huyền-tưởng, thế là đủ, còn từ ngày hòa-ước ký đến giờ, thiên-hạ chưa được thái-bình, thời không thể lấy lẽ ấy mà bảo rằng hội Vạn-quốc mới lập đây cũng đến hư-hỏng như các hội đã lập từ trước đến giờ. Thiên-hạ rối-loạn lắm mới thành ra cuộc chiến-tranh mới rồi, chiến-tranh xong, không có cái thế-lực gì làm cho thái-bình yên-ổn ngay được.

Nay chỉ ước nguyện cho các dân-tộc hiểu cái lẽ rằng phàm nước nào gây ra sự ác tất sớm trưa sẽ phải chịu ác, ác giả ác báo, cũng như người ta vậy, và không có khi nào một nước phải chịu lây vào cái ác của nước khác, hễ hiểu được lẽ ấy thời Hội Vạn-quốc mới thực-hành được cái chủ-nghĩa hẳy lần này.

Tương-lai của Công-nghệ Nhật-bản. — Trong « Nguyệt-nguyệt tạp chí »

(*La Revue du Mois*) có một bài của ông GEORGES BOURGIN nói về tương-lai của công-nghệ Nhật-bản, tóm đại ý như sau.

Bây giờ giữa là lúc Anh mới tục-kết đồng-minh với Nhật; Mĩ đương lo Nhật chế thêm tàu trận; Hòa-lan đương lo các thảy thám mỏ Nhật đi kiếm mỏ dầu hỏa ở các nơi; các nhà máy sợi ở Ấn-độ cũng đương mưu tranh nghề chế sợi bán sợi với Nhật; tưởng nên xét cái tình-hình kinh tế của Nhật-bản hiện nay và về sau thế nào.

Trong khi chiến-tranh, nước Nhật được nhờ cái thế lực Đức ở Á-đông bị lụn-bại mà kế chân nước Đức, được hưởng lợi nhiều lắm. Lại được nhờ cái tình-thế riêng có tham-dự cuộc chiến-tranh mà không bị thiệt-hại gì thành ra hại chiến-tranh ít-chịu mà lợi chiến-tranh được hưởng. Bởi thế mà nước Nhật trước khi chiến-tranh là một nước có nợ, sau chiến-tranh thành một nước chủ nợ. Nhưng mà Nhật thiếu những « nguyên-liệu » (*matières premières*), nghĩa là những vật-chất cần-dùng để chế ra các đồ hàng. Song thợ Nhật-bản chăm làm lắm, nếu làm cho cực-lực thời về phần nhân-công chắc nước Nhật được hơn các nước. Ngày nay tiền công thợ cũng phải theo giá ăn uống mà tăng lên; người ta đã tính ra giá ăn uống năm 1919 hơn năm 1917 là 256, 1 phần trăm, nghĩa là gấp hơn hai lần rưỡi.

Nhờ sự vận-tống tiện-lợi, cách sinh-hoạt có lẽ sau này sẽ đổi đi. Hiện tổng-số đường xe hỏa trong nước là 9.503 cây-lô mét, định mở thêm ra nữa cho đủ dùng thời phí ước tới 40 triệu *livres sterling* (tiền nước Anh giá chừng 50 *francs* Pháp); lại định cho mấy đường chạy bằng điện-khí, vì than hiện không đủ dùng và giá đắt lắm, trước chiến-tranh giá có 9 *shellings* 11 một tấn (*tonne*), nay tăng đến 33 *shellings* (tiền nước Anh giá chừng hơn 2 *francs* Pháp). Nhật-bản là một đảo-quốc, tàu chạy quanh bờ biển cũng phải nhiều lắm mới đủ vận-tải; hiện bây giờ có cả thảy 80 vạn 6 nghìn tấn; nhưng mà giá vận-tải cũng tăng lên nhiều lắm. Còn đường-lộ đại-để cũng xấu lắm; hiện có 6 ngàn cái xe ô-tô vận-tải (*camions*) chạy các đường.

Những nghề sau này xem ra có cơ phát-đạt to thời có nghề chế thuốc nhuộm và chế các chất hóa-học.

Còn nghề hải-quân-chế-tạo thời hiện nay đương chế những thiết hạm (*cuirassés*) và tuần-dương hạm (*croiseurs*) theo kiểu tối-tân để phòng-bị với Mĩ. Tuy ngay sau khi chiến-tranh có mấy xưởng chế-tạo thủy-quân bị khuynh-đảo, nhưng mà hiện nay các nhà chế-tạo Nhật-bản đương hết sức tìm cách cho khỏi phải mua vật-liệu ở ngoài.

TRÚC-ĐÌNH

DỊCH NGHĨA BÀI CA « KHUYẾN HIẾU »

孝爲百行首
Thế-gian nết hiếu là đầu,
蒔書不勝録
Ai mà có hiếu mới hầu thành thân.
富貴與貧賤
Giàu sang cho đến tiện bần,
俱可追芳躅
Đều nên hiếu với song-thân mới là.
若不盡孝道
Nếu mà khinh để mẹ cha,
何以分人畜
Áo-xiêm thì cũng thành ra thú cầm.

我今述哩言
Bài này là một phương-trâm,
爲汝效忠告
Làm người nên phải lưu tâm sau này.
百骸未成人
Từ khi chưa biết ban ngày,
十月懷母腹
Cưu mang mười tháng mẹ rầy mệt thay.
渴飲母之血
Đói thì ăn thịt mẹ ngay,
饑食母之肉
Khát thì uống máu ai rầy đỡ cho.
兒身將欲生
Tới khi tháng đủ ngày no,
母身如在獄
Thân mẹ như kẻ tù đồ nên thương.
惟恐生產辰
Đến khi sinh nở lại càng,
身爲鬼客屬
Khác gì như kẻ chia vàng giữa sông.
一旦見兒面
Một mai sinh được con bồng,
母命喜再贖
Thân mẹ như mới chuộc cùng Diêm-[Vương.
此言胎產難
Đấy là công đẻ đã tường,
未難於養育
Công nuôi lại gấp trăm đường công sinh.
一種誠求心
Đinh-ninh một dạ chí-thành,
日夜勤撫鞠
Đêm ngày bú mớm công-trình xiết bao.
母臥濕簟席
Chỗ ướt thì mẹ nằm vào,
兒眠乾裀褥
Phần con chỗ ráo khi nào dám quên.
兒睡正安穩
Ru con con ngủ đã yên,
母不敢伸縮
Nhịn hơi nín tiếng mẹ liền mắn thinh.
兒穢不嫌臭
Tanh hôi chẳng lấy làm kinh,
兒病甘身觀
Những khi đau yếu lấy mình chuộc con.

橫簪與倒冠
Chỉ mong con được vuông tròn,
不暇思沐浴
Trâm cài, lược giắt, lại còn cần chi.
兒若能步履
Khi con biết chững biết đi,
舉步慮顛仆
Lại e vấp ngã chẳng khi nào rời.
兒若能飲食
Khi con đã biết ăn chơi,
省口恣所欲
Bớt mồm, bớt miệng, tài-bồi cho con.
乳哺經三年
Ba năm ẵm bế không chồn,
汗血耗千斛
Thân mẹ khí-huyết hao-mòn quản bao.
劬勞辛苦盡
Sớm khuya chín chữ cù lao,
兒至十五六
Mong con khôn lớn khi nào dám khuây.
生養幾疲勞
Công nuôi công đẻ đã đầy,
行止難拘束
Còn công dạy dỗ, cha rầy khó thay.
衣食父經營
Áo cơm cha phải tìm ngay,
禮義父教育
Khuyên răn lễ nghĩa, cha nay ai tầy.
專家子成人
Trồng cây hái quả có ngày,
延師課誦讀
Học hành cha phải tìm thầy dạy cho.
慧敏恐孜孜
Còn như con trí con ngu,
愚怠憂碌碌
Trí thì lo nhọc, ngu thì lo ngây.
有過急爲掩
Điều xấu thì muốn che ngay,
有善先表暴
Còn những điều tốt muốn rầy phô ra.
兒出未歸來
Con đi khi chưa về nhà.
倚門聽以望
Mẹ cha dựa cửa mong chờ buồn tênh.

兒行十里程
Con đi mười dặm hành-trình,
親心千里遥
Mẹ cha tưởng tượng như hình xa-xôi.
兒長欲成婚
Khi con khôn lớn nên người,
爲訪閨中淑
Tìm nơi xứng-đáng kết đôi Châu Trần.
媒妁費金錢
Những là tốn phí kim ngân,
釵釧捐布粟
Nữ-trang đủ thức thoa quần biết bao.
一日媳入門
Đến khi đón được dâu vào,
孝思遂衰薄
Lòng con hiếu thảo được nào như xưa.
父母面如土
Mẹ cha coi giống bụi tro,
妻子顏如玉
Vợ con yêu giấu như hoa trên cành.
親責反睜眸
Cha mắng thì cãi cho nhanh,
妻言不爲辱
Đến khi vợ mắng làm thinh cho rồi.
母披藍衣衫
Mẹ thì rách rưới lôi-thôi,
妻著新羅縠
Vợ thì là lượt hẳn hoi nhiều bề.
父母或鰥寡
Nhỡ khi quan quả bất tề,
爲兒守孤獨
Vì con thủ tiết không hề lấy ai.
父慮後母虐
Sợ người dì ghẻ đắng cay,
鸞膠不敢續
Phiếm loan đành chịu rứt dây xướng tùy.
母慮孤兒苦
Mẹ thì thương kẻ cô nhi,
嫠幃忍寂寞
Một mình một bóng cần gì đổi thay.
身受不知恩
Biết bao cơm nặng áo dầy,
有恩報不遠
Công như trời đất nỡ nào quên đi.

健不親哽噎
Áo cơm đã chẳng cần chi,
病不親湯粥
Những cơn đau yếu chẳng hề thuốc thang.
衣服或單寒
Quần nâu áo vá cũ càng,
衾裯失溫燠
Đệm chăn rách nát không thương chút [nào.
風燭忽垂危
Ngọn đèn trước gió ghê sao,
兄弟分財穀
Anh em tranh cạnh phần nào xót xa.
不思創業難
Vun trồng không nghĩ công cha,
惟道遺資薄
Nói năng chỉ oán truyền-gia bần hàn.
忘却本與原
Nỡ nào quên cả gốc nguồn,
不念風與木
Cây kia muốn lặng gió còn lung lay.
蒸嘗亦虛文
Tế ruồi tưởng thế là hay,
宅兆何辰卜
Chẳng qua trái-khẩu sao tầy chân-tâm.
人不孝其親
Cha con không nghĩ tình thâm,
不如禽與畜
Người kia sao được như cầm thú này.
慈烏尚反哺
Quạ khôn mớm trả mẹ ngay,
羔羊猶跪足
Dê con quì bú giống này nên thương.
人不孝其親
Người kia không biết bẽ bàng,
不如草與木
Không bằng cây cỏ lại càng đáng khinh.
孝竹體寒暑
Trúc kia còn biết giữ mình,
慈枝護本末
Cành che mưa nắng thương tình gốc cây.
勸爾爲人子
Khuyên ai tử-đạo nhường này,

孝經須勤讀
Hiếu-kinh sách ấy có thầy ta đây.
孟宗泣竹邊
Mạnh-Tôn ngồi khóc gốc cây,
笑再生幾簇
Mùa đông mà mọc lên đầy những măng.
王祥臥寒冰
Vương-Tường nằm chốn hàn-băng,
鯉魚自躍踊
Lý-ngư đâu bỗng nhảy đăng trước kia.
蔡順拾桑葚
Thuận-Tôn nhặt quả dâu về,
賊爲奉母粟
Giặc thương lại lấy thóc chia mẹ liền.
郭巨賣生兒
Quách-Cự biết thương mẹ hiền,
供親爲大欲
Bán con truyện cũ còn truyền về sau.
丁蘭誠求心
Đinh-Lan qui lạy khẩn cầu,
血流像手足
Tự-nhiên tượng chẩy máu đầu ngón tay.
如何今世人
Dám khuyên nhân-tử đời này,
不效古風俗
Sao không biết học những thầy hiếu-kinh.
何不思此身
Sao không biết nghĩ thân mình,
形體誰養育
Nào ai nuôi dạy tác-thành cho ta.
何不思此身
Nghĩ mình từ thuở mình ra,
德性誰式穀
Ấy ai rèn đúc cho ta nên người.
父母卽天地
Công lao như bể như trời,
罔極難報復
Trời cao bể rộng đền bồi bao xong.
觀恩說不盡
Bút nào tả được cho cùng,
略舉粗與俗
Kể qua một chút để lòng nhớ ghi.
聞歌惕然悟
Nghe ca tỉnh-ngộ tức thì,
省得悲我夢
Đọc thơ Nga trước thương bi đến giờ.
勿以不孝首
Đầu người bất hiếu càng dơ,
枉戴人間屋
Vào nhà, nhà cũng thờ-ơ bẽ bàng.
勿以不孝身
Thân người bất-hiếu ai thương,
枉著人間服
Mặc áo, áo cũng chán-chường lắm thay.
勿以不孝口
Miệng người bất-hiếu ghê thay,
枉食人間穀
Ăn cơm, cơm cũng tức đầy muốn ra.
天地雖廣大
Dù rằng trời đất bao la,
難容忤逆族
Lẽ đâu dong kẻ phá gia từ rầy.
及早悔前非
Khuyên ai lỗi phải chừa ngay,
莫待天誅戮
Họa ra mới tránh khỏi ngày thiên chu.

NGÔ HUY-LINH
Ký-lục tòa án Hải-phòng

VIẾNG CỤ NGUYỄN BÁ-HỌC

Bản-chí lại mới tiếp được mấy bài viếng Cụ NGUYỄN BÁ-HỌC, *xin đăng như sau này*

N. P.

I

Khi được tin buồn rằng cụ Trước-Khanh Nguyễn Bá-Học đã tạ-thế thì bỉ-nhân lấy làm ngậm ngùi trong dạ mà thương tiếc cụ vô-cùng. Than ôi ! một nhà đạo-đức mô-phạm như cụ mà bất-hạnh đã li-biệt cõi trần thì trách nào

chẳng khiến cho báo-giới và văn-học-giới nước ta phải sinh lòng cảm-hoài tưởng nhớ cụ. Cái sự-nghiệp lúc sinh-thời của cụ thế nào thì đã có các báo-trương kể rồi, bỉ-nhân bất-tất phải nhắc lại làm gì. Bỉ-nhân viết bài này mục-đích là trước phân-ưu cùng qui-quyến, sau cùng các ngài ở *Nam-Phong tạp-chí*. Bỉ-nhân nguyên là ở láng-giềng với cụ và lại được cái hân-hạnh quen biết cụ đã lâu. Bỉ-nhân vẫn kính-phục cụ là một bậc tài-học yêm-bác, phẩm-hạnh thanh-cao. Cụ nhất-sinh chỉ trọng cái đạo Trung-dung của thánh hiền, thường thường chỉ lấy cái đức thành để khuyên răn học-trò. Bỉ-nhân đi học xa hễ được kỳ nghỉ hè về chơi nhà là thế nào cũng sang chơi thăm cụ; mỗi bận được ngồi thừa-tiếp chuyện cụ thì thấy tinh-thần khoan-khoái thảnh-thơi vô-cùng. Những lời đàm-luận của cụ thật là chính-đáng phân-minh, nghiêm-trang trân-trọng, hoặc bàn về triết-học phương Tây, hoặc bàn về luân-lý phương Đông, hoặc bàn về các việc lớn lao trong thế-giới, ý-kiến tư-tưởng của cụ cùng của bỉ-nhân dù không hẹn trước mà đúng nhau như hệt vậy.

Mỗi khi bàn đến cái tình-trạng của xã-hội nước Nam ta thì cụ thở dài mà than rằng: «Ôi! luân-thường điên-đảo, đạo-đức suy-vi, ngọn sóng đồi-phong kia đã chấn-áp mất cả nhân-tâm, chủ-nghĩa bài-kim nọ rất là thịnh-hành. Hễ ai động làm một cái công cuộc gì thì chỉ khư-khư mưu sự tư-lợi lấy một mình mà chẳng tưởng chi đến điều công-ích lòng vị-nghĩa cả. Người đời nay đối với bốn chữ *Lễ, Nghĩa, Liêm, Xỉ*, không còn có chút cảm-tình gì. Thế cho nên sống vào thời buổi này mà thực-hành được cái đạo-đức của thánh-hiền nghĩ cũng khó lắm thay!»

Những lời khí-khái cao-thượng ấy, bỉ-nhân hình như hãy còn nghe thấy văng-vẳng bên tai. Ngán thay! cái hiện-tượng của nước ta đồi-bại là như vậy, phàm những bậc thức-giả như Nguyễn tiên-sinh trông thấy ai là chẳng phải chau mày mà than-thở cho cái thời-suy thế-nhược. Ngày nay vị-tất đã có được mấy người còn chút lương-tâm mà thống-thiết xót-xa cái nền luân-thường đạo-lý của thánh-hiền, cái qui-củ phép-tắc của tiền-nhân đã bị chìm đắm trong bể dục bát-ngát mông-mênh! Đương lúc đạo-đức văn-hóa gặp cơn ba-đào dữ-dội lay chuyển, may thay cho xã-hội lại có được những người như Nguyễn tiên-sinh để cứu vớt lại một đôi phần cho khỏi phụ mất cái lòng hay cùng cái tri sáng của cổ-nhân.

Thế mới rõ rằng cái đạo Trung-dung của thánh-hiền vẫn là cái đạo mà những kẻ thế-nhân nông-nổi hẹp-hòi khó mà noi theo được. Đức Khổng tử có nói: « Quân-tử trung dung, tiểu nhân phản trung dung » Ông Đồng Trọng-Thư cũng có nói: « Quân-tử chính kỳ nghĩ bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kế kỳ công ». Cứ xem như thế thì đủ biết rằng Nguyễn tiên-sinh thật là một người quân-tử: ngôn ngữ giản-dị, cử-chỉ khoan-hòa, tư-cách thanh-tao, tính-tình thuần-nhã, nhất nhất đều hợp cái lẽ Trung dung của các tiên-nho vậy.

Bỉ-nhân nhớ có một lần cụ ôn-tồn mà khuyên bỉ-nhân rằng: « Con người ta học để làm gì? học để biết vậy. Biết để sửa mình, để trau-dồi nhân-cách cho hoàn-toàn, trước là hiển-đạt thân mình, sau là ích-quốc lợi-dân. Nếu chỉ coi sự học là một cái thang để bước lên con đường phú-quí vinh-hoa mà thôi, thế thì mục-đích sự học-thuật rất là thấp hẹp. Người ta bao giờ cũng phải học, học đến lúc chết mới thôi. Nhưng học thì phải hành mới được, có phần học-vấn mà lại thiếu phần thực-tiễn thì cũng vô-ích. Người ta học cần phải chuộng đạo-đức chân-lý, chứ đừng nên chuộng văn-chương phù-hoa bay bướm ở bề ngoài ». Thật là

một câu trâm-ngôn đích đáng cho bỉ-nhân ; bỉ-nhân rất lấy làm vẻ vang mà xin ghi lòng tạc dạ những lời châu ngọc ấy không bao giờ dám quên vậy. Theo như cao-ý của cụ thì mục-đích sự học siêu-việt biết là nhường nào ! Học là để lập-chí chính-tâm, tu-thân xử-thế, khám-phá mê-thành, kinh-bang tế-thế. Cái học của người hiền-nhân quân-tử là cái học thiết-thực hữu-dụng, phú-quốc cường-dân, phù-trì thế-đạo, chỉnh-đốn cương-thường, bay-bổng vẫy-vùng trong bể thánh rừng nho, cách xa biết bao nhiêu với cái học hư-văn phù-phiếm của kẻ bỉ-tiện tiểu-nhân, bôn-tẩu trì-trục trên con đường danh-lợi nhục-vinh. Cứ coi như cụ suốt đời chỉ mải-miệt siêng-năng về sự học, đôn-đốc tận-tụy với sự học, thật là một tấm gương lồng-lộng soi sáng cho bọn thiếu-niên hậu-tiến chúng ta vậy.

Cách đây hai tháng, cụ có phàn nàn với bỉ-nhân rằng : « Phải ít lâu nay tôi thấy trong người tôi mệt yếu lắm, nên tôi không làm bài đăng vào *Nam-Phong tạp-chí* được, ấy là một sự bất-đắc-dĩ cho tôi lắm ». Xem thế thì đủ hiểu rằng cụ là một người bình-sinh rất ưu-thời mẫn-thế, nhiệt-thành quốc-văn, ngày đêm lo lắng về cái tiền-đồ học-vấn của nước ta sao cho chóng được mở-mang tiến-hóa để theo kịp người. Những bài trước-tác hay dịch-thuật của cụ toàn là những bài có giá-trị và rất là bổ-ích cho xã-hội trong buổi giao-thời biến-cách này, mục-đích là để cảnh-tỉnh người đời, duy-trì đạo-đức, bảo-tồn quốc-túy. Than ôi ! cụ có chí lớn như thế, nhưng chỉ hiềm một nỗi rằng mất cụ chưa được trông thấy cái kết-quả viên-mãn hợp với tấm lòng sở-nguyện của cụ, mà cụ đã vội từ-giã cõi đời để đặt yên mình vào giấc ngủ ngàn thu. Nhưng đã có sinh thì tất-nhiên phải có tử ; người thác nhưng danh tiếng hãy còn, cái sự-nghiệp, cái văn-chương của cụ sẽ cùng với núi Gôi sông Vị lưu-truyền mãi mãi. Buồn thay ! từ nay trở đi bỉ-nhân có nhàn-hạ về chơi dưới Nam-thành thì chỉ thấy cỏ cây rầu-rĩ, nhà vắng sân rêu, nào có được gặp mặt một bậc lão-thành để nghe những lời đàm-luận cổ-kim, chỉ-giáo khuyến-lệ.

Nguyễn tiên-sinh ơi ! thủa tiên-sinh còn ở chốn dương-gian thì tiên-sinh vẫn nhiệt-thành quốc-văn, hâm-mộ sự học, nay tiên-sinh xuống dưới nơi tuyền-đài, nếu có linh thiêng ra nữa thì cũng nên phù-hộ cho quốc-văn mỗi ngày một hưng-thịnh, cho sự học trong nước càng lâu càng phát-đạt, khiến cho bọn hậu-sinh mai sau khỏi phải cái khổ học mướn viết nhờ, có tiếng không dụng, có xác không hồn : đó là một điều kẻ thư-sinh này trông đợi mong-mỏi lắm. Bỉ-nhân xin đem lòng chí-thành mà cầu cho vong-linh cụ được mát mẻ thảnh-thơi, siêu-thăng lên cõi Bồng-lai Cực-lạc.

Thanh-Lưu NGUYỄN-VĂN-LUẬN

II

Mưa gió không thường, sao dời vật đổi, bánh kiền-khôn xây hoài đến tối, người trần-ai xúi xúi biệp-tan !

Mới rồi chúng tôi được xem báo *Trung-Bắc* có đăng bài « Đám-tang cụ Nguyễn Bá-Học ở Nam-định », thời chúng tôi kinh thân bội-thường và sinh mối cảm-tình lai láng ! Tuy chúng tôi chưa được thừa-nhan cụ khi nào, nhưng bao nhiêu lời hùng-biện cao-đàm của cụ vẫn lừng-lẫy khắp một phương cầu này mà chúng tôi đã được lắm phen nghe thấy, mà lòng hâm mộ một bậc tiên-nho như chan như chứa ở lòng không bao giờ quên vậy.

Vả lại cụ là lệnh-nhạc Tiên-đầu tiên-sinh. Tiên-sinh cùng chúng tôi là văn-chương hữu-nghị, vân-thủy tri-giao. Vậy nên được tin buồn xin cũng có mấy lời chia sầu cùng Tiên-sinh và qui-quyến.

Mà không những chia sầu cùng Tiên-sinh mà thôi, mà lại cũng lấy làm ai-bi cho nền Hán-học sau này đã mất hết một người có mô-phạm để duy-trì bổ-cứu cho các nỗi khó khăn lắm vậy.

Ôi ! Hán-học suy-đồi, nhân-tâm biến-cải, tri-hóa mới chưa thành, mà đức-hóa cũ đã lần - hồi mòn - mỏi ; những nhà cựu-học lão - thành có nhiệt - thành với nhơn-tâm thế-đạo, mong ra tay kéo vớt lại, thời cũng không đặng mấy người, vì đời bây giờ không phải câu-thúc như trước, mà lại phải khai-thông dân-trí, cho nên phải tham bán cả Âu-học, Hán-học mà dựng nên một nền quốc-văn giáo-dục cho hiệp-thời hiệp-thế nó mới hoàn-toàn nhơn-cách cho, nếu thiên về một mặt nào, tất là chếch-mệch đó. Như cụ Nguyễn Bá-Học là gồm đủ các tư-cách ấy, mỗi khi cụ làm ra bài văn nào và bài tiểu-thuyết nào toàn có cái lý-tưởng mới cũ điều-hòa để dắt-dủ người và khuyên răn đời, cái công-nghiệp vĩ-đại thay ! thế mà trời sao không tựa người hiền, nữa để cho bể nghề cái lòng khuynh - hướng của công-chúng đương đối với cụ có nhiều sự trông mong, từ đây nền quốc-văn thiếu một cánh tay lớn, thật đáng tiếc thay.

Song le tử sinh hữu mịnh, ta cũng không nên phiền nàn hoài, vì như làm một cái nhà to lớn, ngót trăm năm mới xong, thế thời không phải một tay người kiến-tạo mà nên ; tất phải số nhiều người giúp sức kế theo ; kỳ cho đến ngày thành - công thời kẻ trước người sau đều làm một sự công-ích cho xã-hội cả. Vì thế mà khi lâm-chung cụ có di-chúc mấy lời rằng : « Bảo - Tồn Quốc - Túy », đó là cái chủ - nghĩa của cụ nhứt - sinh tâm-huyết toàn thuộc vào bốn chữ đó. Than ôi ! người tuy khuất chí vẫn còn, mong sao đồng-bào tô-bồi vào để chống thành cái cơ-sở ấy. Lời ủy-thác ấy chính Tiên-Đầu tiên-sinh là đã một người tằng thọ-tri với Cụ trong buổi sinh-tiền, thôi xin Tiên-sinh gắng lấy.

Sau này chúng tôi kính văn Cụ một cặp đối gọi là biểu chút mến tưởng không cùng :

Chấp niên lai, nhiệt-tâm giáo-dục
十年來。熱心教育。
Nam-quận di-thiên, hách hách huy âm
南郡遺篇。赫赫徽音
tiêu tạp-chí.
標雜誌。
Thiên lý ngoại, hàm-mộ quốc-văn,
千里外。歛慕國文。
Đông-kinh thạc-sĩ, ta ta liễu mộng
東京碩士。嗟嗟了夢
hốt tân-văn.
忽新聞。

ĐẠM-PHƯƠNG Nữ-sử
Nguyễn-khoa-Thanh-Nguyên,
Tôn-thất Vân-Bình, đồng-văn

III

Tôi ở xa được tin cụ Nguyễn Bá-Học là một tay trợ-bút có giá-trị của Qui-báo mới tạ-thế, lấy làm cảm-động lắm.

Những bài của cụ trước-thuật trong báo *Nam-phong* mấy năm nay xem ra đã ảnh-hưởng cho luân-lý xã-hội ta nhiều lắm.

Trong buổi quốc-dân đang trông mong vào cái nền đạo-đức văn-chương của Cụ đang gia-công xây-đắp, mà Nam-thành đã vội ám văn-tinh, thật là một ngày đau-đớn đáng kỷ-niệm cho bao giới nước ta vậy.

Tôi thành-tâm nghĩ một câu văn-liên sau này, trước là để tỏ chút cảm-tình của người đọc báo ở chỗ thâm-sơn cùng-cốc đối với một bậc lão-thành đạo-học mới qua đời ; sau nữa để giãi lòng phân-ưu cùng quĩ-xã :

Nền quốc-văn đương buổi phôi-thai,
gây dựng mong nhờ tay lão-thủ.
Chuông luân-lý im hồi cảnh-tỉnh,
tinh-thần còn lại báo Nam-phong.

NGUYỄN-KIỀM tự *Giản-Khanh*
(Cao-bằng)

IV

Năm Tân - Dậu mùa thu tháng bảy, Ái-Liên ở Đào-thôn, được tin Nguyễn Bá-Học tiên-sinh tạ-thế, vội-vàng xuống tỉnh, để tiễn Tiên - sinh một bước sau cùng, ai ngờ đến Năng - tĩnh, mình là người đi tiễn chưa đến, mà đã gặp người đi tiễn trở về, một bước trễ-tràng, trăm tình ngơ-ngẩn, trông theo nào thấy đâu nào, chỉ thấy mấy cây cổ-thụ, trước rẫy Trường - thi, một nấm tân - phần, gần nơi Văn-miếu ; bâng-khuâng thấy cảnh nhớ người, nghĩ duyên mà lại ngậm-ngùi cho duyên ! Mình đã không có duyên tri - ngộ với buổi đương-thời, lại không có duyên tri-ngộ với người thiên-cổ ; nhân tình sinh cảm, nhân cảm sinh sầu, bèn thuận con chèo quế, dạo cảnh thành-tiên, mượn thú non sông, làm thuốc tiêu-khiển.

Tình-cờ gặp một người tâm-hữu, là Thuấn-Nam-tử, đọc cho nghe một câu đối nôm rằng : « *Mấy lời di-chúc đinh-ninh, chết đến chưa quên hồn nước cũ; Một mối cảm-tình vương-vít, sống lâu còn nhớ chuyện ngày xưa.* » Tôi hỏi : « Câu này anh viếng ai, mà có cái cảm-tình như thế. » Bạn tôi nói : « Câu này tôi viếng cụ Giáo Học. » Tôi hỏi: « Anh biết Cụ từ bao giờ ? » Bạn tôi nói : « Tôi biết cụ từ khi tôi mua báo *Nam-Phong*, và ở miệng xã-hội, thực thì tôi chưa được thừa-nhan cụ bao giờ, vẫn ao - ước sẽ có một ngày được gặp trưởng - giả, thế mà vừa rồi đọc báo *Trung-Bắc* đã thấy bài văn ông PHẠM QUỲNH chủ-bút báo *Nam-Phong* viếng cụ rồi, đọc đi đọc lại hai ba lần, lấy làm cảm - tình lắm, gớm cho trẻ tạo tham-lam, vơ-vét chẳng để sót lại một ông già, cho nên mới có câu này, để viếng cụ ở trong cõi minh - minh, và tỏ cái lòng với anh em mình rằng : nếu ở đời mà có ích cho đời, thì đừng lo đời không biết mình, dẫu đến muôn kiếp về sau, cũng còn có người tri-kỷ».

Chao ôi ! một người biết cụ ở trong tờ báo, mà còn có cái cảm - tình lai-láng như thế, huống chi tôi chính là người biết cụ ở lúc bình - sinh, cái lương-tâm tôi nó thúc-giục mãi, không thể ngơ tình đi được, bởi thế mà có bài văn này.

Kể từ lúc bắt đầu tôi gặp cụ là năm 1902, khi ấy nhân lúc ngọn sóng bể học tràn khắp ba kỳ, một hôm đi qua Nam - định, mượn tình đồng - bào, tự giới - thiệu lấy vào yết - kiến tiên - sinh, tuy tiên - sinh chưa biết tôi bao giờ, mà cũng coi như người biết cũ vậy, cũng không lấy là người niên-thiếu mà đãi tôi, rồi lại lấy lời thành-thực mà bảo tôi rằng : Cái trách-nhiệm ngày nay ở bọn thiếu-niên, thiếu-niên hay thì nước hay, thiếu-niên hèn thì nước hèn, thiếu-niên già thì nước già, thiếu-niên trẻ thì nước trẻ, thiếu-niên thịnh thì nước thịnh, thiếu-niên suy thì nước suy, thiếu-niên giàu thì nước giàu, thiếu-niên nghèo thì nước nghèo, thiếu-niên vinh thì nước vinh, thiếu-niên nhục thì nước nhục, như mặt trời mới mọc, như vầng trăng mới tròn, như cánh

hồng thuận gió, như hoa hồng dương non, ấy cái vinh-hạnh tiền-đồ của bạn thiếu-niên đây ; — lần ấy là lần thứ nhất tôi được thấy tiên-sinh.

Đến năm 1909, tôi dạy học ở Bách-cốc, tiên-sinh có quá-bộ đến chơi, nhân hỏi đến việc giáo-dục, tiên-sinh nói : Việc giáo-dục ngày nay, nên giữ lấy ông Khổng ông Mạnh nhà mình làm gốc, dạy các con em nên dạy cả cách làm người, chớ không những dạy cách làm việc, rồi thì diễn-dụ đến hòn luân lý, lối văn-chương, trong từ gia-tộc, ngoài đến quốc-dân, rõ thực ngồi hầu chuyện một lúc, hơn đi học mười năm ; — lần ấy là lần thứ hai.

Đến năm 1919, tôi ở đồn-điền Phúc-yên về tham tiên-sinh, tiên-sinh hỏi việc làm ruộng có được phát-đạt không ? và phong-cảnh có vui không ? Tôi nói buồn lắm, ba bề rừng rậm, bốn mặt non xanh, sớm hôm tâm-sự, chỉ có rắm ba chú Mán, năm bảy thằng Mường mà thôi, ngoài ra chẳng còn có gì thú nữa. Tiên-sinh nói người ta nếu biết tìm cái thú, thì không có chỗ nào là buồn, cảng ở chỗ buồn, thì lại cảng là cái trường học thiên-tạo địa-thiết cho mình, nhà triết-học có nói rằng : Người ta không lấy cái khổ làm khổ, thì cái khổ nó cũng không làm khổ được mình : — lần ấy là lần thứ ba.

Rồi ra, bèo hợp mây tan, sông Thương tỉnh Bắc ; trăng chào hoa đón, bến Nhĩ hồ Tây ; không mấy khi được tiếp trưởng-giả, mãi đến hồi dầu tháng bảy vừa rồi, nghe tin tiên-sinh yếu, vào thăm, thì tiên-sinh nói : Tôi vẫn nhớ ông lắm, mà không biết có được thấy các ông lần nữa hay không?

Ấy cái cuộc trăm năm của tiên-sinh, tôi được thấy cả thảy bốn lần, mấy lần trước thì thấy ở nơi thư-viện học-đường, một lần này thì thấy ở nơi Trường-thi Văn-miếu. Than ôi ! điển-hình còn đó, triết-nhân đi đâu, sương cỏ mờ mờ, tìm đâu cho thấy, thôi dẫu không được thấy cái chân-thân của tiên-sinh ở nơi học-đường ở nơi thư-viện, mà được thấy cái chân-giả của tiên-sinh ở báo *Nam-phong*, ở báo *Trung-bắc*, thì tiên-sinh dẫu thác cũng như là còn. Còn như lịch-sử tiên-sinh, nào đức-hạnh văn-chương, nào lịch-duyệt tư-tưởng, nào công tác-thành nhân-tài, nào lời bảo-tồn quốc-túy, lúc sinh-tiền đã hết lòng vì nghĩa-vụ, khi lâm-chung đủ làm gương cho hậu-nhân, ở như tai mắt người đời, và ở như tạp-chí tân-văn, chúng tôi không cần phải nói nữa.

Than ôi ! bóng câu vi-vụt, kiếp phù-sinh thấm-thoát có là bao ! Đã chen chân vào cõi trần-ai, vòng sinh-tử đố ai tránh khỏi. Nay thử hỏi khắp trong hoàn-vũ, suốt mặt nhân-hoàn, có ai sống mãi mà không chết, và có ai chết đến hai lần không ? Chắc là không. Thế thì trong cái quãng năm sáu mươi năm, bảy tám mươi năm, chín mười mươi năm, làm thánh-hiền hào-kiệt, làm chí-sĩ nhân-nhân, làm hiếu-tử trung-thần, làm nghĩa-phu tiết-phụ, làm dại-gian cự-ác, làm loạn-thần tặc-tử, rồi sau cũng về kho vô-tận cả. Thế mà có người sống cũng như chết, có người chết mà vẫn sống, là làm sao ? Là chỉ vì có công với có tội với xã-hội mà thôi, có công với xã-hội, thì chẳng cần xã-hội trọng, chẳng cần xã-hội nhớ, xã-hội cũng nhớ ; có tội với xã-hội, thì dẫu muốn sám-hối, sám-hối cũng không được, van dư-luận, dư-luận cũng không dung.

Cứ xem như Cụ, nào có cao-khoa hiển-hoạn, bia đá bảng vàng gì đâu, cụ chỉ là một ông đồ già mà thôi, mà, đến lúc đưa đám cụ, nào chính-giới nào giáo-giới, nào thương-giới, hầu khắp cả các sắc người, thậm-chí đến cả người chỉ biết cụ ở trong mấy tập

quốc-văn, mấy hồi thuyết-bộ, mà cũng giỏ bất lệ cảm-tình, tỏ tấm lòng kính-mến, thế mới biết cái ma-lực của đạo-đức, cái mãnh-lực của văn-chương, cảm người đến thế, mà nào có thấy minh-tinh nhà-táng, trạm-tế vòng-hoa gì đâu, nào có thấy kèn-trống om-xòm, trâu bò tạn-táng gì đâu, mà có cái vẻ linh-đình trang-trọng đến như thế.

Nay chúng tôi viếng cụ, không dám bắt chước thói đời, vì người sống mà viếng người chết, thực vì cụ mà viếng cụ, lại không phải vì cụ mà viếng cụ, thực vì xã-hội mà viếng cụ. Chúng tôi đây, người thì biết mặt, kẻ thì biết tiếng, nhưng nói tóm lại, thì đều biết bụng cụ cả, đã biết bụng cụ, thì tất có cảm-tình với cụ, đã có cái cảm-tình với cụ, cho nên mới vì cụ mà tiếc cho xã-hội ngày nay. Xã-hội ngày nay đang lúc giáp hột, giáp hột về nhân-tài, giáp hột về đạo-đức, giáp hột về ngôn-luận, giáp hột về văn-chương, những mừng thầm có cụ là một người lão-thành, lại ở trong vòng giáo-dục ba bốn mươi năm, đã từng quen tay chế-tạo nhân-tài, huống-chi cái tính-hạnh ôn-hòa của cụ, ai đã tiếp cụ một lần, thì cũng dễ cảm-hóa ngay, những đinh-ninh Trời còn để cụ mươi lăm năm nữa, để trỏ đường trỏ nẻo cho bọn anh em ta, đi cho đến nơi đến chốn, làm thơm lây cho cả quốc-tộc nhà ta, cho khỏi phụ cái lòng nhiệt-thành khai-hóa của Nhà-nước, dang dắt ta lên đường tiến-hóa, lên cõi văn-minh. Ai ngờ cụ đã chán nước đời, mà sinh ra lòng tị-thế, để yên giấc ngủ nghìn năm ở nơi lạc-quốc. Đôi gánh giang-sơn, chút lại cho đàn hậu-tiến; một trời trăng gió, vui cùng các đấng tiền-nhân; thôi từ đây mưa Âu gió Á, thế nào cụ cũng chẳng quan-tâm gì nữa!

TRẦN ÁI-LIÊN
(Lai-xá, Nam-định)

V

Về đến tỉnh Nam-định, lên đến đỉnh núi Gôi, ra đến giữa sông Vị, mắt trông dám mây kéo ngang trời, tai nghe ngọn gió qua mặt nước, hình như cụ Bá-Học Nguyễn tiên-sinh hãy còn vơ-vẩn đâu đây, còn thổ-lộ những lời kim-ngọc, còn có tấm lòng vương-vấu với quốc-dân ta vậy. Thực thế, tiên-sinh về mà tâm-sự tiên-sinh để lại, tiên-sinh mất mà danh-giá tiên-sinh vẫn còn. Nhớ tiên-sinh lúc còn bình-sinh, tìm-tòi hết lẽ, dạy bảo hết lời. Tân-học bây giờ mới thịnh, mà tiên-sinh đem công nghiên-cứu đã hai ba mươi năm nay; cựu-học bây giờ dẫu suy, mà tiên-sinh còn muốn duy-trì đến nghìn vạn năm nữa. Than ôi! khổ-tâm thay, tiên-sinh! Người ta khổ-tâm để cầu lấy công-danh phú-quí, tiên-sinh khổ-tâm để giúp cho nhân-quần xã-hội. Tấm lòng qui-hóa của tiên-sinh, ai mà không kính, không mến, không một lòng sùng-bái. Trong xứ ta, nói đến đức-tính tiên-sinh thì nhiều người phục, nói đến văn-chương tiên-sinh thì nhiều người khen; nhưng cái tâm-sự của tiên-sinh thường ẩn-phục ở trong phương-thốn, thường xuất-hiện ở nơi đầu non mặt bể, người không biết tiên-sinh khó lòng mà biết được. Than ôi! những bậc anh-hùng hào-kiệt chí-sĩ nhân-nhân mà chỉ có mấy câu không-ngôn làm duyên với đời, thực đáng tiếc thay! thực đáng buồn thay! Nhưng địa-vị tiên-sinh lập-đức lập-ngôn cũng đã là đủ. Từ xưa đến nay lập-đức lập-ngôn đều là những việc lập-công ở trong thế-giới. Tiên-sinh thực là một bậc hoàn-nhân, mà đến bây giờ mới biết tiên-sinh là hoàn-nhân vậy. Tiên-sinh thọ 65 tuổi, chúng tôi còn

hiếm là ít, còn muốn tiên-sinh ở lại để làm mô - phạm cho chúng tôi ; mà chính tiên - sinh chắc cũng còn muốn ở lại để bảo - tồn quốc - túy, để xem cái kết-quả về sau. Nhưng ông Trời kia đã đưa tiên-sinh về nơi cực-lạc, nghĩa là không để cho tiên-sinh còn lo còn sợ gì nữa, thì chúng tôi cũng phải yên lòng mà chịu, mà chắc tiên-sinh bây giờ cũng ngậm cười ở nơi chín suối.

Than ôi ! cái núi cao ngất, con sông trong vắt ; trông theo ngọn gió, tiên-sinh đâu đó, trông lên từng mây, tiên-sinh đâu đây. Mở tập *Nam-phong* ra, nhìn bức chân-dung, đọc bài di-bút, chúng tôi vẫn còn có dư-sự.

TRẦN THỨC-CẤP (Thái-nguyên)

ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

GIỌT LỆ HỒNG-LÂU (1)

(*Thư gửi cho bạn*)

Ngao - ngán cho thân phận má hồng,
Nghìn thu khôn xiết nỗi long - đong.
Lời thề non nước lời thề hão,
Cái kiếp phong-trần cái kiếp chung.
Câu lý sượng - sùng khi gió thổi,
Chén quỳnh lai-láng lúc trăng trong.
Năm năm tháng tháng ngày ngày những...
Cho chán rồi ra cũng một chồng.

T. H.

Giang hồ từ thủa mười lăm,
Đến năm mười chín còn nằm trông xuân.
Xuân kia còn độ mấy lần,
Tấm thân phơi chốn bụi trần mà thương !

H. V.

Nửa đêm hôm 13 tháng Chạp năm Kỷ-mùi.

Cậu Phong,

Từ hôm em vào nhà thương đến nay, thấm-thoắt đã ngót một tháng trời. Ngày nào cũng như ngày nào, chỉ những ăn cùng ngủ, những lo cùng phiền, trước mắt bên tai đầy những cảnh não-nùng trong nhà dưỡng-bệnh. Ngày thì đinh tai tiếng lũ điên kêu khóc ; đêm thì rền - rĩ tiếng người bệnh quanh giường. Buồn ra ngắm cảnh thì cảnh chỗ nào cũng như đầy những tử-khí ở chỗ gần đất xa trời này.

Mấy hôm nay trời âm-u mây phủ, cây khô lá úa, gió bấc mưa dầm, hình

(1) « Giọt lệ Hồng-lâu » là một bộ xã-hội-tiểu-thuyết tả tình-cảnh một mĩ-nhân khuê-các vì gia-tin' [illegible] hế phải lưu-lạc, sa chân vào chốn Hồng-lâu. Bức thư này về hồi « Lao-nương dưỡng [illegible] bà thương. ». — S. A

như ai đã đem cảnh buồn thiên-nhiên mà pha lẫn với buồn nhân-tạo để vẽ bức tranh ủ-dột của nhà thương cho được hoàn-toàn. Cả ngày em chỉ trùm chăn nằm mà ngậm-ngùi thế-sự, mà than-thở nỗi lòng; chốc-chốc nghe tiếng giầy xích cửa đã tưởng cậu vào thăm, mở chăn ra thì chỉ thấy người đâu đâu vào thăm ai ai cả! . . . .

Hôm qua nghe thày Mậu nói chuyện em mới biết cậu còn ở đây, nếu không đã tưởng cậu về Nam rồi, vì đến hơn chủ-nhật nay không thấy bóng người yêu đâu cả. Lúc thày Mậu vào thấy em đương ăn cơm (cơm nhà thương thì cậu còn lạ gì! thày ấy hỏi rằng: « Cô chịu khó ăn cơm trong này được nhỉ, mấy hôm nay có ai vào thăm không? » Nghe câu hỏi mà em những đau lòng, ứa nước mắt quay đi gạt thầm mà gượng trả lời rằng: « Thưa thày, em không muốn phiền người nhà. » Nhưng, cậu ơi! như em thời lấy ai vào thăm, chị em bạn hát thì một chủ-nhật một lần là nhiều, còn những ai ai thì đừng trông mà mỏi mắt! Người đời như chúng em chỉ có người yêu, người chuộng, người « thờ » lúc khỏe mạnh, lúc mơn-mởn tơ đào mà thôi, còn ra khi son phai phấn nhạt, khi liễu ủ hoa sầu, khi đau yếu một mình vò-võ chốn nhà thương thì tình-nhân đã « bồng tếch tềnh tang » đâu hết cả.

Em cảm đến tình thương người, lòng thủy - chung của cậu nên em xin người anh - phi - mê một mảnh giấy mà thổ - tận can - tràng bằng mấy chữ bút chì, cậu đừng trách em nhá.

Đêm đêm em nằm em nghĩ, nghe tiếng gió vù - vù, giọt mưa thánh - thót mà nhớ khi ai với cậu, cậu với ai trò-chuyện suốt đêm ở trong túp tranh bên gốc cây me đường Phố-Ấp.

Em lại nhớ lúc trời mưa đường lội, em mệt nằm trong màn bên ngọn đèn mờ, thấy cậu lững-thững đi vào, mũ ướt giầy bùn, chân bước miệng cười, lại bên giường em, rồi móc túi áo tơi lấy hai thang thuốc treo lên sào màn. Cậu ơi, những khi em mệt thế này, em hình như trông thấy hai thang thuốc giấy trắng chữ đỏ treo lơ-lửng ở kia. Hai thang thuốc ấy chẳng đáng mấy mươi mà em yêu, em quí vô-ngần. Thôi thì khôn; còn [illegible] bằng nữa. Những khi người đưa đi thử nhẫn Gò - đa, đi chọn gấm hàng Đào; những khi thủy-tiên cho từng lấp, nước-hoa tặng từng chai; những khi tiền cao-su trả hàng đêm, vé rạp hát lấy hàng xấp, em coi cũng như không cả. Chẳng qua là một cách khéo trả tiền chầu hát mà thôi. Khi em được thế thì em dùng, em dùng cho xa-phí, em dùng xong em cười, em cười người dại. Thật vậy, nếu không có cái dại cái mê ấy, nếu không có những trận cười khuynh-gia bại-sản, trận cười bỏ vợ lìa con ấy, thì chúng em lấy đâu mà tiền tiêu quanh năm, lấy đâu mà huê hột, áo quần. Cậu ơi! còn người mê, còn con hát, còn con hát, còn người mê, ấy thế rồi các ngài lại trách chúng em bạc! Đòi chân-tình và chung-tình của chúng em thì chúng em lấy đâu mà tặng các ngài được.

Cậu ơi! thế mới biết hai thang thuốc của cậu là quí; làm cho em chưa uống mà khỏi, hứa với em bao nhiêu là chuyện vui ngắm cảnh thú riêng, ấy tình là thế, nghĩa là thế, ái-ân là thế đó, cậu ạ!

Em tuy nương-náu Bình-khang mà có một cảnh-ngộ riêng, là cái cảnh gạt thầm nước mắt trong tiệc rượu, cảnh chết trong ruột mà phải cười, bị người làm khổ mà phải chiều chuộng. Chắc trong đám chị em cũng có người gặp cảnh ấy, nhưng em được cái hân-hạnh trời cho tỉnh ngủ. Trong giấc mộng mười mấy năm nay nhiều phen thức giấc dậy mà ngẫm chị em ngái ngủ nói mơ với quan viên bị thuốc mê chưa tỉnh.

Cũng nhờ cái tính ngủ ấy mà em vẫn biết em là ca-nhi, em vẫn cứ thủ-phận ca-nhi, vì khi người đời không ai hiểu giọt nước mắt của mình thì đừng khóc mà người ta ghét. Chả thế mà những khi em buồn, em tìm đến nói chuyện với các bà cùng nằm một phòng thì ra họ cứ vờ đi hết. Họ biết em là ca-nhi thì để riêng ra một xã-hội, cho là thứ người bỏ đi, thứ người không hiểu luân-lý là gì, thật thà là gì. Vâng, phải lắm! Em cũng biết vậy, có dám giận các bà đâu, chỉ trách các bà lòng còn khiếm chút từ-tâm. Các bà chưa hiểu thấu được « giọt lệ hồng-lâu » ra thế nào. Ấy, thật vậy, lừa tình bán nghĩa là nghề của chúng em, thương hão khóc huyền là việc của chúng em; nghề đã đến thế, việc bắt phải thế, không làm sao được. Vậy thì nên trách nghề mà không nên trách người làm nghề. Các bà thử nghĩ xem, người làm ruộng mà sợ bùn lấm chân, người mổ-xẻ mà sợ máu rây tay, người buộc thuốc mà ghê ô-uế, người coi ngục mà kinh hình-phạt, thì làm trọn việc mình sao được. Các bà cứ cho thuốc-bổ nhất-định ích người, thuốc độc nhất-định giết người, các bà chỉ hiểu cho một phía đời mà thôi. Chắc đâu trong chốn hồng-lâu không có người tuy tài-sắc kém Kiều mà cảnh-ngộ, tâm-sự cũng đoạn-trường như Kiều vậy. Còn như nghề tốt hay xấu, vị-tất đã tại các em. Từ khi cha sinh mẹ đẻ, nhà cửa sa sút, mua đi bán lại biết mấy lần. Có học góp được chữ nào, có chút tư-chất nào, thì chỉ dùng ra mà nói mỉa và viết những thư như thư này, nghĩa là viết thư cho tình-nhân mà thôi. Trên thế-lộ nào ai đã cắm biển chỉ rõ đường hay đường dở cho chúng em đi, khi chúng em đã đi lầm đường rồi, nào ai ra tay tế-độ bắc cầu cho chúng em sang?

Những gái kém giáo-dục như chúng em ở đời có hai cảnh: Một là thương yêu; hai là đau đớn. Em lại không biết hậu-nhật là gì ư? Lắm khi đương ngồi trong tiệc rượu, đương kề trên tay tình-nhân hết sức chiều chuộng mà đã thấy hậu-lai rồi, thấy cảnh con hầu sớm trưa lược đầu, khăn mặt, thấy cảnh đứng sau mành hay dựa cột nhà người, hễ khách đến thì trốn trong nhà mà pha nước, khách về thì ra dọn chén lau bàn. Vẳng-vẳng đã nghe tiếng mắng-rức mỉa-mai của vợ cả cay nghiệt. Ai không gặp cảnh ấy thì lại bị nỗi dở-dang, chăm-chăm yêu mến chiều-chuộng các ông rồi đến khi nhạt phấn phai son, khi quá yêu đến nỗi nhỡ-nhàng thì các ông bỏ. Đã đẹp là chưa cái thân-phận đàn bà! Lúc ấy kêu ai, đành ôm lòng ôm con mà đôi đoạn xa gần, chết đi thì tội với trời mà trở về thì chắc rằng cũng đến nhịn đói. Nếu ai sợ những cảnh ấy mà trọn đời cứ nương-tựa chốn Bình-khang thì lại đến cầu « sống thì tình chẳng riêng ai, hai tay thóc xuống là người tình không », mà cái khổ cũng chẳng kém gì hai cảnh trên vậy. Vì em đã nói, chúng em chỉ ở được với đời khi khỏe mạnh, khi xuân còn mà thôi. Ấy hậu-nhật chúng em là thế, cần gì mà phải lo xa, mà phải gìn-giữ; cho nên trong lòng có mấy chút ái-tình chung-tình nào thì cũng đến tiêu-ma đi hết.

Tại ai vậy? Tại các ông ư? Tại chúng em ư? Tại cả, mà không tại ai cả. Ấy vì cái nghề của chúng em thôi. Thật vậy, khi nổi danh tài-sắc thì xôn-xao ong bướm dập-dìu. Toàn thấy những kẻ yêu người quí. Những tiếng nỉ-non dài ngắn, những câu thệ-hải minh-sơn, nghe đã đầy cả tai, coi thường như tiếng người hàng-nước chào khách qua đường vậy. Thành ra chúng em cũng chỉ lấy một tiếng chào khác mà đãi lại. Đến khi đã chán giọng đong-đưa, đã mỏi thói điên-đảo, lòng đã nẩy ra một chút ái-tình, muốn kiếm một lòng khác mà giãi bày tâm-sự,

thì thành ra như chuyện thằng chăn-bò nói dối vậy: khi không có hổ đến thì kêu lên để đánh lừa người lại cứu; khi có hổ thật thì tha hồ khóc gào không ai đến nữa! Chúng em chỉ vì dùng nhiều câu thề-bồi quá, nên về sau phải ôm khối chung-tình mà đau-đớn ngậm-ngùi cho đến khi tan-nát hết.

Thôi người em còn yếu lắm, viết ngần này cũng đã mệt lắm rồi, xin để lần sau.

Người cậu thương: Lan-nương

Song-An Hoàng Ngọc-Phách

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIÊN

(Tả-chân tiểu-thuyết)

Ông Đăng-đồ-linh nói với tôi rằng:

— Bác này! tôi trông thấy đàn chim rẽ, lại sực nhớ đến một chuyện ghê-gớm trong khi chiến-tranh vừa rồi.

Bác hẳn biết cái trại của tôi ở xóm Cò-mây đấy nhỉ? Ấy, ngày trước, tôi ở trại ấy nhằm ngay lúc quân Phổ đến đóng ở trong xóm.

Ở bên láng-giềng tôi có một người đàn bà vì đau-khổ quá mà hóa điên. Khi người ấy mới 25 tuổi, chỉ trong một tháng trời mà mất cả cha, mất cả chồng, mất cả con mới đẻ ra nữa.

Thần Chết hình như đã biết cồng, biết ngõ cái nhà người ấy, nên vừa mới bước chân ra lại đã tìm vào ngay lập-tức.

Làm thân con-gái đang thủa trẻ-trung như thế mà gặp phải những cảnh-ngộ rầu-rĩ ảo-não như thế, thành ra cứ nằm bệt ở trên giường, trong một tháng rưỡi trời, không lúc nào là không mơ-màng hoảng-hốt. Hết mơ-màng hoảng-hốt lại đâm ra rời-rã lư-đừ, suốt ngày nằm không động-đậy, duy có con mắt là đưa đi đưa lại thôi. Người ấy ăn-uống, chỉ gọi là mỗi bữa một thì cơm. Hễ lần nào gia-nhân muốn nâng cô ấy giậy, cô ấy hét lên như sợ người ta đâm chết vậy. Bởi thế người nhà cứ mặc cô ấy nằm, chỉ trừ khi tắm rửa và thay chăn-đệm là phải bế cô ấy ra thôi..

Một bà già ngồi bên cạnh cô ấy để thỉnh-thoảng cho cô ấy uống nước và ăn một ít thịt nguội. Cô ta không nói một lời bao giờ, nên không ai biết cái tấm lòng tuyệt-vọng của cô ta ra làm sao. Cô ta có nghĩ đến những người đã qua rồi chăng? Cô ta có mơ-màng cái gì bất-tỉnh nhân-sự chăng? Hay là cái tư-tưởng cô ta nó đã chết đứ-đừ như làn nước đục ở trong ao tù-hãm rồi?

Ròng-rã mười lăm năm trời, cô ấy cứ nằm bẹp như thế ở trong giường.

Tới khi xảy việc chiến-tranh thời quân Phổ đến đóng ở tại xóm Cò-mây nhằm ngay vào mấy ngày đầu trong tháng chạp.

Mấy ngày đó, đến tận bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ-ràng như là chuyện hôm qua: trời rét quá, tưởng chừng như đá cũng nứt vậy. Tôi thời bị bệnh đau các đầu xương, đang nằm sóng-sượt trên cái ghế bành-tượng dài, bỗng nghe thấy tiếng quân giặc kéo tới, bước nặng-nề mà dịp-dàng. Tôi nhìn cửa sổ ra thời thấy quân giặc đi qua đường cái.

Quân giặc kéo đi vô-chừng-hạn, mãi mãi không hết, đứa nào cũng như đứa nào, mà chân tay cử-động thì cứng nhắng cứng nhơ, thật không còn lẫn với người nước khác được. Xong rồi, những chủ-tướng phân-phát các

quân-quan cho mỗi nhà một ít, nhà người đàn-bà điên ở bên láng-giềng tôi phải chứa 11 tên lính và 1 ông quan tư, lính đã quê-kệch tục-tằn, lại hay nóng-nảy ác-nghiệp.

Mấy hôm đầu-tiên thì cũng thường-thường vậy, không có làm sao cả. Cũng có kẻ đã nói cho ông quan tư ấy biết rằng bà chủ-nhà kia bị ốm nặng, nhưng ông ấy cũng mặc kệ, không cần . . . Song-le chẳng bao lâu ông quan nọ nghĩ đến người đàn-bà cầm cung ấy, phát tức lên, muốn biết người ấy phải bệnh-tật gì, thì gia-nhân họ bảo rằng phải bệnh buồn-rầu quá nên cứ nằm liệt ở trên giường đã mười lăm năm nay rồi. Dễ-thường viên võ-tướng cho rằng người đàn-bà nọ tự-cao nên không ló mặt ra ngoài sợ khi trông thấy người mình lại phải trò-chuyện lôi-thôi, đùa-bỡn cợt-nhả chăng ?

Vì thế hắn ta bắt người ốm phải tiếp hắn ; bắt người nhà phải đưa hắn ta vào hẳn trong phòng người ốm. Hắn ta hỏi gắt lên rằng :

— *Pà ơi* ! tôi mời *pà từng* giầy, *pước* xuống *tây* cho tôi *tược* tiếp *pà* !

Người điên nhìn quay lại, mà không nói làm sao cả, hai con mắt thì bàng-hoàng hoảng-hốt, không còn chút tinh-thần nào nữa.

Viên tướng Phổ lại nói rằng :

— Tôi không chịu *tược* những nước chích-thượng ấy *tâu* ! Nếu cô không *từng* dậy cho tử-tế thời *tàng* này sẽ có cách làm cô phải *tì* lại nữa kia !

Người điên vẫn không cựa-cậy, cứ nằm yên đó hình như không trông thấy viên quan-tư Phổ vậy.

Viên quan tức quá, yên-trí rằng người nọ định không thèm nói với mình nửa lời, ấy là khinh-rể mình lắm lắm đó, bèn chêm một câu nữa rằng :

— Mày giỏi cứ nằm yên *tó* mãi *tến* ngày mai . . !

Nói xong rồi đi ra.

Đến ngày hôm sau, bà già coi cô ta, sợ thất-thần, định mặc quần áo cho cô ta, song cô ta không chịu vừa kêu vừa dẫy rầm-rĩ cả lên. Đến lúc viên tướng giặc bước vào, bà già chạy ra ôm lấy đầu gối hắn ta mà kêu van rằng :

— Bẩm quan lớn ! bà tôi không buồn đứng dậy, tôi đã hết sức kêu nài rồi, xin quan lớn đại-xá cho, kẻo bà tôi khổ-sở lắm rồi đấy !

Viên Phổ cũng lúng-túng, dẫu rằng giận thật, song vẫn chưa dám cho lính kéo người điên xuống đất ; sau bỗng-dưng bật cười lên sằng-sặc rồi hô lên mấy tiếng bằng chữ Phổ cả.

Tức-thì bốn người quân khênh cả cái đệm ra như ta khênh một người bị-thương vậy. Người điên cứ nằm đó, không cựa-cậy, không nói-năng ; hễ cô ta được nằm yên là ai muốn nhấc đi đâu cũng mặc.

Giường khênh đi trước thì gói quần-áo của cô ta đi sau, đã có một người lính khác cầm theo.

Viên quan vỗ xoa tay đọc to một câu rằng :

— Nếu *pà* không giầy mặc quần-áo lấy mà *ti* chơi với tôi một lát, tôi sẽ có cách. . .

Rồi thấy cái đám rước ấy đi về phía rừng Ý-mẫu-viên.

Cách đấy chừng hai giờ, thấy quân-lính trở về tay không cả.

Thôi từ đó không ai trông thấy người điên nữa. Chẳng hay những quân giặc kia đã đem đi đâu ? Đem đi để làm tình-tội những gì rồi ? Tịnh không còn ai biết.

Đang độ ấy thì suốt ngày đêm lúc nào cũng có tuyết xuống, thành ra bao-

bọc cả đồng-bằng lẫn rừng núi, trắng-toát như một tấm rêu lạnh phủ kín một người chết cứng vậy. Lang, sói thì lượn cả đến cổng nhà chúng tôi mà gầm-thét inh-ỏi.

Lúc nào tôi cũng nghĩ vơ-vẩn đến người đàn-bà mất-tăm mất-tích ấy luôn luôn. Tôi đã nhiều lần chạy-chọt cùng các quan Phủ để dò tin-tức người ấy ra làm sao, chỉ suýt nữa là bị họ đem bắn.

Sau mãi tới mùa xuân ; các quân-lính chẳy đi hết ; nhà người điên đóng cửa kín mít, lối ra, ngõ vào, cỏ lên rậm-rạp.

Bà già coi người ốm đã chết từ tháng chạp kia rồi ; thành ra không ai để tâm đến cái việc thảm-trạng ấy nữa. Duy còn một tôi không bao giờ quên được thôi.

Chẳng hay người điên đã bị những quân ác-kia làm gì rồi ? hay là người ấy đã chạy trốn qua rừng, gặp ai người ta phúc-đức bắt lấy đem bỏ vào nhà thương nào cho ? Nhưng nếu có vậy chắc cũng không ai biết lý-lịch cô ta ra làm sao, vì cô ta không nói kia mà ! Riêng tôi cứ nghi-ngờ vơ-vẩn thế mãi, không tìm vào đâu cho biết đích-sác được ! Nhưng ngày qua tháng lại, cái mối thương-tâm của tôi càng dần-dần mà nguội bớt đi.

Sau mãi đến mùa thu năm ấy, tôi thấy chim rẽ cứ đàn-lũ bay qua, mà cái bệnh đau xương nó cũng không hành-tội tôi lắm nữa, tôi mới cố men vào tận trong rừng. Tôi bắn đã được 4, 5 con rẽ rồi, chợt lại nhằm trúng một con nữa, thế nào nó rơi ngay xuống một cái hố chồng-chất những cành-cây. Tôi phải nhảy xuống để lấy chim lên. Tôi thấy chim rơi ngay bên cạnh một cái đầu-lâu người chết. Tôi giật thót mình, nhớ tới người điên thuở trước, như bị một quả trúng ngay giữa ngực vậy. Trong cái năm tốt lành ấy cũng chẳng ít gì người bỏ thây ở khóm rừng này, song tôi không hiểu tại làm sao tôi cứ quyết rằng cái đầu-lâu nọ chính là đầu-lâu người điên kia ; tôi chắc lắm, bác ạ !

Rồi thốt-nhiên tôi nghĩ ra, hiểu rõ hết. Ra những quân giặc khêuh cả đêm lẫn người điên bỏ trong khoảng rừng hiu-quạnh đó ; người điên cứ khăng-khăng một lòng, không rời ý cũ, tay không cựa, chân cũng chẳng co, chịu nằm chết ở đó, sương-tuyết cứ nhẹ-nhàng rơi xuống, phủ đặc cả thân-thể con người bạc-mệnh ấy đi, để cho lang-sói đến ăn thịt và chim-chóc đến tha *len* trong cái đệm rách về làm tổ cho con ở.

Tôi bèn lấy cái sọ ấy, đem về giữ lấy, và ngày đêm cầu-nguyện con-cháu sau này không bao giờ lại còn phải trông thấy binh-khí chiến-tranh nữa !

BUI HUY-CƯỜNG dịch

trong tiểu-thuyết DE MAUPASSANT

Imposer silence à une opinion est pernicieux, surtout parce qu'en le faisant on vole la race humaine tout entière ; la postérité comme les contemporains, et plus encore ceux qui diffèrent de cette opinion que ceux qui la partagent.

JOHN STUART MILL

Ngăn-cấm cho một cái ý-kiến không biểu-lộ ra được là một sự hiểm-độc, vì làm như thế khác nào như ăn-trộm mất một cái của chung của cả loài người, kể hậu-thế người đương-thời đều bị thiệt cả, và có lẽ những người không đồng ý-kiến ấy lại thiệt hơn là người cùng một ý-kiến.

CẦM-HỌC TẦM-NGUYÊN

琴學尋源

(Khảo về nghề đờn ở nước ta) (1)

Bài thứ V

LƯU-THỦY chậm.
32 nhịp

流水緩調 三十二拍

(1) Xem *Nam-Phong* số 47, trang 370-386; số 48, trang 468-481 số 49 trang 44-61 số 50 trang 149 158

PHÚ-LỤC chậm, đổi ngón.
34 nhịp

又賦陸 拱法 三十四拍

CHẤN-TRẬP, 132 nhịp. 振蟄 一百三十二拍

LƯU-THỦY chậm.
đổi ngón, 32 nhịp.

又流水 拽法 三十二拍

PHÚ-LỤC chậm, 34 nhịp.
賦陸 三十四指

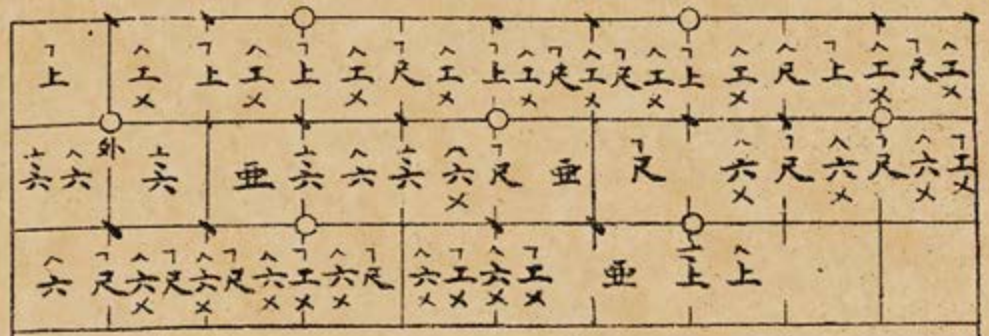

HỒ-QUẢNG chậm, 12 nhịp.

湖廣 緩調十二拍

BÌNH-NGUYÊN (Bình-bổn) chậm, 44 nhịp.

平元 即平版四十四拍

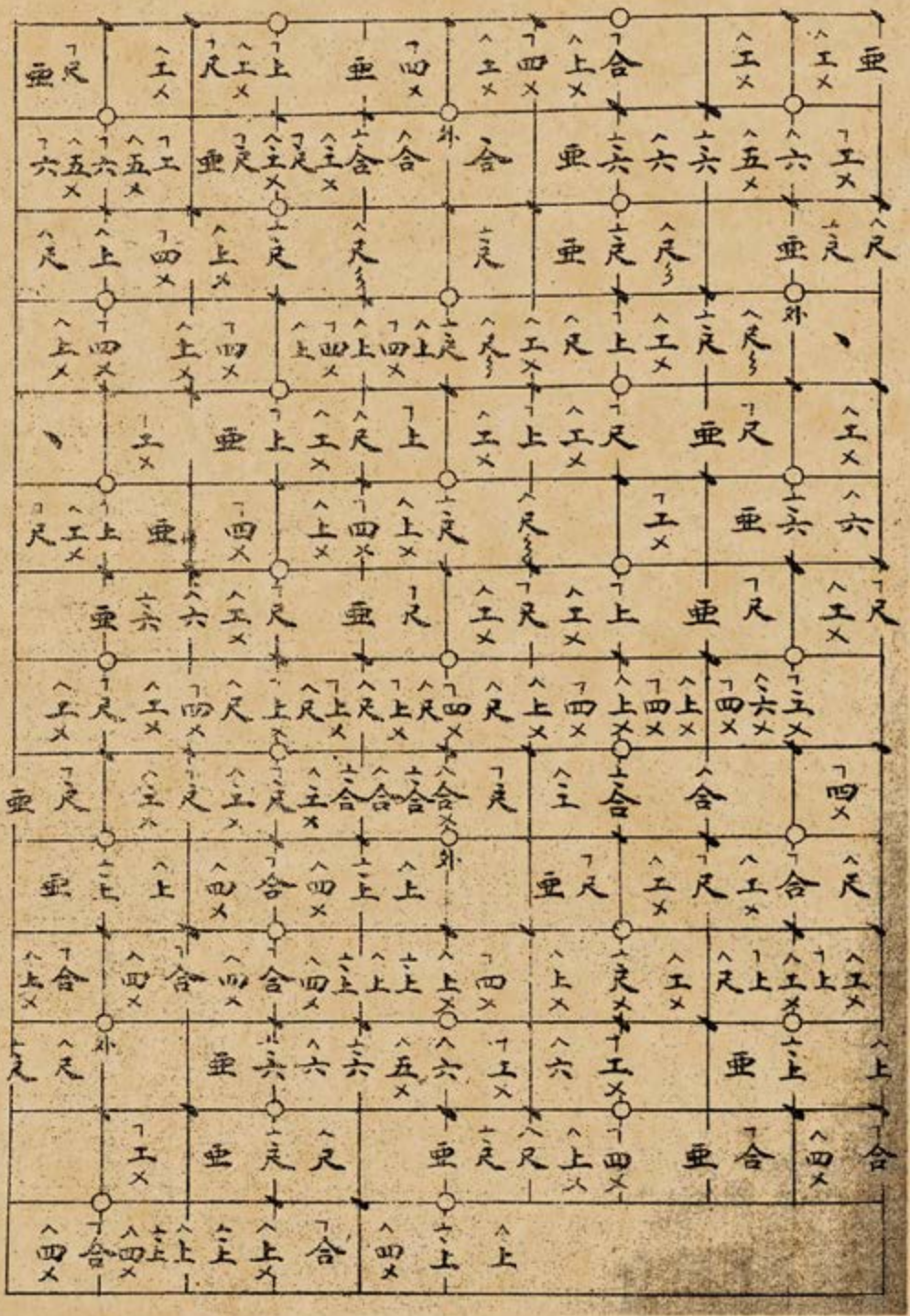

KIM-TIỀN chậm,
26 nhịp.

金錢 二十六拍

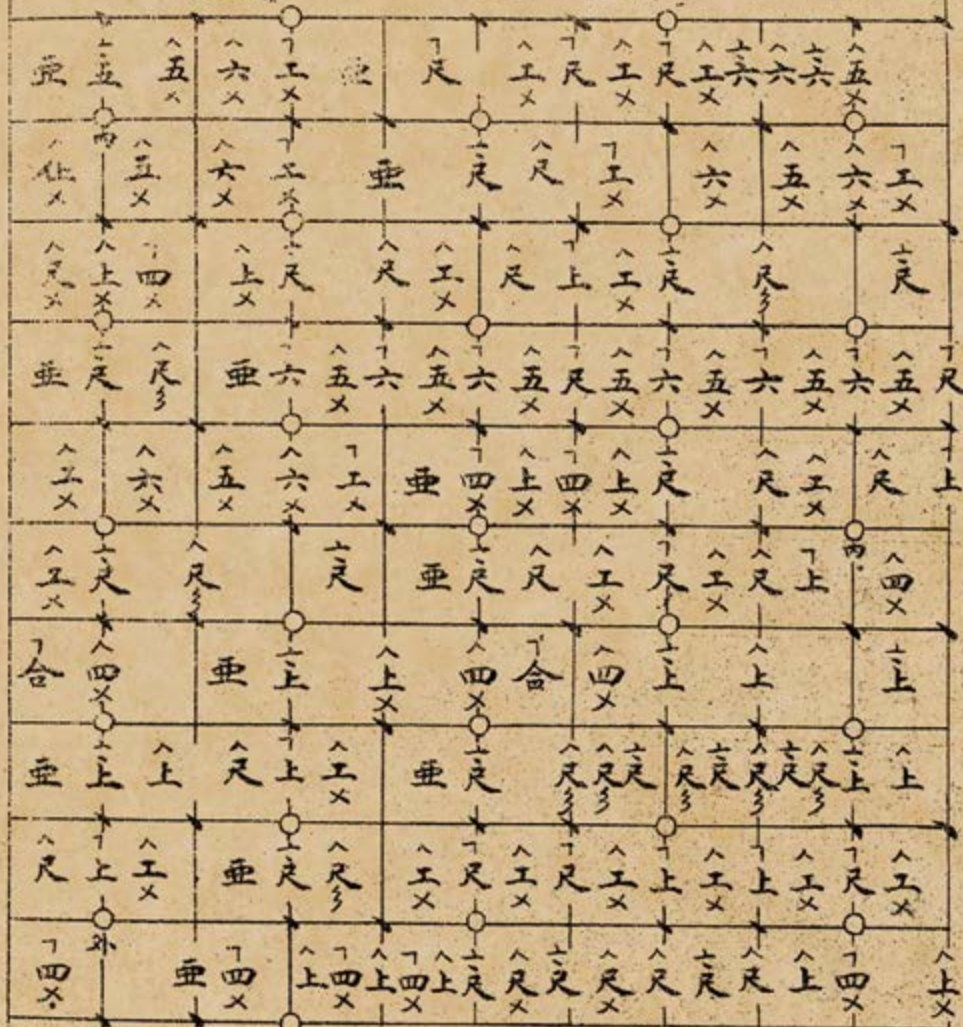

XUÂN-PHONG chậm,
10 nhịp.

春風 十拍

(Còn một kỳ nữa hết) HOÀNG-YẾN, *Tri-huyện Bình-Khê*, (BÌNH-ĐỊNH).

VĂN-UYỂN

Bác Đồ đi cầy (*Sầm*)

Đi thì cầy ; đi thì cầy,
Anh biết mình anh thôi! tếch thẳng ra đi cầy.
Bởi chưng dốt - dát anh chịu ngay xuống bò (1).
Tiền lương anh trời đã dành cho,
Một năm hai lần lĩnh cũng vừa số anh ăn chơi.
Phong-lưu từng-trải mùi đời,
Chẳng dù chẳng lọng anh chỉ hơn người được chữ tự-do.
Khi vui đủng-đỉnh đến làng-nho,
Khi buồn ra đứng mát nghe kẻ chăn bò nó nghêu-ngao.
Bước chân anh ai cấm ai rào,
Dù ngang dù dọc dù sao mặc lòng !
Hỏi tình rằng thế có sướng hay không ?

ÁI-LIÊN

Bà My-Ê

Ơn vua nợ nước trả cho xong,
Dám tiếc làm chi mảnh má hồng.
Sau trước vẫn cam thề sống thác,
Mất còn nỡ để thẹn non sông.
Mây sầu lớp lớp bay về Bắc,
Sóng thảm rùng-rùng cuộn hướng Đông.
Đợi phải chiếu rồng ban triệu đến,
Đã đành trọn tiết với vương-công.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử.

Vịnh cờ hoa lau

I

Cỏ rừng cây nội vẫn tầm-thường,
Ứng vận điềm lành giúp đế-vương.
Chống nổi mây mưa trăm trận gió,
Quét tan mù khói mấy ngàn sương.
Ngụ nhờ lánh mặt cơn nguy-hiểm,
Đinh cậy ra tài tập chiến-trường.
Đọc sử nước nhà thôi bắc-thuộc,
Cờ lau mục-tử trước làm gương.

THANH-NGUYÊN.

II

Phới-phới đôi ngàn ngọn tuyết sương,
Khiến người lại nhớ chuyện Đinh-Hoàng
Dăng đầy mặt trận phao ngù trắng,
Kéo khắp sườn non rải lá vàng.
Lướt gió xông mưa chi sá ngại,
Khua ong đuổi kiến đã nên dường.
Điềm lành ứng thuở chơi đùa trẻ,
Mỗi một từ đây mới vững-vàng.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử.

III

Thấy hoa lau lại nhớ vua Đinh,
Độc-lập nhờ ông mở nước mình.
Dăng một phương trời ngù trắng trắng,
Cuốn trăm trận gió lá xanh xanh.
Lơ-thơ ngỡ bóng chơi đàn trẻ,
Hiu-hắt như còi gọi điềm-binh.
Hỡi kẻ phất cờ đâu vắng tá,
Ngàn năm cây cỏ vẫn lưu-danh

Thị-độc TRẦN BẠN

IV

Nước ta cờ dựng tự Đinh đầu,
Đầu giạo cờ chơi mấy ngọn lau.
Xấp-xới thề ngù xông gió trận,
Phất-phơ như lá điềm sương màu.
Nép bên sông cạn dăng dài thẳng,

(1) Chịu bò bẹp .

Ở giữa đồng không cặm trước sau.
Động cũ Hoa-lư dầu khuất bóng,
Muôn năm còn tiếng trẻ chăn trâu.

MỘNG-PHẬT

Qua Đèo-ngang (*tức-cảnh*)

Ô-tô nhẹ tách thẳng đường mai,
Qua đến Đèo-ngang mới điểm hai.
Xanh-ngắt một màu cây đặc núi,
Trắng-phao muôn khoảnh nước in trời.
Bơ-sờ cửa ải ngăn mưa gió,
Quanh-quất đường xe khúc vẫn dài.
Bia-đá hãy còn nề nếp cũ,
Trải tầng sương-tuyết chữ chưa phai.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử

Sau khi nghỉ hè lại ngược Cao-Bằng (*1920*)

Gió thổi hiu-hiu bóng xế tà,
Một mình buồng khẩu quãng đàng xa.
Trông vời phần-tử từng mây cách.
Thẹn mặt bồng-tang bụi cát pha,
Sông nọ chân cò khôn lặn-lội,
Non kia vó ký mảng bôn-ba.
Trên yên ngẫm cảnh rừng xanh biếc,
Buồn nỗi tha-hương nhớ nỗi nhà.

Lữ-hoài

Xuống bể lên rừng thiếu nỗi chi !
Phong-trần từng giám mặt nam-nhi.
Trông trăng thêm tủi thân lưu-lạc,
Ngắm núi dường khêu mối biệt-ly.
Chén rượu bâng-khuâng lòng cảm cảnh,
Phiếm đàn dìu-dặt khúc tương-tri.
Canh khuya gối chiếc khôn thành mộng
Văng-vẳng bên tai dế khóc rỉ.

Chơi núi

Vừng ô chênh-chếch nhạt mầu son,
Dạo bước cùng nhau tới đỉnh non,
Hoa rụng đầy khe, khe róc-rách ;
Rêu in ngấn đá, đá tron-von.
Trông về cố-quận xa xa tít,
Dòm xuống bình-nguyên bé-bé con.
Thở hút chứa-chan không-khí tốt,
Ra về đã thấy bóng trăng tròn.

Đề đền Nùng-Trí-Cao đại-vương.

(Đền ở trên núi Sầm-sơn, tỉnh Cao-bằng, tên là đền Cao-Sầm. Núi Sầm-sơn chính là chỗ ông Nùng-vương tập quân ngày trước).

Khí thiêng rừng núi đúc anh-hào,
Trống trận năm xưa rậy đất Tàu.
Vỡ mật binh Nam năm hồ-tướng,
Thét roi ải bắc một long-câu (1).
Mở thêm bờ-cõi trời trăm Việt,
Riêng dựng cơ-đồ đất tám châu.
Hương lửa ngàn thu non nước cũ,
Sầm-sơn cao ngất Hiến-giang sâu.

Tự-thuật (*1920*)

Niên-hoa bấm đốt đã ba mươi,
Trần-bải lênh-đênh mấy độ rồi !
Cuộc đất vần xoay sao thế mãi ?
Phương trời lưu-lạc đến bao thôi ?
Chuyện đời rát mặt cơn cười khóc,
Ngả lợi chen chân lối ngược xuôi.
Mượn chén thanh-liên khi chênh-[choáng,
Toan đem tâm-sự hỏi ông Trời !

Thái-phong VŨ KHẮC-TIỆP

DỊCH BÀI THƠ » CÁI HỒ » CỦA ÔNG LAMARTINE

Bản-chí tiếp được nhiều bản dịch bài thơ « Hồ », nhưng xét ra cũng sấm-si nhau cả, không bản nào hơn hai bản đã đăng kỳ 49 trước, vậy tưởng không cần

(1) Tục chuyền Nùng-đại-vương có ngựa long-câu ngày đi ngàn dặm.

phải đăng hết ra đây làm gì. Duy có bản sau này của một ông bạn đọc báo ở Nam-kỳ, dịch cũng xát nghĩa lắm, xin đăng ra đây để công đồng-lãm. Ông lại gửi thêm một bản dịch bài thơ « Mùa Thu » cũng của ông LAMARTINE, *xin đăng cả nguyên-văn, cả lời dịch như sau này.*

N.-P.

Cái hồ

Cứ trôi-nổi đưa hoài bến mới,
Giữa trường-hôn mải tới không yên ;
Thế thì trên bể thiên-niên,
Ta không ngày dặng neo thuyền hay sao?

Hỡi hồ ! năm đâu vừa mãn,
Chỗ bến xưa cùng bạn sánh đôi,
Hãy coi ! ta lại bồi-hồi,
Ngồi trên hòn đá nàng ngồi, chạnh riêng!

Hồ khi ấy cũng rền vực hẳm,
Cũng bồ gành hình lắm xơ-rơ ;
Cũng là gió tạt vô bờ,
Làm văng bọt sóng chơn người mến [thương.

Có nhớ chăng? đêm trường mát mẻ,
Cả hai ta lặng-lẽ ra vời ;
Vẳng nghe trên nước dưới trời,
Thấp cao chèo nhịp, nhặt lơi sóng dàn.

Bỗng đâu giọng trầu-hoàn chưa hẳn,
Đưa vào bờ một bản thanh-tao ;
Sóng như lắng tiếng ngạt-ngào,
Giọng mình nghe mến bèn rao mấy lời:

« Hỡi niên-nguyệt, một hai dừng cánh !
Hỡi khắc-giờ hữu hạnh, ngưng đi !
Để ta hưởng phước bất-kỳ,
Một đời bụi đỏ mấy thì tuổi xanh !

« Lắm kẻ rủi cầu xin dưới thế,
Thì mau qua, chớ để nhọc người ;
Rước theo cho rảnh nợ đời ;
Còn ai hưởng phước đó thời quên đi.

« Mà xin hưởng vài thì dễ đặng,
Ngày tháng qua, tuổi chẳng chờ ta (1) ;
Xin đêm nay : « Ráng dần-dà » ;
Té hừng-đông sắp đuổi nà đêm nay !

« Vậy tua để lòng nầy thân-ái !
Bóng qua song, ta phải hưởng liền !
Người không bến, ngày không biên ;
Ngày riêng thấm-thoát, người riêng [tiêu-tàn ! »

Thì-giờ ghét chi trang tình nặng,
Mấy hồi cùng lai-láng nguồn ân,
Lẽ đâu lẹ cánh không dừng,
Lìa ta mau thể mấy lần gian-nguy ?

Sao lại thế ! phương chi dành tích ?
Biệt rồi sao ? giờ thích mất sao ?
Thì-giờ cho phước dường bao,
Thì-giờ phủi sạch, khi nào trả ta ?

Hỡi vô-hạn, thì qua thấm-thẩm,
Chớ ngày chôn nhiều lắm để chi ?
Những là cao-hứng mấy khi,
Đoạt rồi, xin nói : vậy thì trả không ?

Hỡi hồ ! động ! non bồng ! rừng tối !
Trơ tuyết sương, hoặc gội không già,
Bao nhiêu cảnh lịch sơn-hà,
Đêm này xin giữ ít là dấu chi !

Hỡi hồ đẹp, xin ghi tình lại,
Dầu thanh-bình, dẫu phải phong-ba.
Và ghi trong nồng diềm-dà,
Trong chòm thông sậm, trong và đá gie

Gởi cho ngọn gió nghe rền thổi,
Gởi tiếng gành, gành dội tiếp vang.
Gởi gương trăng bạc rỡ-ràng,
Thường gieo mặt nước thanh-quang [một mầu !

Xin gió phất lách-lau rền-rĩ,
Cùng mùi hương thanh-khí hồ sinh,
Loài hữu-chất, vật vô-hình,
Đều rằng : « Người đã nặng tình ái-ân ! »

Nam-kỳ NGUYỄN NGỌC-ẨN
phiên-dịch

(1) Nhựt-nguyệt thệ-hĩ, tuế bất ngã dữ (*Luận-ngữ*)

L'automne.

Salut! bois couronnés d'un reste de verdure!
Feuillages jaunissants sur les gazons épars!
Salut! derniers beaux jours! le deuil de la nature
Convient à ma douleur et plaît à mes regards.

Je suis d'un pas rêveur le sentier solitaire;
J'aime à revoir encor, pour la dernière fois,
Ce soleil pâlissant, dont la faible lumière
Perce à peine à mes pieds l'obscurité des bois.

Oui, dans ces jours d'automne où la nature expire,
A ses regards voilés je trouve plus d'attraits;
C'est l'adieu d'un ami, c'est le dernier sourire
Des lèvres que la mort va fermer pour jamais.

Ainsi prêt à quitter l'horizon de la vie,
Pleurant de mes longs jours l'espoir évanoui,
Je me retourne encore et d'un regard d'envie
Je contemple ces biens dont je n'ai pas joui.

Terre, soleil, vallons, belle et douce nature,
Je vous dois une larme aux bords de mon tombeau!
L'air est si parfumé! la lumière est si pure!
Aux regards d'un mourant le soleil est si beau!

Je voudrais maintenant vider jusqu'à la lie
Ce calice mêlé de nectar et de fiel:
Au fond de cette coupe où je buvais la vie,
Peut-être restait-il une goutte de miel!

Peut-être l'avenir me gardait-il encore
Un retour de bonheur dont l'espoir est perdu!
Peut-être dans la foule, une âme que j'ignore
Aurait compris mon âme et m'aurait répondu!

La fleur tombe en livrant ses parfums au zéphire
A la vie, au soleil, ce sont là ses adieux:
Moi, je meurs; et mon âme, au moment qu'elle expire,
S'exhale comme un son triste et mélodieux.

LAMARTINE

Mùa thu

Chào rừng dư chót tàn thưa!
Lá vàng lác-đác, cỏ thừa lai-rai!
Chào ngày thanh-bạch chẳng dài!
Tiêu-điều cảnh ngoại, ai-hoài tình trong.

Đường quanh bước, dạ sầu đong;
Nhơn khi còn thấy, thỏa lòng ráng trông:
Ác kia lững-đững phai hồng,
Bóng trên thỏn-mỏn, rừng trong lờ-mờ.

Ngày thu cảnh-tượng tiêu-sơ,
Càng xem ủ-dột, càng ưa dịu-dàng;
Khác chi bạn giã lên đàng,
Hay người gần xuống suối vàng nuối ai.

Như ta đành phải xa đời,
Lòng sầu mạnh bạc, lụy rơi cõi già.
Chạnh tình ngành lại ngó qua,
Của chưa hưởng trước, quí đà theo sau.

Trời thanh, đất lịch một bầu,
Mồ hoang hầu gởi, giọt sầu xin dâng!
Gió thơm ngát! bóng trong ngần!
Kẻ gần thác nhắm dương-trần tốt thay!

Mong lòng cạn chén hôm nay,
Ngọt-ngon cũng mặc, đắng-cay cũng dầu:
Chén đời nếm mật bấy lâu,
Họa may dưới cặn còn dâu chút đường!

Họa may cái số đoạn-trường,
Đành cho chút phước nay dường hết trông!

Họa may giữa đám người đông,
Có ai hiểu thấu đam lòng cùng ta!

Hoa tàn gởi chút thơm hoa,
Cho đời, cho gió đặng mà biệt-ly:
Đây tàn, gần phải xa đi,
Sầu tuôn chín khúc, chạnh ghi mấy vần.

Nam-kỳ NGUYỄN NGỌC ẨN
phiên dịch

THỜI-ĐÀM

Việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. — Kỳ trước đã nói qua về việc cải-lương hương-chính ở Bắc-kỳ. Kỳ này xin lược giải tờ chu-tri của quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 12 Août 1921 chỉ bảo cho các quan công-sứ đầu tỉnh về cách-thức thi-hành sự cải-lương ấy. Tờ chu-tri này khác nào như lời chú-thích hai bản nghị-định số 1919 và 1950 đặt ra hội-đồng tộc-biểu và sổ chi-thu cho các làng.

Quan MONGUILLOT nói rằng ngài quyết định việc cải-lương này là chủ-ý trừ những điều tệ trong hương-chính. Điều tệ thứ nhất là các kỳ-dịch trong làng xưa nay không có chức-trách nhất định; điều tệ thứ nhì là các khoản đóng góp trong làng không có số-ngạch nhất-định, dân dân eu thường phải gánh-vác nặng-nề. Muốn trừ điều thứ nhất, bèn đặt ra hương-hội, họp những người đại-biểu các họ cử ra để trông nom việc làng; muốn trừ điều thứ nhì, bèn đặt ra sổ dự-toán chi-thu, để định trước các khoản xuất nhập mỗi năm. Mục-đích tờ chu-tri này là giải-thích về cách nên đặt sổ dự-toán chi-thu ấy như thế nào

Nói về cách bắc-định và trình-duyệt sổ chi-thu. — Theo điều thứ 21 trong nghị-định, chỉ những làng nào 500 đinh trở lên và nộp thuế hơn hai ngàn bạc mới bắt đầu đặt sổ chi-thu. Hạn-định như thế là để cho các quan tỉnh và quan phủ huyện hết sức trông nom được, vì việc cải-lương này thành-hiệu ít hay nhiều là ở như công đốc-suất của quan An-nam.

Sổ dự-toán phải bắt đầu từ ngày mồng một tháng giêng tây (*1er Janvier*); đáng lẽ bắt đầu từ ngày tết nguyên-đán annam thời phải hơn, nhưng mà nay người An-nam cũng đã quen ngày tháng tây rồi, và lại ở tỉnh Hà-đông thí-nghiệm đặt sổ chi-thu đã mấy năm, đều theo ngày tháng tây cả, không thấy trở-ngại gì. Vậy nên nhất-luật theo ngày tây cho tiện, nhưng bên cạnh nên chua cả ngày tháng an-nam để tiện đối-chiếu.

Sổ dự-toán do viên Chánh-hương-hội dự-thảo, rồi đem ra quyết-nghị ở hương-hội, sau trình quan phủ huyện xét rồi bẩm tỉnh, quan tỉnh xét rồi tư sang quan Sứ, quan Sứ duyệt-y mới thi-hành được. Muốn cho kịp thi-hành đầu năm sau thời sổ dự-toán phải đem ra quyết-nghị ở hương-hội vào khoảng tháng mười 10 (Octobre) năm trước.

Nói về các khoản thu-nhập. — Đặt ra sổ chi-thu phải định rõ các khoản thâu-nhập, trước là để cho dân làng có tiền mà kinh-lý mọi việc công-ích, sau là để trừ những sự đóng góp quá-đáng.

Điều thứ 6 trong nghị-định chỉ kể những khoản thâu-nhập thường về công-điền công-thổ và các thuế-lệ riêng của làng, không kể đến những khoản phụ-thâu bách-phân (*centimes addationnels*) về các thuế nhà-nước, các khoản phụ-thâu này lâm-thời có thể thêm vào được, nhưng không nên định trước làm thường-khoản.

Các khoản thâu-nhập cường-bạch là những khoản phải nộp theo như khoản lệ trong làng và những lợi-tức về công-điền công-thổ. Những tiền khoản-lệ, là các khoản tiền cheo, tiền ma, tiền khao vọng, tiền tên lão, trong nghị-định đã ước-định các số-ngạch làm hạn, không thể hơn được. Người dân nộp tiền theo lệ thời không phải làm cỗ-bàn thết làng xa-phí vô-ích như trước nữa.

Ao, truôm, ruộng, đất công của làng phải mở đấu-giá lĩnh-trưng trong dân làng. Ruộng đất công đây không phải là hạng « công-điền quân-cấp » phải chia cho khắp người làng, nhưng là hạng công-điền đã đặt làm của chung, hoặc ít quá không thể quân cấp, cùng những hạng bút-điền, lương-điền, hậu-điền, v. v. Tiền lĩnh-trưng ấy phải bỏ vào công-khố.

Khoản thâu-nhập tùy-nghi có định: 1° một thứ thuế về trâu, bò, ngựa, thuế này nhiều làng đã có rồi; 2° một thứ thuế thổ-trạch, phân ra các hạng nhà gạch, nhà gỗ, nhà tranh và tính theo từng gian; 3° những tiền phạt vì trái lệ làng, do tòa hương hội nghĩ

phạt (các khoản phạt này trong khoản-lệ làng phải định rõ và trình quan Công-sứ duyệt mới được thi-hành). Các khoản thâu-nhập này thời tùy-ý hương-hội muốn đặt hay không đặt cũng được.

Tiền phụ-thâu về thuế Nhà-nước cũng là một khoản thâu-nhập tùy-nghi. Tiền phụ-thâu về thuế điền thời phàm những người cấy ruộng trong làng dù là công-điền, tư-điền hay là ruộng phụ-canh, đều phải nộp hết.

Quan-trọng nhất là điều thứ 8 định rằng phàm các khoản thâu-nhập có kể trong sổ dự-toán kỳ-dịch mới được thu, và phải thu đúng như số-ngạch đã định, không được thu lạm. Người kỳ-dịch nào thu lạm, hay là thu một khoản nào không có định trong sổ, phải đem ra tòa Nam-án xử tội. Quan Thống-sứ dặn các quan Công-sứ phải trông nom kỹ về điều đó.

Đã đặt ra sổ chi-thu thời không có khoản gì phải nộp bằng vật-chất. Như nộp lúa xương, từ nay bỏ; tuần canh đồng thời được ăn lương, chớ không được nhận lúa nữa.

Còn về khoản cuối cùng điều thứ 6 định rằng ngôi-thứ ở đình-trung là thuộc về danh-dự mà thôi, chớ không được những quyền-lợi riêng như miễn-sai, miễn nộp, v. v, như trước nữa; điều này thi-hành có lẽ cũng hơi khó, vì có ý sửa lại một cái tệ-tục đã thông-hành ở nhà quê; nhưng quan Thống-sứ dặn các quan Sứ và quan ta phải giảng-giải cho dân hiểu là một sự công-bằng, tuy có thiệt cho mấy kẻ đàn-anh hay bắt-nạt dân, nhưng lợi cho cả đồng-dân không phải gánh vác thay cho bọn kia nữa.

Những khoản thâu-nhập phi-thường, là các khoản của Nhà-nước hay của người ngoài trợ-cấp, các tiền bán công-điền công-thổ cùng các khoản thặng-thâu (*surtaxes*) về thuế nhà-nước. Những khoản này là gặp những khi đặc-biệt, phải làm việc gì công-ích to-tát mà tiền thâu-nhập thường không đủ, và phải xin phép quan Sứ mới được biên vào dự-toán. Những khoản thâu-nhập đặc-biệt tới hơn 2 ngàn đồng thời lại phải có phép quan Thống-sứ nữa mới được.

Nói về các khoản chi-xuất (điều thứ 9 và 10). — Chia ra làm hai hạng: chi-xuất thường, chi-xuất đặc-biệt. — Chi-xuất thường lại chia ra: *a*) chi-tiêu về việc hương-chính: *b*) chi-tiêu về việc công-ích; *c*) chi-tiêu về việc tế-tự.

Chi-tiêu về việc hương-chính là những khoản như sau này: tiền phụ-cấp về lộ-phí cho các kỳ-dịch phải lên quan tỉnh hay quan sở-tại, tiền này ước-định là ba hào hay bốn hào một ngày; — tiền công cho tuần (từ nay là ăn-lương của làng, chớ không được lấy tiền lấy lúa của tư-dân); — tiền phụ-cấp cho lý-trưởng thay vào bút-điền trước, cho thủ-quĩ và cho thư-ký, — tiền giấy bút; — tiền sắm đồ dụng-cụ, như bàn, ghế, tủ, v. v.

Chi-tiêu về việc công-ích là những khoản như sau này: bảo-tồn các đình, chùa, miếu, sở chung của làng và tu-bổ thường; — tiền cứu-cấp cho những người ốm-đau tàn-tật và tiền kinh-phí về nhà-thương nhà-đẻ, các nhà-thương nhà-đẻ này nên mấy làng chung nhau mà đặt, lúc mới đầu Nhà-nước sẽ liệu trả lương khán-hộ và cô đỡ cho; — tiền vệ-sinh, thứ nhất là tiền đào giếng và giữ giếng cho sạch-sẽ, nếu làm được những bể lọc nước như làng Thanh-liệt tỉnh Hà-đông thời hay lắm; — tiền học-phí, tiền bảo-tồn nhà trường, trả công thầy giáo; mấy làng họp nhau lại mà lập một trường cũng được; nếu có đủ trường hương-học thời bỏ khoản lương tổng-sư hiện nay còn phải góp cho sổ chi-thu Bắc-kỳ, v. v.

Chi-tiêu về việc tế-tự là những khoản như sau này: tiền mở hội vào đám, các quan phải trông nom cho những khoản này mỗi ngày một bớt đi; — tiền giỗ hậu, lấy lợi-tức hậu-điền mà chi vào và phải theo cái di-ý của người để của lại; — mua những đồ dụng-cụ về hội-hè ma-tray, như kiệu, lọ-lộ, tàn quạt, v. v, khoản này cũng phải giữ cho tiết-kiệm.

Những khoản chi-xuất phi-thường thời lấy ở tiền thâu-nhập đặc-biệt mà chi. Chi-xuất phi-thường như: những việc tu-bổ to về đình chùa miếu sở công, hay là xây dựng mới, dẫn nước, đặt cống, đắp đường, v. v, cùng những khi thiên-tai lụt hạn, chẩn-cấp cho dân đói. — Những khoản này quá hai nghìn đồng phải xin phép quan Thống-sứ, như trên đã nói.

Nói về cách thi-hành sổ chi-thu. — Quyền thi-hành sổ dự-toán là ở một tay chánh-hương-hội, vậy chánh-hương-hội phải chuẩn-chỉ các khoản, trách-nhiệm cũng nặng; phải chọn

người danh - giá và mẫn - cán; lúc mới đầu chắc ít người muốn làm một chức nặng - nề như thế; các quan phải cỗ-võ cho những người khá chịu ra làm; quan Thống-sứ có hứa rằng người nào làm được việc sẽ cho phẩm-hàm. — Tiền bạc thời do thủ-quĩ giữ, có một người thư-ký phụ để biên sổ-sách.

Tiền thu về công-điền công-sản phải theo khế-ước, còn những tiền nộp, phạt, nộp ma, nộp khao, vọng, v. v. theo giá ngạch đã định, người đương sự phải nộp cho thủ-quĩ chiếu giấy tổng-thu (*titre de recette*) của chánh-hương-hội.

Còn các thuế-lệ khác (như thuế trâu bò, thổ trạch, v. v.) phải làm sổ thuế-bạ (*rôles*) biên rõ tên mỗi người dân phải nộp cho làng bao nhiêu định trước, rồi yết - thị cho công-dân đều biết.

Quan Thống - sứ truyền cho quan sở-tại phải giúp cho các làng trong việc thu các thuế cho làng và thuế nhà nước, nghĩa là gặp người nào trây lười không chịu nộp, làng thưa thời quan phải ra tay trừng-trị. Hiện nay lý-trưởng thâu thuế nhà-nước nhiều khi cũng khó-khăn lắm, như có người làng phải đóng thuế mà ở nơi khác, lý-trưởng chưa thu được phải ứng ra, gặp khi như thế thời quan sở-tại phải giúp, đại-khái như bắt khai tên người chưa nộp thuế ấy ở phủ, huyện, tỉnh nào, rồi nhờ quan sở-tại nơi ấy giục hộ hay là thu hộ.

Những khoản chi-xuất dưới 20 đồng thời Chánh-hương-hội được tự quyền chi lấy; nhiều hơn thời phải đem ra cả hội-đồng quyết-nghị. Những khoản chi-xuất phi-thường phải có chữ quan sứ duyệt; tới hai ngàn đồng phải có phép quan Thống-sứ.

Những việc công - tác thường thời đem chương-trình trình quan sứ duyệt; những việc đấu-giá lĩnh-trương hơn 150 đồng thời phải trình giấy hợp-đồng người lĩnh-trương với làng cho quan sứ duyệt.

Trong quĩ có tiền thời làng mới được chuẩn-chi các việc, vậy những khoản thâu nhập, thủ-quĩ phải thúc-giục cho người ta nộp mau, như tiền thu về công-điền phải thu ngay vào đầu năm tây nghĩa là cuối mùa tháng mười An-nam.

Các quan An-nam có chân hội-đồng cải-lương xin rằng các tiền công của làng nên cứ để cho làng giữ lấy. Quan Thống-sứ cũng bằng lòng như thế, nhưng có dự-định rằng khi nào tiền công nhiều thời dân có thể đem gửi kho bạc hay gửi nhà băng được.

Quan Thống-sứ dặn các quan Sứ, quan Tỉnh và quan Phủ-huyện phải trông-nom kiểm-điểm sổ-sách các làng luôn cho khỏi sinh tệ.

Hiện nay chỉ những làng nào 50 đinh trở lên mới phải theo lệ mới, những làng ấy cũng ít lắm, như tỉnh Hải-dương 1022 làng mà chỉ có 12 làng hơn 500 đinh mà thôi. Quan Thống-sứ nói rằng bắt đầu hãng làm in-it thế để kiểm-điểm cho dễ. Ngài có dặn các quan Công-sứ không nên cho phép các làng to phân lập ra nhiều làng nhỏ, như xưa nay thường thấy, mà lại phải khuyên các làng nhỏ nên họp nhau lại mà làm thành làng to, cho những tiền công-phí về hương-chính san-sẻ ra nhiều người chịu thời phần mỗi người sẽ được giảm bớt đi.

Sau hết quan MONGUILLOT khuyên giục các quan Công-sứ nên gia-tâm đốc-suất việc cải-lương này cho được thành-hiệu, vì tài-chính trong hương-thôn được chỉnh-đốn thời các làng sẽ được thịnh-vượng, thực là một sự hạnh-phúc cho dân Bắc-kỳ.

Chính-sách phòng-cơ ở Trung-kỳ. — Quan Khâm-sứ PASQUIER từ khi vào trọng-nhậm Trung-kỳ chủ-ý nhất về vấn-đề phòng-cơ. Ngày 1er Août vừa rồi, ngài gửi cho các quan Công-sứ đầu tỉnh ở Trung-kỳ một tờ chu-tri giải tường về các kế-hoạch ngài dự-định để làm tiệt cái tai đói ở xứ Trung-kỳ. Xin tóm-lược đại-ý tờ chu-tri ấy như sau này.

Ngài nói việc phòng-cơ cứu-cơ là một cái nghĩa-vụ của Chính-phủ. Muốn làm trọn nghĩa-vụ ấy, Chính-phủ phải chủ hai cái mục-đích như sau này:

1o thiết-kế để trừ-tiệt hẳn cái tai đói ở Trung-kỳ;

2o trước khi thi-hành khoản trên được hoàn-toàn, hoặc xảy ra đói, phải dùng cách cứu-cấp ngay.

Sự đói ở Trung-kỳ thường xảy ra luôn, tuy không đến nỗi tai-hại dữ-dội như ở Ấn-

độ, nhưng trong dân mà có một người đến chết đói, thời cũng là quá rồi. Chính-phủ phải tìm phương cấp-cứu.

Muốn trị đói thời trước nhất phải biết cho rõ những khu nào thường phải đói. Quan Khâm-sứ truyền cho các quan Công-sứ phải cùng với quan An-nam và tổng-lý họa một cái bản-đồ các hạt, định cho rõ những « khu đói » (*aires de famine*), vẽ bằng sắc đỏ, rồi đính theo một bản-đồ kê rõ diện-tích mỗi hạt và dân-số bao nhiêu. Những khu đói ấy lại phải tra cho kỹ trong khoảng hai mươi năm từ 1901 đến 1921, cho biết mỗi năm đói ít đói nhiều thế nào, và cách mấy năm lại một lần đói.

Định xong các khu rồi, phải tìm nguyên-nhân sự đói: nguyên-nhân tự-nhiên, như đất xấu, hạn, lụt, trùng, toi, v. v.; nguyên-nhân bất-kỳ, như gió bão, nước triều, hay là miền ấy vốn không cấy được lúa, trước chỉ trông vào cái sản-vật gì để mua thóc mà ăn, mà nay cái sản-vật ấy vì một cớ gì mất đi mất v. v.; nguyên-nhân thuộc về xã-hội, như bần-phú bất-quân, ít người có ruộng, nhân-công không đủ, ít người cho vay, người Khách buôn trữ thóc, v. v.

Đã biết rõ những khu nào là khu thường đói, và nguyên-nhân sự đói thế nào, bấy giờ quan Khâm-sứ sẽ thương-thuyết với sở Công-chính và sở Kinh-tế đặt các phái-bộ những kỹ-sư cùng tay chuyên-môn đến khảo-sát tận nơi, để dự-định các công-trình dẫn-thủy nhập-điền và mở-mang các đường giao-thông, như đặt đường xe lửa, v, v. Dẫn-thủy nhập-điền là cốt để làm cho đất tốt lên, mở đường giao-thông là để vận-tải thóc-lúa chỗ này sang chỗ khác cho dễ.

Các nhà chuyên-môn đã dự-định chương-trình rồi, bấy giờ mới tính đến các khoản kinh-phí. Những công-trình to tát như thế phải phí nhiều tiền lắm, nên phải làm dần dần trong một kỳ hạn lâu-dài, nhưng cốt là làm cho tiếp-tục, đừng có gián-đoạn, vậy quan Khâm-sứ sẽ tìm đường dự tính thế nào cho việc đã khởi đầu làm thời cứ phải làm mãi cho kỳ xong mới thôi.

Nay, trong khi thi-hành cái chương-trình trên chưa xong, nếu xảy ra có đói ở đâu thời phải dùng cách cấp-cứu thế nào? Cứ thực ra thời các quan sứ phải xem xét tình-hình mùa-màng trong mỗi hạt, thấy trong những khu đói hay quanh những khu đói mà gặt-hái kém thời phải phòng-bị trước. Cách phòng-bị tùy từng địa-phương mà định. Đại-khái phải theo mấy cái phương-châm như sau này:

A. Nói về cách vận-tải. — Phải xem trước những đường thủy đường bộ nào là tiện-lợi mau chóng để lâm-thời đem gạo đến cho mau. Lại phàm những xe lửa, xe hơi, xe bò, xe lợn, các thứ xe trong địa-hạt nhiều ít bao nhiêu cũng phải biết trước để lâm-thời có thể dùng mà chở gạo. Lại phải biết những chuyến tàu biển nào ngày nào đáp những bến nào để liệu mà tải gạo ở ngoài Bắc vào hay là trong Nam ra.

B. Chứa sẵn thóc. — Trong địa-hạt những chỗ nào xem chừng có cái nguy-hiểm đói đến thì phải định sẵn nơi chứa thóc và đặt kho để chứa, giao cho lính khố-xanh coi. Nên chọn những chỗ nào vận-tải giao-thông dễ và ở vào trung-tâm khu đói.

C. Mua thóc. — Mua thóc do phủ Khâm-sứ thương-thuyết với quan Toàn-quyền mà mua. Mua thóc chớ không mua gạo, thóc vận-tải có nặng hơn gạo một chút, nhưng để được lâu, mà lại có thể dùng làm mạ được. Nếu có cần đến thời phủ Khâm-sứ sẽ xin với quan Toàn-quyền cấm xuất-cảng gạo ở trong Nam ngoài Bắc để cho Trung-kỳ trữ được đủ thóc đã. Song kế sau ấy tưởng cũng không cần dùng đến mấy khi, vì tuy vậy số thóc cần để cứu-cơ kể ra cũng không nhiều gì cho lắm; cứ lấy số trung-bình mà tính, những khi đói kém thật nhiều, bất quá chỉ từ 10.000 đến 30.000 người thiếu ăn mà thôi. Nếu ước mỗi người mỗi tháng cần đến 10 cân tây (*kilos*) gạo, thời số gạo để cứu-cơ trong một tháng ước độ 100.000 đến 300.000 cân mà thôi; vì cho đói lâu lắm là sáu tháng thời phải cần đến 1.800.000 cân gạo, tức là 2.400.000 cân thóc, nghĩa là 2400 tấn mà thôi.

D. Phát thóc. — Thóc ấy sẽ đem phát cho dân đói, nhưng mà không phải là phát không, chính là phát cho vay để đến mùa sau phải trả, mà trả bằng tiền theo thời-giá lúc trả, hơn nhà-nước được lợi, kém nhà-nước chịu thiệt. Vì xét ra cách phát chẩn xưa nay không tốt, chỉ đủ khiến cho dân sinh lười, không chịu khó mà làm ăn. Nhưng mà cách phát thóc cho vay này cũng phải làm cho giản-dị, không nên dùng giấy-má lôi-thôi quá mà phiền dân. Việc phát thóc này các quan-lại Tây Nam, bất cứ thuộc vào ngạch nào, ngạch cai-trị, ngạch giáo-học, ngạch thương-chính, ngạch lục-lộ, đều phải giúp vào một tay, vì cứu-cơ cũng như cứu-hỏa, ai ai cũng phải giúp một phần.

E. Đặt những xưởng cứu-cơ.— Cách này là cách thường dùng xưa nay, hễ gặp khi đói kém thời Nhà-nước hay bày ra công việc làm để họp những dân đói lại cho mà làm rồi trả công bằng thóc gạo cho mà ăn. Quan Khâm-sứ xét cách ấy mà dùng đương khi dân đã đói rồi thời không hay, vì họp những dân đói khát lại một nơi, không những làm không được việc mà thường ốm yếu sinh ra tật bệnh. Cách này nên dùng ngay khi xem ra sắp đói đến nơi thời mới có lợi. Vả những việc bày ra để làm phải là những việc không cần-cấp lắm, như đắp các đường nhỏ, đào các cống thông, lấp hồ, lấp ao, trồng cây, v. v. Trả công thời trả bằng thóc gạo.

F. Vệ-sinh cho dân đói. — Cho dân đói có gạo mà ăn chưa đủ, còn phải giữ cho khỏi tật bệnh nữa, vì đói hay sinh bệnh. Vậy mỗi một khu đói phải đặt một sở cứu-bệnh, lâm-thời phải thày thuốc và khán-hộ đem thuốc về để phòng-bị và chữa bệnh cho dân đói. — Đó là phòng-bị cho sức khỏe, lại phải hộ-vệ cho sinh-mệnh tài-sản người dân trong vùng bị đói, vì hễ khi đói thời sinh ra trộm cướp nhiều. Phải phái quan khố xanh cho lính về đóng các nơi ách-yếu để trừ những kẻ gian-phi.

G. Các nghĩa-thương. — Hiện các làng đã nhiều nơi có những kho trữ thóc gọi là nghĩa-thương. Nghĩa-thương là riêng của dân làng đặt ra, cũng có thể giúp cho cái chính-sách cứu-cơ của nhà-nước được nhiều. Quan nên khuyến-lệ cho dân lập ra nhiều.

H. Vi c cứu-cơ là việc nghĩa-vụ, mà lại cần-cấp như cứu-hỏa. Vậy không cứ quan-ân, ai ai cũng phải nốt sức giú p vào.

Nay thi-hành cái chính-sách cứu-cơ ấy phải cần đến tiền, thứ nhất là tiền để mua thóc. Như một vụ đói vừa-vừa thời cứ chiếu như số thóc trên kia đã tính phải cần đến 80.000p. ; đói lắm thời đến 200.000p. là cùng. Số tiền ấy kho dự-bị của Trung-kỳ cũng thừa đủ, phủ Khâm-sứ lâm-thời sẽ trích ở kho ấy mà mua thóc. Vả lại tiền ấy xuất ra rồi đến mùa sau dân lại trả lại, dẫu chánh-phủ có thiệt cũng vô-kỳ.

Quan cai-trị Marty đã ở Pháp sang. — Quan cai-trị MARTY là một người có chân sáng-lập ra bản-chí, năm ngoái về Tây nghỉ, đầu tháng này đã trở lại Đông-Pháp.

Các bạn đọc báo chắc đã biết tiếng quan MARTY. Trước khi về nghỉ bên qui-quốc, ngài làm ti-trưởng Tòa Chánh-trị ở phủ Toàn-quyền, là một cái cơ-quan trọng-yếu của chánh-phủ Đông-Pháp. Một tay ngài đã cùng với hai chủ-bút bản-chí sáng-lập ra Tạp-chí *Nam-Phong* này, lại cùng với các bậc danh-giá trong nước ta đề-xướng ra Hội *Khai-trí tiến-đức*, năm đầu ngài làm hội-trưởng, sau vì bận công việc nhường chức ấy cho quan Tổng-đốc HOÀNG. Ngài là người Đại-Pháp mà thật là có hụng với người An-nam lắm, thủy-chung vẫn hết lòng giúp vào những việc công-ích cho dân ta. Đối với bản-chí thời ngài không những là một chân sáng-lập, một tay tán-trợ, mà lại là một người bạn rất đáng mến đáng yêu. Ngài đi vắng hơn một năm trời, bản-chí đồng-nhân vẫn thường tưởng nhớ uôn, nay lại được trông thấy về đây bình yên mạnh khỏe, thật lấy làm vui mừng lắm.

Khi về nghỉ bên qui-quốc, quan MARTY đã kết-hôn với con gái quan thượng-tướng PEDOYA. Phu-nhân hiện nay còn ở Pháp, độ mấy tháng nữa mới sang đây.

Quan MARTY về đây lại tòng-sự ở Phủ Toàn-quyền, nghe đâu ngài sẽ lĩnh chức ti-trưởng tòa Hành-chánh, thay quan cai-trị hạng nhì LEBRUN mới có nghị-định đổi về về làm chủ tỉnh Cần-thơ, trong Nam-kỳ.

Đứng đầu tòa Chánh trị ở phủ Toàn-quyền bấy giờ là quan cai-trị LACOMBE cùng với quan MARTY là chỗ bạn thân. Quan LACOMBE cũng là một tay tán-trợ hữu-lực của bản-chí. Ngài là một quan cai-trị sắc-sảo và có cái chính-kiến cao rộng. Ngài cũng có chân trị-sự hội Khai-trí tiến-đức.

Quan Thượng Thân Trọng-Huề về Kinh. — Sự thăng-thuyên là một việc thường trong quan-giới. Mở tờ nhật-báo, thường đọc thấy : « Quan Thượng nọ đổi tỉnh này sang tỉnh khác ; quan Phủ kia thăng hàm thuộc lên hàm đường, v. v. » ; trừ những ông được thăng-thuyên cùng những kẻ môn-hạ của các ông ấy, người ngoài tưởng không ai lấy những tin-tức ấy làm quan-trọng cho lắm. Cớ sao trong khoảng ngót một tháng nay khắp dư-luận trong nước đều đồng-thanh cả tiếng mà hoan-nghênh cái tin một vị đại-thần mới có sắc-chỉ triệu về Kinh để sung chức bộ-trưởng trong Triều ? Là bởi vì vị đại-thần này không phải giống như các vị đại-thần khác, vị đại-thần này chính là quan Thượng THÂN TRỌNG-HUỀ vậy. Cứ nghe thiên-hạ đọc ba chữ tên ấy cũng đủ biết cái lòng kính mến của quốc-dân đối với ngài đằm - thắm và sâu-xa biết đường nào ! Bởi sao mà quốc-dân đối với quan Thượng Thân lại có cái cảm-tình đặc-biệt như thế ? Không phải là bởi ngài chức trọng hàm cao, không những là bởi ngài thế - thần huân - nghiệp, chính là bởi cái thanh - giá của ngài là một bậc thượng - quan thanh-liêm cần-cán, chính-trực công-bằng, lại là bởi cái tấm lòng trung-quân ái-quốc của ngài, thường thổ-lộ ra những lời nói cần văn, mà đã thấm-thía vào trong lòng trong óc những kẻ hữu-tâm về thời-thế. Ấy bởi thế nên ngày nay được tin ngài sắp lại Kinh để đem cái lịch-duyệt bấy lâu nay cống - hiến cho Triều-đình mà làm một tay bầy-tôi thân-tín của Ngô-Hoàng, phàm kẻ thức-giả trong nước ai cũng lấy làm vui mừng, vui rằng Triều-đình đã tìm được một cái cột cái vững, mừng rằng Ngô-Hoàng đã chọn được một tay giúp việc hay. Nhưng mà trong sự vui mừng ấy lại có một chút kỳ-vọng cao-xa nữa : là mong rằng từ nay Vua hiền tôi giỏi, như cá nước gặp nhau, việc triều-chính tất có ngày canh-cải, điều tệ-đoan đã đến lúc tiêu-trừ, chốn cố-đô sẽ mở ra một nền tân-chính, hợp với sự yếu-cần đời nay, thời may cho cái tiền-đồ nước Đại-Việt ta biết bao nhiêu !

Một người có lịch-duyệt, có khí-khái, lại có tài-học như Thân đại-nhân, dẫu lĩnh bộ nào cũng không phải là không xứng-đáng. Nay Hoàng-thượng đồng-ý với quan Khâm sứ Kinh định giao ngài lĩnh bộ Học, tưởng lại càng xứng-đáng lắm nữa, vì ngài lâu nay vẫn để tâm về việc giáo-dục, và vốn lại là người học-vấn yêm-bác Âu-Á, kiêm-thông, thật là có đủ tư-cách để cải-lương chấn-chỉnh việc học trong nước đương cái buổi thay cũ đổi mới này. Cổ-học nên bảo-tồn thế nào, tân-học nên chấn-hưng làm sao, trường Giám nên duy-trì thế nào để giữ lấy di-tích hán-học cũ, sử quán nên sửa sang làm sao để làm thành một cuộc tu-thư mới, tòa Hàn-lâm có nên lập không, sách Tự-điển có nên làm không, sách cũ nên biên-tập thế nào, sách mới nên dịch-thuật làm sao, thứ nhất là sự phổ - thông giáo - dục nên điều-đình với Chính-phủ Bảo - hộ để sửa sang thế nào cho thích-hợp với trình-độ và sự yếu-cần của quốc-dân, đó là những vấn-đề hướng-lai ngài vẫn nghị-luận nghiên-cứu, nay quyền-chức đã đến tay, chắc sẽ ra công giải-quyết thực-hành cho được thập-phân thỏa-đáng.

Nay trong cái cảm-tình chung của quốc-dân đối với Thân đại-nhân, cái cảm-tình riêng của bản-chí lại có phần thân-mật hơn nữa. Ngài là một người tán-trợ của bản-chí, nhưng ngài không phải chỉ đứng tên tán-trợ mà thật đã thực - hành cái chức-trách tán-trợ. Ngài thường khuyên-bảo chỉ-vẽ cho đồng-nhân về đường ngôn-luận đời nay, thỉnh-thoảng ngài lại cho cái hân-hạnh được đăng một bài trường-thiên đại-luận, mỗi lần in ra ảnh-hưởng vô-cùng. Vậy trong sự vui mừng chung đối với cái tin lại Kinh của Ngài, bản-chí lại có cái vui mừng riêng, là vui mừng một vị ân-nhân được Triều-đình và Bảo-hộ một lòng tín-dụng vậy.

Sau đây xin trích-lục mấy bài báo quốc-văn ở Bắc-kỳ cho biết dư-luận trong nước đồng-thanh hoan-nghênh cái tin hồi Triều của Thân đại-nhân thế nào.

I

Quan Tổng-đốc hiệp-tá đại-học-sĩ Thân Trọng-Huề mới có chỉ triệu về Kinh sung chức bộ-trưởng. Nghe được tin ấy, thật cử-quốc đều ca-tụng đắc-nhân. Cái tài-học của ngài, cái phẩm-cách của ngài thì phàm những người đã được biết ngài, dù người Tây người Nam, ai cũng phải đồng-thanh tán-phục. Cái chính-

tích của ngài, cái liêm-tiết của ngài thì phẩm những dân đã được nương bóng dưới cây đường, ngàn muôn miệng còn tạc bia di-ái. Kể trong quan-giới nước ta bây giờ, nói về phẩm-trật thì người bằng ngài mà có người hơn ngài nữa cũng là chán, nhưng nói về tài-học, về phẩm-cách, về chính-tích, về liêm-tiết thì người như ngài hồ-dễ có mấy ai. Sự nghiệp ngài còn lớn, vinh-dự ngài còn dài, đây chưa phải là một bài kể về lịch-sử ngài và những cái đó đều đã tỏ rõ ở trong lỗ tai con mắt mọi người, không cần phải thuật ra làm gì nữa. Đây chỉ xin giải bày mấy lời dư-luận đối với cái tôn-chỉ triệu ngài về bộ đó có những cái hi-vọng gì tốt cho Triều-đình ta và quốc-dân ta.

Ở nước ta bây giờ cái tình-hình chính-trị xử vào một cái cảnh-ngộ riêng; trong thì phải dìu-dắt cho một dân cũ y-quan văn-vật mấy ngàn năm; ngoài thì phải đề-huề với một nước lớn văn-minh phú-cường nhất thế-giới: làm một nhà chính-trị ở một cái nước địa-vị khó-khăn như thế, nệ-cổ cả cũng không được mà tòng-tân cả cũng không nên, cái phương-châm thi-thố phải làm sao cho thích-hợp với nền-nếp xưa nay, lại phải làm sao cho thuận-ứng với phong-trào thời-thế, tất là phải những bậc thông-tài thạc-triết, cựu-học giả mà tân học cũng thủy thi ứng-phó mới khỏi sai-lầm. Ngài vốn là người trong nho-học mà đã từng có đi du-học bên Đại-Pháp, Pháp-học ngài cũng vào bậc tinh-thâm; chế-độ điển-chương của bản-quốc, ngài đã không di-lậu chút nào, mà chính-trị pháp-luật của Âu-châu, ngài cũng lại am-tường hết thảy; lấy cái sở-học ấy mà suy ra sở-dụng thì duy-tân mà không đến canh-trương quá-sậu, tồn-cổ mà không đến chấp-ảo bất-thông, quốc-chính tất có nhiều vẻ thanh-minh, triều-cương tất có nhiều bề chấn-chỉnh; ấy là một cái hi-vọng tốt cho Triều-đình ta.

Ở nước ta bây giờ cái tích-tệ thứ nhất khó trừ là cái tệ-tập quan tham lại nhũng; đã bao phen Nhà-nước tăng bổng để dưỡng-liêm, chỉ dụ thân-sức để khuyến-liêm, mà cái thói dung tang thụ lộ, nghe đâu vẫn chưa thấy giảm bớt chút nào, đến nỗi có một báo Tây kia đã phải phàn-nàn rằng: Cái nạn ăn cướp bị với giặc Khách đã dẹp xong, mà cái nạn ăn cướp bị với quan-trường chưa thoát khỏi. Ôi! đặt quan phân chức cốt để vì dân; cái bổn-phận quan-lại là phải lo hưng lợi trừ tệ cho dân; nếu cái tệ-tập tham-nhũng không trừ, thì dù trên Chính-phủ có lương-pháp thiện-chính đến thế nào, cũng không mong gì thừa-hành khỏi tệ mà có lợi được. Ngài sinh-bình vẫn bão-phụ cái chí chấn-chỉnh quan-trường, đã từng có phát-biểu ý-kiến ở trong tạp-chí *Nam-Phong*, nay được quyền-bính vào tay thì việc ấy tất làm cho đến kỳ được. Vả đức Khổng-tử có nói: « Mình là người trên lấy xướng-suất người thì kẻ dưới ai dám không chính. Người trên như gió, người dưới như cỏ, gió đến đâu thì cỏ phải lướt theo. » Ngài làm quan thuở nay vốn có tiếng thanh-liêm, lịch-lý trung ngoại gần hai chục năm mà trong nhà không có tí gì dư-sức, thân-danh ông tổng-đốc mà ăn-mặc hàn-tố vẫn như lúc thư-sinh, không hệ-lụy gì đến thanh-sắc hóa-lợi cả, đãi người nhất-luật bình-đẳng, một đời không biết a-phụ quyền-qui, lăng-ngược ngu-tiện là cái gì, đem một cái gương giá trong ngọc trắng như thế mà làm tiêu-biểu cho bách-liêu thì kẻ tân hạ mị thượng tất có lòng kiêng, kẻ túng dục tuẫn tài tất có bụng sỉ, mà cái tệ-tập quan tham lại nhũng, may ra có thể trừ-tuyệt được chăng; ấy lại là một cái hi-vọng tốt cho quốc-dân ta.

Ở nước ta bây giờ cái cấp-vụ thứ nhất là phải khai dân-trí. Dân-trí không phổ-thông thì trăm nghiệp đều đành phải bỏ hoang mà nước mong gì giàu, người mong gì mạnh. Ngài hướng-lai không hề lúc nào những bỏ cái vấn-đề ấy, từ lúc còn làm quan nhỏ đã có sớ xin bỏ khoa-cử, đương lúc cả nước còn túy-tâm về cái học cử-nghiệp mà ngài đã có cái kiến-thức như thế thì biết ngài lưu-tâm về sự khai dân-trí đã lâu; tuy vô-vị vô-quyền, cái kế-hoạch không triển-bố ra được, nhưng bao giờ cũng vẫn lấy khai-đạo quốc-dân làm trách-nhiệm, nào phát-khởi hội Pháp-học-bảo-trợ, nào sáng-lập hội Khai-trí-tiến-đức, các hội công ở Bắc-kỳ hội nào ngài cũng cổ tán-trợ. Thậm-chí trong lúc bạ-thứ lao-lực mà được chút thì-giờ nào rảnh-rỗi cũng đem cống-hiến

nết về việc làm báo, diễn-thuyết, ngôn-luận cổ-xúy để truyền-bá tư-tưởng, cảnh-giác mê-mộng cho quốc-dân ; nay được quyền-bính đến tay, tất đem hết cái chí-nguyện bình-sinh mà trù-tính mọi bề, giúp cái công-cuộc khai-hóa của quí chính-phủ Bảo-hộ đương làm cho trong nước dân-trí được chóng khai-thông, nhân-tài được chóng tiến-bộ, ấy lại là một cái hi-vọng tốt cho quốc-dân ta.

Thăng quan tiến chức là một sự thường, ngài vốn không tự lấy làm vinh mà quốc-dân ta cũng không lấy cái đó làm đủ mừng cho ngài vậy. Mừng là mừng Triều-đình ta được một vị trọng-thần, qui chính-phủ Bảo-hộ được một tay bang-thủ, quốc-dân ta được một người cầm cân nẩy mực xứng-đáng để bước lên con đường tiến-hóa văn-minh.

(*Trung-Bắc tân-văn*)

II

Mấy kỳ trước bản-quán đã đăng tin rằng : Cụ Hiệp-tá Thân Trọng-Huề đại-nhân đã đắc-chỉ hồi Kinh, để lãnh chức Thượng-thư Học bộ kiêm Binh-bộ. Nay cái tin ấy đã là tin xác-thực, nghe đâu cụ cũng đã chỉnh-lý hành-trang định trong một hai tuần lễ thì khởi-trình.

Cụ là một bậc cao-quan mà lâu nay vẫn có lòng cổ-lệ về đường dư-luận, xem những lời đại-luận của cụ đăng ở tạp-chí *Nam phong* thì đủ biết cái chánh-kiến của cụ là thế nào. Từ khi bản-báo mới xuất-bản, cụ lại biểu đồng-tình có một bài mừng báo ; không những chỉ mừng cho quốc-dân ta được rộng đường ngôn-luận mà thôi đâu, cụ lại tán-thành cái chủ-nghĩa bản-báo mà chủ-bảo những cách dư-luận về con đường thực-nghiệp. Cụ ra làm quan ở Bắc-kỳ ta ước 16, 17 năm trời, từng lấy sự học-thức, sự lịch-duyệt mà thi-triển về đường chánh-trị. Cái bụng công-bằng, cái lòng thanh-liêm của cụ, tưởng dân Bắc-kỳ ta ai ai cũng lấy làm kính phục. Ôi ! công-bằng và thanh-liêm ! mấy chữ ấy vẫn là cái đức-tính hiếm có ở đời này, nhưng nếu đem bốn chữ ấy mà kính tặng cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân, thì chúng tôi dám chắc rằng không có ai dị-nghị.

Ngày nay cụ dời chân ở xứ Bắc-kỳ mà hồi Triều lãnh trọng-chức, thì dân Bắc-kỳ tuy rằng nhớ tiếc cụ, nhưng mà nghĩ ra cho rộng, thì lấy làm mừng. Sự mừng ấy không những chỉ mừng rằng cụ được quyền cao chức trọng mà thôi đâu; chính vì Cố-quốc mà mừng vậy. Đức Hoàng-thượng ta từ khi đăng-cực đến nay, vẫn chăm lo về sự chỉnh-đốn quốc-chính, chúng ta thử lãnh hội các chủ-nghĩa của đức Hoàng-thượng tuyên-bố mà cụ Thân đại-nhân đã cung-dịch Thánh-ý trong kỳ báo *Nam-phong* vừa rồi thì đủ biết. Vả lại Quan trú Kinh Khâm-sứ Pasquier đại-nhân, ngài là một vị văn-thần và một người rất thương dân Nam-Việt, lòng thương yêu ấy ngài đã tuyên-bố trong quyển sách « Cổ Annam » khiến cho độc-giả đều lấy làm cảm-động. Trên nhờ đấng Chí-tôn và quan Đại-biểu của Chánh-phủ bảo-hộ, đã đốc lòng thương dân như thế, nếu các ngài phụ-tá mà tận-trung, kiệt-lực, vì dân vì quốc, sửa-sang chánh-trị trong nước, thì cái vận-hội mai sau của tổ-quốc mình, may cũng có ngày được vinh-hoa tỏ-rạng. Hiện nay các bậc lão-thành tại Triều cũng vẫn đương gia-tâm chú-ý về sự phò vua giúp nước, vì tấm lòng ưu-ái rất quan-trọng ấy, mà các ngài muốn được có chánh-nhân quân-tử để cùng giúp một tay trong triều-chánh. Cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân hồi triều kỳ này, thật là một cái cơ-hội rất may cho Việt-nam tổ-quốc ta, chúng ta đáng lấy làm vui mừng vậy.

Nói về phần cụ, thì cụ là một người cương-trực, vì sự cương-trực ấy mà đường lập-công lập-danh cũng nhiều lúc nghiêu-khê. Nhưng trong lòng cụ vẫn đinh-ninh một niềm ưu-ái. Gặp lúc truân-kiền cũng yên lòng, gặp khi vinh-hoa cũng chẳng lấy làm đắc-chí, miễn luyện tập lấy tài lịch-duyệt, nghiên-cứu lấy tri-thức, chờ đến ngày trọng-dụng thì cúc cung tận tụy mà làm cho hết cái trách-nhiệm của mình đối với tổ-quốc và đối với nhà nước Bảo-hộ. Thế thì ngày nay cụ hồi triều, tức là ngày cụ lo làm cái nghĩa-vụ của một bậc trung-thần đối với vua, một nhà nam-quan đối với nhà nước Đại-Pháp, một người đại nhân-vật có trọng-vọng đối với quốc-dân ta vậy.

Có người nghe tin Cụ Hiệp-tá Thân đại-nhân hồi triều lãnh chức Thượng-thư Học-bộ và Binh-bộ, thì trong lòng lấy làm lạ ; vì cụ là một nhà pháp-luật danh-gia của nước ta, mà

cái học-thức về pháp-luật cụ vốn học-tập ở bên Đại-Pháp. Mấy năm ở Bắc-kỳ cải-lương pháp-luật, cụ cũng có một phần lớn về sự tu-luật. Cụ sung chức ở tòa Thượng-thẩm, đã cùng với các qui-quan cầm cân nảy mực cho dân toàn-kỳ ta được nhờ. Nói tóm lại cụ là một nhà luật-học mà có rất nhiều lịch-duyệt về đường tư-pháp vậy.

Tuy vậy, cụ cũng là một nhà rất nhiệt-tâm về sự giáo-dục, năm Thành-thái thứ 15 cụ ở Kinh đã dâng một bản điều-trần xin bỏ lối khoa-cử hư-văn, mà chỉnh-đốn về học-vụ; cụ ở Bắc-kỳ tổ-chức ra hội Pháp-học bảo-trợ, để giúp cho học trò đi du-học bên Đại-Pháp. Xét như thế thì việc học cũng là một việc cụ rất vui lòng mà đảm-nhiệm vậy. Tuy việc học của nước ta ngày nay, hầu hết đã về quyền chủ-trương của chánh-phủ Bảo-hộ, nhưng thuộc về đường tri-thức thì như thế đã đành, còn thuộc về đường căn-bản của nước nhà thì Bộ Học cũng còn nhiều vấn-đề rất là quan-trọng: Trường Quốc-tử-giám là một trường cổ-học của nước ta, khoa-cử tuy bỏ, trừ trường Quốc-tử-giám không có thể đổi hình biến tướng đi được. Nước Nam là một nước đã có cổ-học, thì nên để trường Quốc-tử-giám mà thu-dụng một ít nhân-tài để nghiên-cứu về đường cổ-học, tưởng điều ấy cũng không phí-tổn gì là mấy mà duy-trì được một nền cổ-học của nước nhà. Đổi trường Quốc-tử-giám làm trường Pháp-việt, thì cũng không ích gì cho sự giáo-dục, mà hóa ra trường Quốc-tử-giám tuyệt-tích, cổ-học cũng nhân đó mà mai-một vậy. Ấy là một cái vấn-đề Bộ Học phải nghĩ đến.

Về sự tu-thư, nước ta học theo Tây-học, có sách vở chữ Pháp đã đành, nhưng không lẽ học chữ ngoài mà công-chuyện sự-tích của bản-quốc không biết đến. Về văn quốc-ngữ và sự-tích bản-quốc, chưa có sách vở chính-đáng cho học trò học; phần nhiều những nhà làm sách để in bán, thì vì sự kinh-tế phải làm toàn những sách cho đẹp lòng người xem để bán cho đắt hàng, không có thể dùng về việc học được. Cái công-phu trước-thuật ra những giáo-khoa-thư thuộc về phương-diện bản-quốc cho quốc-dân học tập, ấy là cái trách-nhiệm của Nam-triều, mà trách-nhiệm ấy thì chuyên thuộc về trách-nhiệm Bộ Học.

Về sự thư-viện. Nước ta là nước văn-hiến mấy nghìn năm nay, thì trong nước tất phải có một nơi trữ-tồn những cổ-tích di-thư để cho người sau được khảo-cứu; trong Kinh ngày nay tuy đã có thư-viện mà sự tổ-chức chưa được hoàn-toàn. Thế thì Bộ Học phải kịp bắt chước theo cách tổ-chức thư-viện của các nước văn-minh ngày nay, mà sửa đặt một nhà thư-viện cho hoàn-toàn vậy.

Ba vấn-đề đã kể trên này là sự quan-trọng của Bộ Học, cụ Hiệp-tá Thân-đại-nhân ắt cũng đã xét đến. Thế thì chúng ta ngày nay mừng cụ hồi triều lãnh Thượng-thư Bộ Học, xin đem mấy vấn-đề ấy mà kính trình với cụ.

(*Thực-nghiệp dân-báo*)

III

Đã có tin chắc rằng quan Hiệp-tá Thân Trọng-Huề đại-nhân được thuyên thăng về Kinh, trọng-nhiệm chức thượng-thư bộ Học kiêm bộ Binh. Trong một vài tuần lễ nữa thì ngài đăng-trình. Vậy bản-báo xin gọi là có mấy lời tiễn mừng này để biểu chút cảm-tình với ngài, và nhân thể giãi bày cái cảm-giác của đồng-nhân đối với sự ngài được thuyên thăng đó là thế nào.

Thân đại-nhân vốn là nhà thế-gia, mà lại là một nhà có công từ buổi khai-quốc, có thanh-đức làm mô-phạm cho xã-hội, có lưu-phong di-vận truyền mãi-mãi trong lịch-sử nước nhà. Ai từng đọc những bài lược-truyện các đấng tiên-công mà ông Nguyễn Bá-Trác đã sưu-tập đăng trong *Nam-Phong*, thì đủ biết hai chữ «thế-gia» của nhà ngài cũng khác với thế-gia của nhà người ta vậy.

Vì ngài đã thác-sinh vào cái thế-gia đặc-biệt như thế, nên đối với nhà thì nặng hơn người ta về chữ hiếu, đối với nước thì nặng hơn người ta về chữ trung; mà cái đức-vọng huân-nghiệp của ngài đều do đó mà ra vậy. Cái đức-vọng huân-nghiệp ấy hẳn lại bắt đầu từ đây mà càng thêm đồ-sộ vẻ-vang!

Ngài từ thuở thiếu-niên, bỏ học khoa-cử mà nghiên-cứu chữ Pháp, thật là một bậc tiên-tiến trong tân-học-giới nước ta. Ngài lại có sang Đại-Pháp du-học, sau về nước, lịch-nhiệm trong triều ngoài quận, trứ-danh trong đám quan-trường. Ngài được di-bổ ra Bắc-kỳ ta 16, 17 năm nay, giúp Chính-phủ,

Bảo-hộ về việc tư-pháp ; một lấy lòng công-bình liêm-chính mà ứng-tiếp mọi đường, xử-trí mọi việc, nên trên được Chính-phủ kiến-trọng, dưới được quốc-dân kính-phục. Đang thời-buổi này, trong hàng quan-lại, dầu lớn dầu nhỏ, mấy ai đã khỏi mang tiếng-tăm, đeo ti-tích ; song đến ngài thời tưởng cũng không ai mà chỉ-trích ra điều gì được. Ôi ! Đồng-nhân chúng tôi dám cả-quyết nói lời này mà không hổ-thẹn : Ngài thật đáng một vị đại-thần đời nay.

Ấy là lược-kể về hoạn-tích của ngài ; còn như về đường ngôn-luận nước ta, nghĩa là về cái nhiệm-vụ của các nhà báo, thì ngài cũng thật là có công lắm. Về việc ngôn-luận của ngài, bản-báo có biết được một cái *sớ xin bỏ khoa-cử, đổi học-thức*, ngài dâng năm Thành-thái thập-ngũ-niên. Sớ ấy thật là một cái giáo-tiên cho ngôn-luận-giới nước mình. Mấy năm nay, báo quốc-ngữ mở nhiều, ngài rất có cảm-tình riêng với các báo-quán. Nhất là Tạp-chí *Nam-Phong*, lâu lâu lại thấy chánh-ngôn thẳng-luận của ngài. Bản-báo lúc mới xuất-bản, cũng có được ơn ngài chỉ-giáo; đồng-nhân chúng tôi, về việc đó, xin có lời cảm tạ ngài. Mới rồi, ngài có bài « Cung-dịch Thánh-ý » đăng trong *Nam-Phong*, phu-diễn ý của Hoàng-thượng về ba điều, rất là châu-chỉ thiết-thực, ai đọc đến đều chịu là nghị-luận xác-đáng.

Vả, Hoàng-thượng từ ngày lâm-ngự đến nay hết lòng lo việc dân việc nước, trông có người hiền-tài để giúp đỡ mọi việc trong lúc chấn-chỉnh triều-cương. Mà nghe chừng như các quan đại-thần trong bộ, nhiều ngài sắp cáo lão, vì các ngài đã già-nuổi tuổi-tác, răng rụng đầu bạc, ra công phò vua giúp nước chốc ba, bốn, năm mươi năm nay, nay tâm dầu còn mà lực đã kiệt, cho nên buổi này chính là buổi Hoàng-thượng trông-tưởng nhân-tài, mà cũng là buổi quốc-dân ngóng cổ hầu xem tân-chính.

Chính trong buổi đó, quan Hiệp-tá Thân Trọng-Huề được về làm thủ-hiến cả hai bộ, mà Thân đại-nhân lại là bậc đại-thần ta kính-trọng bấy nay, vậy thì cái hi-vọng của quốc-dân đối với ngài là dường nào !

Tuy vậy, xin quốc-dân đừng vội ! Trong đường chính-trị, có một mặt cấp-tiến, và một mặt hoãn-tiến. Cấp-tiến thì khoái cho nhất-thời, mà về sau thu-thập cho đâu vào đấy rất là chẳng dễ ; hoãn-tiến thì ngờ như chậm chạp, mà đến lúc thành-công được chắc-chắn. Nước ta bây giờ thật là mọi sự đều nên thay cũ đổi mới, song cũng vì mọi sự cũ nên thay ấy nó đã thâm-căn cố-đế, hỏ dễ đã một ngày mà trừ bỏ hết được sao ? Huống chi xưa nay cái công-nghiệp cách-tân, cũng chẳng phải một hai người làm nên được. Vậy thời quốc-dân ta cũng không nên hi-vọng về đăng cấp-tiến, kẻo sau này thành thất-vọng.

Ngày nay, quan Hiệp-tá Thân về triều, ta chỉ nên mong một điều rằng ngài lấy cái ôn-hòa thủ-đoạn mà sửa-sang mọi việc lâu nay đã nhẵng bỏ. Nhứt là về việc bộ Học. Nước ta hiện có một việc rất quan-trọng là việc lập-thành chữ quốc-ngữ. Chữ quốc-ngữ tuy đã thông-hành, song tự-điển chưa có, mẹo chưa có, các sách-vở chính-đáng còn ít-ỏi lắm, thế thì chẳng nên lấy quốc-quyền bồi-thực cho nó mau thành lập sao? Việc đó chắc là Chính-phủ Bảo-hộ không có thể làm được mà thành ra chuyên-trách của Bộ học ta vậy. Ngoại-thử còn như việc trường Quốc-tử-giám, nhà Thư-viện, sở Quốc-sử-quán, cũng là thuộc về phạm-vi bộ Học, mà đều là việc nên chấn-chỉnh lại cả. Thế thì bộ Học là chức quan-trọng lắm, nhiều việc lắm.

Ai đã biết lịch-sử quan Hiệp-tá Thân, đã biết ngài bình-sinh gặp nhiều cảnh-ngộ khó-khăn, mà đều bước qua trót lọt, thì mới tin và phục ngài có cái thủ-đoạn ôn-hòa. Vậy, trong cuộc hồi-triều này giám đoán rằng ngài chắc thành-công ; trên không phụ lòng Hoàng-thượng cầu hiền, dưới ngõ thỏa lòng quốc-dân tưởng-vọng !

Còn như ngài, vốn là sinh-trưởng nơi Kinh-quốc, bấy lâu bất-đắc dĩ mà phải cách xa non Ngự sông Hương, tấm lòng lăng-miễn

giang-hồ, biết bao thổn-thức! Mà bây giờ được gần nơi ngọc-khuyết, giải tấm lòng ưu-ái bấy nay, thì hân-hạnh riêng cho ngài biết ngần nào! Đồng-nhân chúng tôi lại xin có lời mừng riêng cho ngài vậy.

Luân-lý lập giống người, trên ngay nước, dưới thảo nhà, trải muôn kiếp vẫn còn mãi với sông với núi!

(*Khai-Hóa nhật báo*)

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC

Tiệc tiễn quan Phó Hội-trưởng Thân Trọng-Huề. — Quan Hiệp-tá Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ là phó Hội-trưởng Hội ta mới được chỉ triệu hồi Kinh để sung chức Học-bộ kiêm Binh-bộ Thượng-thư, chừng cuối tháng mười tây này thời đăng-trình. Nhân dịp vui mừng ấy, tòa trị-sự định mời các hội-viên hội-đồng quản-trị góp đặt một bàn tiệc tiễn để tỏ lòng kính mến của đồng-nhân trong Hội đối với Thân-đại-nhân. Các ông hội-viên đều vui-vẻ dự phần vào đông lắm. Tiệc đặt ngày thứ năm 6 Octobre, hồi 7 giờ chiều, ở tại nhà ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc, vì nhà hội còn sửa-sang chưa xong. Dự tiệc có các ngài kể tên sau này:

Quan Hiệp Thân Trọng-Huề, quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu, quan Thiếu Đặng Đức-Cường, quan Thượng Phạm Văn-Thụ, quan Thượng Trần Văn-Thông, quan Thượng Chế Quang-Ẩn, quan Tuần Nguyễn Văn-Bân, quan Tuần Vũ Ngọc-Oánh, ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông Phạm Quỳnh, ông Nguyễn Bá-Trác, ông Lê Văn-Phúc, ông Phạm Duy-Tốn, Nguyễn Hữu-Thu, ông Bạch Thái-Bưởi, ông Lê Văn-Thược tức Nam sinh, ông Bùi Huy-Tín, ông Đỗ-Thận, ông Trần Trọng-Kim, quan Thương-tá Nguyễn Tất-Tế, quan Huyện Hoàng Hữu-Đôn, ông Trần Văn-Quang, ông Mai Du-Lân, ông Nguyễn Lễ, ông Nguyễn Quí-Toản, ông Nguyễn Huy-Hợi, quan Ấn Nghiêm Xuân-Quảng, ông Đào Huống-Mai, ông Đào Văn-Sử, ông Hoàng Kim-Bảng, ông Hoàng Quang-Hương, ông Trần Viết Soạn, ông Nguyễn Văn-Tâm.

Tòa trị-sự có mời dự tiệc quan cai-trị Chatel Chánh Văn-Phòng quan Toàn-quyền và quan Cai-trị Lacombe, trưởng tòa Chánh trị ở phủ Toàn-quyền. Lại được cái dịp may-mắn quan cai-trị Marty là danh-dự-hội-trưởng hội ta mới nghỉ ở bên Pháp sang, ngài cũng vui vẻ dự tiệc và các hội-viên đều mừng rỡ lại được tiếp mặt ngài, sau một năm trời cách-vắng.

Tiệc dọn rất là trọng-thể. Các ngài dự-tiệc đều bận lễ-phục, các quan thời đeo huy-chương bội-tinh cả. Lại có ả-đào hát mừng mời rượu và múa bài-bông. Thật là nghiêm-trang vui-vẻ, đáng cuộc tiễn biệt một vị đại-thần có danh-vọng to trong nước.

Đến khi uống *champagne* thời quan Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đứng lên tức-tịch đọc một bài thay mặt Hội chúc mừng quan Hiệp Thân. Đại-khái nói rằng Hội được tin quan Phó Hội-trưởng Thân-đại-nhân đắc-chỉ hồi Kinh để sung một chức trọng trong triều, các hội-viên tuy tiếc xa mất một tay chủ-trương có thế-lực trong Hội, nhưng vui mừng rằng ngài được Hoàng-Thượng và Bảo-hộ tín-dụng như thế, thật là thơm lây cho cả toàn Hội. Ước-ao rằng về Kinh ngài sẽ vẫn cứ để tâm giúp cho Hội và đem cái chủ-nghĩa của Hội là chủ-nghĩa Pháp-Việt-tương-thân truyền-bá ở cõi Trung-Kỳ v. v...

Quan Hội trưởng nói xong — thời quan Hiệp Thân đứng lên đọc một bài trả lời lại quan Hội-trưởng và cám ơn cả hàng Hội. Ngài đọc bằng chữ Pháp, rồi sau lại dịch ra tiếng ta. Đại-khái ngài nói rằng dù xa dù gần ngài cũng không quên Hội và sẽ một niềm giúp cho Hội được phát-đạt; nối lời quan Hội-trưởng về chủ-nghĩa Pháp-Việt tương-thân, ngài nói rằng chủ nghĩa ấy thực là chủ nghĩa chung của các người thức-giả trong nước, và về phần riêng ngài bình-sinh ngài vẫn chỉ theo đuổi một chủ-nghĩa ấy. Nhưng mà muốn cho Pháp-Việt tương-thân, thời về phần người Việt mình phải làm thế nào cho xứng-đáng đi lại với người quí-quốc, nghĩa là để cho người quí-quốc có thể kiến trọng được. Ngài nói rằng chỉ có một cách, là muốn được người kiến-trọng thời mình phải biết tự-trọng trước, phải sửa-sang cái tư-cách mình thế nào cho thật xứng-

đáng và có thể đề-huề với người quí quốc không đến nỗi thẹn. Tự-tu tự-kỉnh, đó là cái phận-sự của bọn thượng-lưu trong nước ta, và đó chính là công-việc của Hội Khai-trí tiến-đức, v. v.

Quan Hiệp Thân nói đến hơn một khắc đồng hồ, lời-lẽ cao-thượng, ý-tứ sâu-xa, cử-tọa đều lấy làm cảm-động.

Tiệc xong rồi, các Hội-viên ngồi nghe hát và nói chuyện mãi đến hơn 1 giờ đêm mới tan. Thật là một cuộc họp mặt vui-vẻ, thân-mật, và nhân có mấy quí-quan dự tiệc, lại cũng là một dịp thi-hành cái chủ-nghĩa Pháp Việt-tương-thân vậy.

Các Hội-viên ta được tin quan Hiệp Thân về Kinh này, chắc người xa kẻ gần, ai cũng đồng-thanh chúc ngài hai chữ bình-an vậy.

Một cách báo hiếu mới. — Bản-hội trong tháng Septembre vừa rồi có tiếp được thơ của bà Nguyễn Thị-Trác là con gái cụ Cố Giáo-học Nguyễn Bá-Học mới mất ở Nam-định tháng trước, xin quyên vào hội một trăm đồng 100 $ 00 để ghi tên cụ vào bia tán-trợ-hội viên, gọi là một cách báo-hiếu. Hội vui lòng nhận tiền quyên ấy và có viết giấy ngợi khen Bà Nguyễn Thị-Trác đã nghĩ ra một cách báo-hiếu rất xứng-đáng.

Ước ao rằng trong quốc-dân ta sẽ có nhiều người theo gương Bà Nguyễn Thị-Trác.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Septembre có hai ông viết giấy xin vào chân Hội, hạn hai tháng ai có dị-nghị xin viết thơ cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-trì. — Ông Phạm Trọng-Giác, sergent tonkinois, en service à la concession Russe à Han Kéon (Chine). Quán làng Khương-thượng, tổng Yên-vãn, phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình.

Xin vào thường-hội-viên. — Ông Đoàn Thái-Bảo, ancien instituteur, village de Giao-long, An hoa, Mỹ-tho (Nam-kỳ).

Phụ-lục bài ca « tập Kiều » đọc tiễn quan Hiệp Thân trong tiệc ngày 6 Octobre

(Của ông Tú-tài *Đông-châu* Nguyễn Hữu-Tiến soạn)

Có quan Tổng-đốc trọng-thần,
Trước sau trọn-vẹn xa gần ngợi-khen.
Tình xưa ân trả nghĩa đền,
Cùng người một hội một thuyền đâu xa.
Trên vì nước dưới vì nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường.
Đã hay nên toán miếu-đường,
Thời treo giải nhất chi nhường cho ai.
Rỡ mình rạng vẻ cân-đai,
Khâm ban sắc-chỉ tới nơi rành rành.
Nền phú-quí bậc tài-danh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Đi về này những lối này năm xưa
Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Một là đắc-hiếu hai là đắc-trung.
Tấn-dương được thấy mây rồng,
Khát-khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
Ở trong còn lắm điều hay!

Khẩn-cáo. — Xin kính-cáo các ngài đọc báo biết cho rằng nhân Đông-kinh ấn-quán tới tháng này dồi chỗ, gọn ở phố Hàng Bông sang phố hàng Gai số 82, nên kỳ Nam-Phong này ra chậm mất mấy hôm, xin các ngài rộng lượng cho.

Lê Văn Phúc cẩn-cáo

Hai kỳ này nhiều bài quá, mục tiểu-thuyết « Lĩnh-nam dật-sử » đình đến kỳ sau. — N. P.